

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 04 năm 2026

Kính gửi: Các hãng sản xuất, nhà cung cấp tại Việt Nam

Hiện nay, Trường Đại học Khoa học tự nhiên, ĐHQG-HCM có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, xây dựng giá gói thầu, làm cơ sở tổ chức lựa chọn nhà thầu cung cấp hàng hóa chất lượng phục vụ giảng dạy cho Khoa Sinh học – Công nghệ Sinh học năm học 2026-2027 theo danh mục đính kèm.

**I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá:**

- 1. Yêu cầu đơn vị báo giá tuân thủ theo số thứ tự danh mục hàng hóa yêu cầu báo giá (Phụ lục 1), đối với mục hàng hóa không báo giá được giữ nguyên tên hàng hóa, để trống đơn giá.**
- Thông tin liên hệ tiếp nhận báo giá: Trường Đại học Khoa học tự nhiên tiếp nhận báo giá đồng thời theo 2 hình thức:
  - Nhận trực tiếp tại địa chỉ: Phòng Quản trị Thiết bị - A04 - Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, số 227 Nguyễn Văn Cừ, Phường Chợ Quán, TP. HCM. Số điện thoại: 028 38304094.
  - Nhận qua email: [vtdquynh@hcmus.edu.vn](mailto:vtdquynh@hcmus.edu.vn) / Zalo: 0968144871 - Văn Thiên Diễm Quỳnh.
- Thời hạn tiếp nhận báo giá: Từ ngày thông báo đến hết ngày 11 tháng 05 năm 2026.
- Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.
- Thời hạn có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 120 ngày kể từ ngày 11 tháng 05 năm 2026.

**II. Nội dung yêu cầu báo giá:**

- Danh mục các mặt hàng yêu cầu báo giá tại Phụ lục 1.
- Địa điểm cung cấp: Tại Trường Đại học Khoa học tự nhiên, số 227 Nguyễn Văn Cừ, Phường Chợ Quán và Khu đô thị Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh, Phường Đông Hòa, Thành phố Hồ Chí Minh.
- Thời gian thực hiện hợp đồng dự kiến: 120 ngày.
- Dự kiến về các điều khoản tạm ứng, thanh toán hợp đồng:
  - Tạm ứng: Không áp dụng.
  - Phương thức thanh toán: *thanh toán chuyển khoản qua ủy nhiệm chi của Kho bạc Quận 5 TP.HCM*
- Thành phần hồ sơ báo giá:
  - Báo giá: Theo mẫu báo giá đính kèm tại Phụ lục 2.
  - Giấy đăng ký kinh doanh phù hợp với nội dung báo giá.
  - Văn bản minh chứng đơn vị báo giá có tên trên hệ thống mạng đấu thầu quốc gia.

- Tài liệu chứng minh về tính năng, thông số kỹ thuật của mặt hàng báo giá và tài liệu liên quan (nếu có).

6. Các thông tin khác:

- Tổng giá trị của hàng hóa trong báo giá đã bao gồm thuế, phí và các loại chi phí khác theo quy định hiện hành.

- Điều kiện đảm bảo khác:

- Đối với hóa chất: Hàng hóa còn mới 100%, tối thiểu thời hạn sử dụng còn lại là 70% thời gian theo quy định của nhà sản xuất kể từ ngày bàn giao.
- Đối với dụng cụ và nguyên vật liệu: Hàng hóa mới 100% và sản xuất từ năm 2025.
- Đảm bảo cung cấp hàng hóa, cam kết thực hiện được dịch vụ đổi trả nếu hàng hóa xảy ra các vấn đề liên quan đến chất lượng trong quá trình sử dụng khi bên mua có yêu cầu...

Trân trọng thông báo.

**TRƯỞNG PHÒNG PHÒNG QUẢN TRỊ THIẾT BỊ**

**(Đã ký)**

**Lê Thị Nga**

**PHỤ LỤC 1: DANH MỤC HÀNG HÓA YÊU CẦU BÁO GIÁ.**

STT	Danh mục hàng hóa	Ký mã hiệu	Nhãn hiệu	Xuất xứ (quốc gia, vùng lãnh thổ)	Hãng sản xuất	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Khối lượng
1	Ethanol absolute, C <sub>2</sub> H <sub>6</sub> O	E/0650D F/17	Thermo Fisher	Mỹ	Thermo Fisher Scientific	Phần trăm độ tinh khiết: 99,8% Dạng vật chất: Lỏng pH: 7 Điểm sôi: 78° C	Chai/ 2,5 Lít	1
2	Kit tách chiết, EZ-10 Column and collection tube	SD5005	Biobasic	Canada	Biobasic	Chất liệu: Polypropylen Kiểu lọc: Thấm hút Khối lượng làm việc: 0,7 mL Dung tích phễu: 1,0 mL	Gói/ 100 cái	1
3	Kit tách chiết, Taq DNA Polymerase, recombinant (5 U/μL)	EP0402	Thermo Fisher	Lithuania	Thermo Fisher Scientific	Hiệu suất PCR giàu GC: Thấp Đề sử dụng với (Ứng dụng): Chuẩn PCR Loại sản phẩm: Taq DNA Polymerase (Tái tổ hợp)	Ống/ 500 Units	1
4	Chloroform, 99.8+%, CHCl <sub>3</sub>	C/4960/1 7	Fisher Chemical	Mỹ	Thermo Fisher Scientific	Màu: Không màu Khối lượng mol: 119,38g/mol Độ nóng chảy: -63°C	Chai/ 2.5 Lít	1
5	PHENOL SATURATED pH 7.9	DD-020	ABT	Việt Nam	ABT	Mục đích: Phenol saturated pH 7.9 sử dụng trong tách chiết, tinh sạch DNA khỏi protein trên mẫu thực vật, mẫu tế bào nuôi cấy,... Điều kiện lưu trữ: Nhiệt độ mát 2-8°C	Chai/ 400 ml	1
6	Enzyme cắt giới hạn, EcoRI (10U/μl)	ER0271	Thermo Fisher	Lithuania	Thermo Fisher Scientific	Nồng độ: 10U/μl Độ nhạy methyl hóa: Nhạy cảm với Methyl CpG, Không nhạy cảm với Methyl Dam, Không nhạy cảm với Methyl Dcm Nhiệt độ phản ứng tối ưu: 37°C	Ống/ 5,000 Units	1
7	Kit tách chiết, XhoI (10 U/μL)	ER0695	Thermo Fisher	Lithuania	Thermo Fisher Scientific	Nồng độ: 10 U/μL Độ nhạy methyl hóa: Nhạy cảm với Methyl CpG, Không nhạy cảm với Methyl Dam, Không nhạy cảm với Methyl Dcm Enzyme: Xho I	Ống/ 5,000 Units	1

8	Acetic acid, potassium salt, 99+%, pure, anhydrous, C <sub>2</sub> H <sub>3</sub> KO <sub>2</sub>	220150010	Thermo Scientific Chemicals	Hà Lan	Thermo Fisher Scientific	Màu: Trắng Phổ hồng ngoại: Phù hợp Hàm lượng: ≥99.0 %	Chai/ 1 kg	1
9	Môi trường dinh dưỡng, IPTG	IB0168	Biobasic	Canada	Biobasic	Dạng vật chất: Bột tinh thể màu trắng Độ nóng chảy: 112°C±2°C	Chai/ 1 gam	1
10	Môi trường, Agarose M	SA002-0500	Genedirex	Đài Loan	Genedirex	Xuất hiện: Bột màu trắng Độ bền gel 1% (w/v) gel: >1200 g/cm <sup>2</sup> Điểm nóng chảy của gel 1,5% (w/v): 87-89°C	Chai/ 500 gam	1
11	Kit tách chiết, dNTP Mix (10 mM each)	P031-02	Vazyme	Trung Quốc	Vazyme	PCR companion: dNTP Mix chứa các dung dịch nước được trộn sẵn của dATP, dCTP, dGTP và dTTP, mỗi dung dịch có nồng độ cuối cùng là 10 mM	Ống/5 x 1 ml	1
12	X-Gal	BB0083	Biobasic	Canada	Biobasic	Dạng: Bột tinh thể màu trắng đến trắng ngà Màu của dung dịch (1% trong DMF/nước 1:1): Colorless	Chai/ 1 gam	1
13	RNase A, DNase and protease-free (10 mg/mL)	EN0531	Thermo Scientific	Lithuania	Thermo Fisher Scientific	Loại sản phẩm: RNase A. Khối lượng: 10 mg Nồng độ: 10 mg/mL	Chai/ 10 mg	1
14	Glycerol, 99+%, C <sub>3</sub> H <sub>8</sub> O <sub>3</sub>	G/0650/15	Thermo Fisher	Mỹ	Thermo Fisher Scientific	Điểm nóng chảy: 18°C Ph: 5 Điểm sôi: 290°C	Chai/ 1 lít	1
15	Cồn 96, C <sub>2</sub> H <sub>5</sub> OH	64-17-5-96	Chemsol	Việt Nam	VINA-CHEM	Phân trăm độ tinh khiết: 96% Dạng vật chất: Chất lỏng	Lít	1
16	Ống ly tâm 50ml	CFT000500	Jet Biofil	Trung Quốc	Guangzhou Jet Bio-Filtration Co., Ltd.	Thân ống: Polypropylene (PP) Nắp ống: Polyethylene mật độ cao (HDPE) Dung tích: 50 ml	Thùng/ 500 cái	1
17	Ống ly tâm 15ml	CFT000150	Jet Biofil	Trung Quốc	Guangzhou Jet Bio-Filtration Co., Ltd.	Thân ống: Polypropylene (PP) Nắp ống: Polyethylene mật độ cao (HDPE) Dung tích: 15 ml	Thùng/ 500 cái	1

18	Ống PCR 0,2ml	MB-P02- A	Gunster	Trung Quốc	Gunster	Vật liệu: nhựa PP USP Thể tích: 0.2ml Không có: DNase, RNase, DNA, PCR Inhibitor, ATP, Endotoxin	Gói/ 500 cái	1
19	Ống Microtube PP 1.5ml nắp phẳng, nhãn mờ- chia vạch	23053	Flmedical	Ý	Flmedical	Ống ly tâm 1,5 ml hình nón Vật liệu: nhựa PP có nắp bằng Trong suốt	Gói/ 500 cái	1
20	Đầu típ xanh 1000 $\mu$ l	28053	Flmedical	Ý	Flmedical	Đầu típ polypropylene loại từ 100 đến 1000 $\mu$ l	Gói/ 500 cái	1
21	Đầu típ 10 uL	20-0010	Biologix	Trung Quốc	Biologix	Vật liệu: Nhựa PP Dung tích hút mẫu: 10 $\mu$ l Có thể hấp diệt trùng	Gói/ 1000 cái	1
22	Đầu típ vàng có khóa 0-200 $\mu$ l	28052	Flmedical	Ý	Flmedical	Đầu típ màu vàng polypropylene, loại từ 0 đến 200 $\mu$ l	Gói/ 1000 cái	1
23	Môi trường, Agarose M	SA002- 0500	Genedirex	Đài Loan	Genedirex	Xuất hiện: Bột màu trắng Độ bền gel 1% (w/v) gel: >1200 g/cm <sup>2</sup> Điểm nóng chảy của gel 1,5% (w/v): 87- 89°C	Chai/ 500 gam	1
24	SolGent™ 1 kb Plus DNA Ladder	SDL54- B500	Solgent	Hàn Quốc	Solgent	Kích thước dải: 100 bp ~ 10.000 bp Số dải: 16 Nồng độ: 150 ng/ $\mu$ l	Bộ/ 0.1 ml x 5 ống	1
25	SolGent™ 1 kb Plus DNA Ladder	SDL54- B500	Solgent	Hàn Quốc	Solgent	Kích thước dải: 100 bp ~ 10.000 bp Số dải: 16 Nồng độ: 150 ng/ $\mu$ l	Bộ/ 0.1 ml x 5 ống	1
26	Ống Microtube PP 2ml nắp phẳng, nhãn mờ-chia vạch	23073	Flmedical	Ý	Flmedical	Ống ly tâm 2 ml đáy tròn Vật liệu: nhựa PP có nắp bằng Trong suốt	Gói/ 500 cái	1
27	Ống Microtube PP 1.5ml nắp phẳng, nhãn mờ- chia vạch	23053	Flmedical	Ý	Flmedical	Ống ly tâm 1,5 ml hình nón Vật liệu: nhựa PP có nắp bằng Trong suốt	Gói/ 500 cái	1
28	Ống ly tâm, ependoff 0,5ml	80-0500	Biologix	Trung Quốc	Biologix	Vật liệu: polypropylene Dung tích: 0,5 ml Nhiệt độ: -20°C đến 121°C	Hộp/ 500 cái	1

29	Ống ly tâm, Falcon 15ml	50015	SPL	Hàn Quốc	SPL Life Sciences	Vật liệu: PP/HDPE Kích thước: 17,00 x 120,70 mm	Thùng/ 500 cái	1
30	Ống ly tâm, Conical tubes 50 ml	50050	SPL	Hàn Quốc	SPL Life Sciences	Vật liệu: PP/HDPE Kích thước: 30,00 x 116,70 mm	Thùng/ 500 cái	1
31	Màng Parafilm 10 cm x 38 m	PM996	Ancor	Mỹ	Ancor	Vật liệu: Giấy Parafilm Quy cách: 4 inches x 125 feet (10 cm x 38m)	Cuộn	1
32	Đầu tip 50- 1000 µl	1001/E	APTACA	Ý	APTACA	Vật liệu: Polypropylene Dung tích: 50-1000 ul	Gói/ 1000 cái	1
33	Đầu tip vàng có khóa 0-200 µl	28052	Flmedical	Ý	Flmedical	Đầu tip màu vàng polypropylene, loại từ 0 đến 200 µl	Gói/ 1000 cái	1
34	Đầu tip 10 uL	20-0010	Biologix	Trung Quốc	Biologix	Vật liệu: Nhựa PP Dung tích hút mẫu: 10µl Có thể hấp diệt trùng	Gói/ 1000 cái	1
35	Bao rác đại 780 x 900 mm	DD780	Đại Hoàng Nguyên	Việt Nam	Đại Hoàng Nguyên	Size sản phẩm: đại, 780 x 900 mm Sản phẩm gồm 3 cuộn, tổng trọng lượng 1kg	Kg	1
36	Bơm tiêm 10 ml	BT10- KT-VH	Vinahank ook	Việt Nam	Vinahankoo k	Bơm tiêm sử dụng 1 lần 10 ml	Hộp/ 100 cái	1
37	Bút lông dầu màu xanh	FO-PM- 09	Thiên Long	Việt Nam	Thiên Long	Bề rộng 2 nét viết: 0,8 mm & 6 mm Màu mực: Xanh	Cái	1
38	Bút lông viết bảng màu xanh	BIZ- WB02	Thiên Long	Việt Nam	Thiên Long	Bề rộng 2 nét viết: 0,8 mm & 6 mm Màu mực: Xanh Loại: viết bảng trắng có thể xóa	Cái	1
39	Dây thun	Size 50mm	Lợi lợi	Việt Nam	Lợi lợi	Vật liệu: Cao su tự nhiên Size: 50 mm Chịu nhiệt hấp diệt trùng	Kg	1
40	Găng tay không bột size M	Latex- không bột Size M	Vglove	Việt Nam	Khải Hoàn	Chất liệu: Cao su tự nhiên Size M, Không bột chưa diệt trùng. Dùng được cả hai tay, cổ tay được se viền, bề mặt găng tay trơn hoặc vùng bàn tay nhám. Màu trắng cao su tự nhiên	Hộp/ 100 cái	1

41	Găng tay không bột size M	Latex-không bột Size M	Vglove	Việt Nam	Khải Hoàn	Chất liệu: Cao su tự nhiên Size M, Không bột chưa tiệt trùng. Dùng được cả hai tay, cổ tay được se viền, bề mặt găng tay trơn hoặc vùng bàn tay nhám. Màu trắng cao su tự nhiên	Hộp/ 100 cái	1
42	Găng tay nilon	Găng-nilon	Tuấn Ngọc	Việt Nam	Tuấn Ngọc	Bao tay ni lông tiện lợi được sản xuất từ hạt PE có độ bền cao và chịu được mọi tác động lý hóa trong nhiều điều kiện môi trường sử dụng khác nhau.	Hộp/ 100 cái	1
43	Giấy A4 70gsm	A4 Double A 70gsm	Double A	Việt Nam	Double A	Chất lượng: Giấy trắng đẹp, láng, mịn Quy cách: Khô A4 (500sheets/ Ream) Định lượng: 70gsm	Xấp	1
44	Giấy vệ sinh	Saigon Care-giấy cuộn	Saigon Care	Việt Nam	Sai Gon Coop	Nguyên liệu bột giấy 100%, phụ gia. Giấy dai, mềm mại và an toàn cho da.	Gói/ 10 cuộn	1
45	Ly giấy loại nhỏ	Lygiay.1 50ml	Coop Select	Việt Nam	Sai Gon Coop	Vật liệu: Giấy phủ màng dành cho thực phẩm Dung tích: 150 ml	Cái	1
46	Giấy nhôm 5 cm x 30 m	R12	Ringo	Việt Nam	Sai Gon Coop	Loại sản phẩm: Màng nhôm bọc thực phẩm Kích thước: Dài 5m x rộng 30 cm	Cuộn	1
47	Nước rửa tay 450 gam	P03374	Lifebuoy	Việt Nam	UNILEVER	Nước rửa tay: Công thức Ag+ Khối lượng: 450 gam Mùi: Có mùi An toàn da tay	Chai/ 450 gam	1
48	Môi trường dinh dưỡng, Tryptone Broth (Tryptone Water)	M463	Himedia	Ấn Độ	Himedia	Tryptone: 10,000 g/l Sodium chloride: 5,000 g/l pH: 7,5±0,2	Chai/ 500 gam	1
49	Cồn 96, C2H5OH	64-17-5-96	Chemsol	Việt Nam	VINA-CHEM	Phân trăm độ tinh khiết: 96% Dạng vật chất: Chất lỏng	Lít	1
50	di-Potassium hydrogen phosphate anhydrous, K2HPO4	16788-57-1	Xilong	Trung Quốc	Xilong Scientific	Hàm lượng ≥98,0% pH: 9,0-9,3 Chloride(Cl): ≤0,004% Sulfate(SO4): ≤0,03%	Chai/ 500 gam	1

51	Bột thạch, Agar	Agar-1Kg	Platapiant ong	Thái Lan	Wong Tawee	Dạng vật lý: bột Màu: trắng Dùng cấy mô Tan tốt trong nước nóng trên 85°C, không tan trong nước lạnh.	Kg	1
52	Bột cao nấm men, Yeast Extract Powder	RM027-500G	HIMEDIA A	Ấn Độ	HIMEDIA	Số lượng vi khuẩn: ≤ 2000 CFU / gram Số lượng nấm men & nấm mốc: ≤ 100 CFU / gram Tổng Nitrogen: ≥ 10,50% Amino Nitrogen: ≥ 4,50%	Chai/ 500 gam	1
53	D-Glucose, C6H12O6	1.18327.010	GHTECH	Trung Quốc	Guangdong Guanghua Sci-Tech Co., Ltd.	Hàm lượng: 52,50-53,00 Dạng vật chất: Bột kết tinh màu trắng không màu, không mùi, Hòa hơi sấy: 7,5%-9,1%	Chai/ 500 gam	1
54	Sodium chloride, NaCl	1.01307.040	GHTECH	Trung Quốc	Guangdong Guanghua Sci-Tech Co., Ltd.	Hàm lượng (NaCl) ≥ 99,5% Giá trị pH (dung dịch 50g / L, 25 °C): 5,0 - 8,0 Chất không hòa tan trong nước: ≤ 0,005%	Chai/ 500 gam	1
55	Ammonium Chloride	12125-02-9	Xilong	Trung Quốc	Xilong Scientific	Dạng vật chất: Không mùi, vị mặn, dễ hút ẩm, dạng bột hoặc hạt kết tinh màu trắng. Hàm lượng: 99,50%	Chai/ 500 gam	1
56	Nước lau sàn	Sunlight-lausan-3,6kg	Sunlight	Việt Nam	Unilever	Tinh dầu hoa lily, hương thảo, các thành phần làm sạch.	Gói/ 3.6 kg	1
57	Nước rửa tay 450 gam	P03374	Lifebuoy	Việt Nam	UNILEVER	Nước rửa tay: Công thức Ag+ Khối lượng: 450 gam Mùi: Có mùi An toàn da tay	Chai/ 450 gam	1
58	Lọ trữ lạnh 2 ml	81-8204	Biologix	Trung Quốc	Biologix	Vật liệu: Polypropylene Nhiệt độ: -86°C - 121°C Dung tích: 2 ml	Gói/ 50 cái	1
59	Băng keo chỉ thị nhiệt	1322-12MM	3M	Mỹ	3M	Chiều dài: 55 mét Chiều rộng: 12 mm	Cuộn	1
60	Bộ cối chà sứ Ø100mm	C33595-0100	ONELAB	Trung Quốc	Zhejiang Huili	Vật liệu: Sứ Đường kính cối: 100mm	Bộ	1
61	Bông gòn không thấm	Bông Mỡ-1KG	Bảo Thạch	Việt Nam	Châu Ngọc Thạch	Vật liệu: 100% bông tự nhiên, đã được chải qua để loại bỏ tạp chất. Kết cấu mịn màng và mềm mại. Không thấm nước.	Kg	1

62	Bông gòn thâm	Bông- 1KG	Bảo Thạch	Việt Nam	Châu Ngọc Thạch	Vật liệu: 100% bông xơ tự nhiên. Khả năng thấm hút cao và nhanh. Mịn màng, mềm mại, không gây kích ứng da. Thân thiện môi trường, bông trắng và sạch. Bông có sợi sơ dài và chắc chắn, nên khi sử dụng sẽ không bị đổ bụi.	Kg	1
63	Găng tay nylon	Găng- nylon	Tuấn Ngọc	Việt Nam	Tuấn Ngọc	Bao tay ni lông tiện lợi được sản xuất từ hạt PE có độ bền cao và chịu được mọi tác động lý hóa trong nhiều điều kiện môi trường sử dụng khác nhau.	Hộp/ 100 cái	1
64	Lamelle/ Phiến kính 22*22mm	0101050	Marienf eld	Đức	Marienfeld	Vật liệu: Thủy tinh Kích thước: 22x22 mm	Hộp/ 100 cái	1
65	Giấy vệ sinh	Giấy cuộn-An An	An An	Việt Nam	An An	Dạng cuộn, giấy vệ sinh 2 lớp	Cuộn	1
66	Que cấy vòng	ONE.QC V.200	ONELAB	Việt Nam	Thanh Vân	Vật liệu: Thép không gỉ Chiều dài: 200 mm	Cái	1
67	Màng nhôm 45 cm x 5 cm	R18	Goodfoil	Việt Nam	Sai Gon Coop	Vật liệu: giấy nhôm, bạc Kích thước: 45 cm x 5 m	Cuộn	1
68	Miếng rửa chén	CN10,1c m	Sai gon Coop	Việt Nam	Sai gon Coop	Được sản xuất từ mặt lưới bọc lớp mút đặc bên trong nên miếng rửa chén dễ dàng làm sạch các bề mặt không gây trầy xước Kích thước: 10,1 cm x 7,6 cm	Cái	1
69	Giá pipet ngang bằng nhựa (12 vị trí)	US- C373600 00E	ONELAB	Trung Quốc	Zhejiang Huili	Vật liệu: PP 12 vị trí	Cái	1
70	Micropipet hấp tiết trùng 1 kênh 10-100µl	LHP2- V10	Phoenix Instrumen t Gmbh	Trung Quốc	Dlab	Độ chính xác ± %: 1,00 Hiển thị vạch chia <%: 0,40 Có thể hấp tiết trùng	Cái	1
71	Hộp quẹt	Q7	Hoa Việt	Việt Nam	Hoa Việt	Bật lửa nhựa là thiết bị được dùng để tạo ra ngọn lửa nhằm tạo nguồn lửa	Cái	1

72	Bột thịt, HM Extract Powder	RM003-500G	Himedia	Ấn Độ	Himedia	Số lượng vi khuẩn: ≤ 2000 CFU/gram Số lượng nấm men & nấm mốc: ≤ 100 CFU/gram Total Nitrogen: ≥ 11,50% Amino Nitrogen: ≥ 3,20% Sodium chloride: ≤ 6,0%	Chai/500 gam	1
73	Bột thịt, HM Peptone B Powder	RM002-500G	Himedia	Ấn Độ	Himedia	Số lượng vi khuẩn: ≤ 2000 CFU/gram Số lượng nấm men & nấm mốc: ≤ 100 CFU / gram Tổng Nitrogen: ≥ 12,50% Amino Nitrogen: ≥ 3,50%	Chai/500 gam	1
74	Calcium carbonate, CaCO <sub>3</sub>	GRM1044	Himedia	Ấn Độ	Himedia	Độ hòa tan: 33,3 mg hòa tan trong 1 mL axit clohydric loãng Cl: ≤ 0,025%	Chai/500 gam	1
75	Sulfuric acid, H <sub>2</sub> SO <sub>4</sub>	1.14006.028	GHTECH	Trung Quốc	Guangdong Guanghua Sci-Tech Co., Ltd.	Dạng vật chất: là chất lỏng nhớt trong suốt không màu, không mùi. Tỉ trọng tương đối: 1,83 Mật độ hơi tương đối: 3,4	Chai/500 gam	1
76	Starch soluble, (C <sub>6</sub> H <sub>10</sub> O <sub>5</sub> ) <sub>n</sub>	1.24255.010	GHTECH	Trung Quốc	Guangdong Guanghua Sci-Tech Co., Ltd.	Dạng vật chất: Bột màu trắng. Tỷ trọng tương đối (nước = 1): 1,499 - 1,513 g / cm <sup>3</sup> Tính tan: Không tan trong nước, etanol và etc.	Chai/500 gam	1
77	BHI Broth (Brain Heart Infusion Broth)	M210-500G	Himedia	Ấn Độ	HIMEDIA	HM infusion powder #: 12.500 BHI powder: 5.000 Proteose peptone: 10.000	Chai/500 gam	1
78	Ammonium molybdate tetrahydrate, (NH <sub>4</sub> ) <sub>6</sub> Mo <sub>7</sub> O <sub>24</sub> .4H <sub>2</sub> O	1.06010.020	GHTECH	Trung Quốc	Guangdong Guanghua Sci-Tech Co., Ltd.	Dạng: Tinh thể lỏng trụ không màu hoặc hơi xanh lục. Tỷ trọng tương đối (nước = 1): 2,38-2,95	Chai/500 gam	1
79	Ammonium acetate, CH <sub>3</sub> COONH <sub>4</sub>	1.06042.010	GHTECH	Trung Quốc	Guangdong Guanghua Sci-Tech Co., Ltd.	Dạng: Chất rắn màu trắng, có vị axit yếu Giá trị pH: 6,7-7,3 50g/l H <sub>2</sub> O (20°C)	Chai/500 gam	1
80	Tartaric acid, HOOCCH(OH)CH(OH)COOH	1.14137.010	GHTECH	Trung Quốc	Guangdong Guanghua Sci-Tech Co., Ltd.	Dạng: Rắn, màu trắng, không vị. pH: 1.6 (100 g/l H <sub>2</sub> O, 25°C)	Chai/500 gam	1

81	Ống Microtube PP 2ml nắp phẳng, nhãn mờ-chia vạch	1230-16-100	ONELAB	Trung Quốc	Zhejiang Huili	Vật liệu: Thủy tinh Boro 3.3 Đường kính: 16 mm Cao: 100 mm	Cái	1
82	Màng Parafilm 10 cm x 38 m	PM996	Ancor	Mỹ	Ancor	Vật liệu: Giấy Parafilm Quy cách: 4 inches x 125 feet (10 cm x 38m)	Cuộn	1
83	Ống ly tâm nhựa PP đáy nhọn kẻ vạch 15ml-17x120mm	21408	Flmedical	Ý	Flmedical	Vật liệu: Nhựa PP Tiệt trùng Kích thước: 17x120 mm	Gói/ 50 cái	1
84	Ống Microtube PP 1.5ml nắp phẳng, nhãn mờ-chia vạch	23053	Flmedical	Ý	Flmedical	Ống ly tâm 1,5 ml hình nón Vật liệu: nhựa PP có nắp bằng Trong suốt	Gói/ 500 cái	1
85	Đầu típ xanh 1000 µl	28053	Flmedical	Ý	Flmedical	Đầu típ polypropylene loại từ 100 đến 1000 µl	Gói/ 500 cái	1
86	Đầu típ vàng có khóa 0-200 µl	28052	Flmedical	Ý	Flmedical	Đầu típ màu vàng polypropylene, loại từ 0 đến 200 µl	Gói/ 1000 cái	1
87	Ống ly tâm nhựa PP đáy nhọn kẻ vạch 50ml-30x115mm	21401	Flmedical	Ý	Flmedical	Vật liệu: Nhựa PP Kiểu: Có nắp vặn Kích thước: 30x115 mm	Gói/ 100 cái	1
88	Giá đa năng 4 mặt. nhựa PP	ONE.CT R.1003	ONELAB	Trung Quốc	Zhejiang Huili	Giá giữ tube ly tâm 50ml, 15ml, 1.5ml, 0.5 ml Chịu nhiệt: -196°C-121°C	Cái	1
89	Buồm đếm Neubauer-improved, 0,1 mm	0640030	Marienfeld	Đức	Marienfeld	tuân thủ tiêu chuẩn DIN 12847 Neubauer-improved Kích thước: 0.1 mm	Cái	1
90	Trắc vi thị kính	ONE.W F10X	ONELAB	Trung Quốc	Zhejiang Huili	Độ phóng đại: 10X Quang trường: 22 hoặc 18 mm Đường kính mắt kính: 35 mm	Cái	1
91	Lam kính trắc vi	ONE.TK 901	ONELAB	Trung Quốc	Zhejiang Huili	Lam kính kích thước 26*76mm Có khắc thước với 100 vạch, mỗi vạch nhỏ nhất có kích thước 10 micron (micromet)	Cái	1
92	Isopropanol, CH <sub>3</sub> CHOH-CH <sub>3</sub>	CH <sub>3</sub> CHOH-CH <sub>3</sub> -500ML	Chemsol	Việt Nam	VINA-CHEM	Hợp chất không màu, dễ cháy với mùi mạnh. Quy cách đóng gói: chai 500 ml	Chai/ 500 ml	1

93	Môi trường, Peptone, Bacteriological	RM001- 500G	Himedia	Ấn Độ	HIMEDIA	Số lượng vi khuẩn ≤ 2000 CFU / gram Số lượng nấm men & nấm mốc ≤ 100 CFU / gram Total Nitrogen ≥ 13,50% Amino Nitrogen ≥ 3,00%	Chai/ 500 gam	1
94	Bột thạch, agar	Duymai Agar- 1Kg	Duy Mai	Việt Nam	Duy Mai	Dạng vật chất: bột Màu: trắng Dùng cấy mô Tan tốt trong nước nóng trên 85°C, không tan trong nước lạnh.	Kg	1
95	Cồn tuyệt đối, C <sub>2</sub> H <sub>5</sub> OH	C <sub>2</sub> H <sub>5</sub> O H-99.5- LIT	Chemsol	Việt Nam	VINA- CHEM	Phần trăm độ tinh khiết: 99,5% Dạng vật lý: Chất lỏng không màu Quy cách đóng gói: chai 1 lit	Chai/ 1 Lít	1
96	Sodium hydroxide, NaOH	1310-73- 2	Xilong	Trung Quốc	Xilong Scientific	Dạng: rắn màu trắng đục, dễ chảy nước. Nồng độ: ≥96,0%	Chai/ 500 gam	1
97	Hydrochloric acid, HCL	1.14008. 028	GHTECH	Trung Quốc	Guangdong Guanghua Sci-Tech Co., Ltd.	Dạng vật lý: Là chất khí cô đặc không màu, mùi hắc. Tỉ trọng tương đối: 1,19 Tỉ trọng hơi tương đối: 1,27 Điểm nóng chảy (°C): -114,2	Chai/ 500 ml	1
98	Cồn 96, C <sub>2</sub> H <sub>5</sub> OH	64-17-5- 96	Chemsol	Việt Nam	VINA- CHEM	Phần trăm độ tinh khiết: 96% Dạng vật chất: Chất lỏng	Lít	1
99	Sodium dihydrogen phosphate dihydrate, NaH <sub>2</sub> PO <sub>4</sub> .2 H <sub>2</sub> O	1.01503. 020	GHTECH	Trung Quốc	Guangdong Guanghua Sci-Tech Co., Ltd.	Hàm lượng: ≥99,0% Chloride (Cl): ≤0,005% Sulfate (SO <sub>4</sub> ): ≤0,005%	Chai/ 500 gam	1
100	di-Sodium Hydrogen Phosphate, Na <sub>2</sub> HPO <sub>4</sub> .1 2H <sub>2</sub> O	7558-79- 4	Xilong	Trung Quốc	Xilong Scientific	Bột kết tinh màu trắng. Hàm lượng ≥ 99,7%	Chai/ 500 gam	1
101	di- Potassium hydrogen phosphate anhydrous, K <sub>2</sub> HPO <sub>4</sub>	16788- 57-1	Xilong	Trung Quốc	Xilong Scientific	Hàm lượng ≥98,0% pH: 9,0-9,3 Chloride(Cl): ≤0,004% Sulfate(SO <sub>4</sub> ): ≤0,03%	Chai/ 500 gam	1

102	Potassium dihydrogen phosphate, KH <sub>2</sub> PO <sub>4</sub>	1.01863.020	GHTECH	Trung Quốc	Guangdong Guanghua Sci-Tech Co., Ltd.	Hàm lượng: ≥99,5% Chất không tan trong nước: ≤0,002% Chloride(Cl): ≤0,001%	Chai/ 500 gam	1
103	Potassium hydroxide, KOH	1.01763.028	GHTECH	Trung Quốc	Guangdong Guanghua Sci-Tech Co., Ltd.	Hàm lượng: ≥ 85,0% Carbonate: ≤ 1,5% Chloride: ≤ 0,01%	Chai/ 500 gam	1
104	Acetic Acid, CH <sub>3</sub> COOH	64-19-7	Xilong	Trung Quốc	Xilong Scientific	Nồng độ: 99,5% Dạng vật lý: Chất lỏng	Chai/ 500 ml	1
105	Sodium chloride, NaCl	1.01307.040	GHTECH	Trung Quốc	Guangdong Guanghua Sci-Tech Co., Ltd.	Hàm lượng (NaCl) ≥99,5% Giá trị pH (dung dịch 50g / L, 25 °C): 5,0 - 8,0 Chất không hòa tan trong nước: ≤0,005%	Chai/ 500 gam	1
106	D-Glucose, C <sub>6</sub> H <sub>12</sub> O <sub>6</sub>	1.18327.010	GHTECH	Trung Quốc	Guangdong Guanghua Sci-Tech Co., Ltd.	Hàm lượng: 52,50-53,00 Dạng vật chất: Bột kết tinh màu trắng không màu, không mùi, Hóa hơi sấy: 7,5%-9,1%	Chai/ 500 gam	1
107	Barium hydroxide octahydrate, Ba(OH) <sub>2</sub> .8(H <sub>2</sub> O)	1.03675.016	GHTECH	Trung Quốc	Guangdong Guanghua Sci-Tech Co., Ltd.	Dạng: bột màu trắng. Tỷ trọng tương đối: 4,5 Điểm nóng chảy (°C): 408	Chai/ 500 gam	1
108	Sodium potassium tartrate tetrahydrate, C <sub>4</sub> H <sub>4</sub> KNaO <sub>6</sub> .4H <sub>2</sub> O	1.01560.010	GHTECH	Trung Quốc	Guangdong Guanghua Sci-Tech Co., Ltd.	Hàm lượng: ≥99,0% Dạng vật chất: rắn không màu đến trắng không vị, Chloride (Cl): ≤0,001%	Chai/ 500 gam	1
109	Đũa thủy tinh F6 x 300 mm	1294-6-300	ONELAB	Trung Quốc	Zhejiang Huili	Vật liệu: Thủy tinh boro 3.3 Kích thước: Đường kính 6 mm x dài 300 mm	Cái	1
110	Đũa thủy tinh F7 x 350 mm	1294-7-350	ONELAB	Trung Quốc	Zhejiang Huili	Vật liệu: Thủy tinh boro 3.3 Kích thước: Đường kính 7 mm x dài 350 mm	Cái	1
111	Que trang	ONE.QC T.230	ONELAB	Việt Nam	Thanh Vân	Vật liệu: Thủy tinh Chiều dài: 230 mm	Cái	1
112	Chai thủy tinh nâu 1000ml, nắp vặn xanh	1408-02-1000	ONELAB	Trung Quốc	Zhejiang Huili	Vật liệu: Thủy tinh boro 3.3, nắp vặn Dung tích: 1000 ml Chiều cao: 225 mm Đường kính thân: 101 mm	Cái	1

113	Chai thủy tinh trắng 1.000 ml, nắp vặn xanh	1408-01-1.000	ONELAB	Trung Quốc	Zhejiang Huili	Vật liệu: Thủy tinh boro 3.3, nắp vặn Chiều cao: 225 mm Đường kính thân: 101 mm	Cái	1
114	Micropipet hấp tiệt trùng 1 kênh 0.5-10 $\mu$ l	LHP2-V05	Phoenix Instrument GmbH	Trung Quốc	Dlab	Độ chính xác $\pm$ %: 1,50 Hiện thị vạch chia <%: 1,50 Có thể hấp tiệt trùng	Cái	1
115	Micropipet hấp tiệt trùng 1 kênh 10-100 $\mu$ l	LHP2-V10	Phoenix Instrument GmbH	Trung Quốc	Dlab	Độ chính xác $\pm$ %: 1,00 Hiện thị vạch chia <%: 0,40 Có thể hấp tiệt trùng	Cái	1
116	Ống nghiệm, 16x160	BLS.WR.10	Biohall Germany	Ấn Độ	Biohall	Vật liệu: ASTM E-438 Type-1 Class A, Thủy tinh Boro 3.3 Dung tích: 20 ml Đường kính: 16 mm Cao: 160 mm	Cái	1
117	Buret thủy tinh trắng khóa PTFE 25ML/0,05	BLS.180 0.10	Biohall Germany	Ấn Độ	Biohall	Vật liệu: Thủy tinh Boro 3.3, khóa nhựa PTFE Chia vạch: 0,1ml Sai số: 0,05ml	Cái	1
118	Bộ giá đỡ cốc	AA330-140	ONELAB	Việt Nam	Hữu Đạt	Vật liệu: Đẽ thép sơn tĩnh điện, trụ thép không gỉ Kích thước đế: 140x200 mm Kích thước trụ: 600x10 mm	Cái	1
119	Bông gòn không thấm	Bông Mỡ-1KG	Bảo Thạch	Việt Nam	Châu Ngọc Thạch	Vật liệu: 100% bông tự nhiên, đã được chải qua để loại bỏ tạp chất. Kết cấu mịn màng và mềm mại. Không thấm nước.	Kg	1
120	Lamelle/ Phiến kính 22*22mm	0101050	Marienfeld	Đức	Marienfeld	Vật liệu: Thủy tinh Kích thước: 22x22 mm	Hộp/ 100 cái	1
121	Lam kính tròn	C33050-030P72	ONELAB	Trung Quốc	Zhejiang Huili	Kích thước: 25 x 76 mm Dày: 0,8-1 mm	Hộp/ 72 cái	1
122	Đầu pipet vàng có khóa 0-200 $\mu$ l	28052	Flmedical	Ý	Flmedical	Đầu pipet màu vàng polypropylene, loại từ 0 đến 200 $\mu$ l	Gói/ 1000 cái	1
123	Đầu pipet vàng có khóa 0-200 $\mu$ l	28052	Flmedical	Ý	Flmedical	Đầu pipet màu vàng polypropylene, loại từ 0 đến 200 $\mu$ l	Gói/ 1000 cái	1
124	Ống Microtube PP 1.5ml nắp phẳng, nhân mở chia vạch	23053	Flmedical	Ý	Flmedical	Ống ly tâm 1,5 ml hình nón Vật liệu: nhựa PP có nắp bằng Trong suốt	Gói/ 500 cái	1

125	Ống Microtube PP 2ml nắp phẳng, nhân mờ-chia vạch	23073	Flmedical	Ý	Flmedical	Ống ly tâm 2 ml đáy tròn Vật liệu: nhựa PP có nắp bằng Trong suốt	Gói/ 500 cái	1
126	Ống ly tâm nhựa PP đáy nhọn kẻ vạch 15ml-17x120mm	21408	Flmedical	Ý	Flmedical	Vật liệu: Nhựa PP Tiệt trùng Kích thước: 17x120 mm	Gói/ 50 cái	1
127	Ống ly tâm nhựa PP đáy nhọn kẻ vạch 50ml-30x115mm	21401	Flmedical	Ý	Flmedical	Vật liệu: Nhựa PP Kiểu: Có nắp vận Kích thước: 30x115 mm	Gói/ 100 cái	1
128	Chổi rửa ống nghiệm 16mm	VC16x160	ONELAB	Việt Nam	Hữu Đạt	Vật liệu: Sợi thép bền lông thú Kích thước: Ø16x160 mm	Cái	1
129	Chai thủy tinh trắng 1.000 ml, nắp vận xanh	1408-01-1.000	ONELAB	Trung Quốc	Zhejiang Huili	Vật liệu: Thủy tinh boro 3.3, nắp vận Chiều cao: 225 mm Đường kính thân: 101 mm	Cái	1
130	Chai thủy tinh nâu 1000ml, nắp vận xanh	1408-02-1000	ONELAB	Trung Quốc	Zhejiang Huili	Vật liệu: Thủy tinh boro 3.3, nắp vận Dung tích: 1000 ml Chiều cao: 225 mm Đường kính thân: 101 mm	Cái	1
131	Giấy cân 100x100mm	C14650004P	ONELAB	Trung Quốc	Zhejiang Huili	Vật liệu: Giấy Kích thước: 100 x100 mm	Hộp/ 500 tờ	1
132	Dao mổ số 11	K-11	Doctor RIBBEL	Ấn Độ	Doctor RIBBEL	Vật liệu: Thép không gỉ Số: 11	Hộp/ 100 cái	1
133	Đèn cồn 150ml	1381-150	ONELAB	Trung Quốc	Zhejiang Huili	Vật liệu: Thủy tinh Cao: 118 mm	Cái	1
134	Que cấy vi sinh đầu thẳng	KH200-10	ONELAB	Trung Quốc	Zhejiang Huili	Vật liệu: Thép không gỉ Chiều dài: 200 mm	Cái	1
135	Cán dao mổ số 7	B.7	Bismed	Ấn Độ	Bismed	Vật liệu: Thép không gỉ Số: 7	Cái	1
136	Thanh khuấy từ 5*10 mm	070.001.010	DINLAB Laborgeräte	Czech	Technosklo	Vật liệu: Thép từ tính bọc PTFE Kích thước: 5 x 10 mm Hình dạng: Trụ tròn	Cái	1
137	Bộ cối chà sỏi Ø80mm	C33595-0080	ONELAB	Trung Quốc	Zhejiang Huili	Vật liệu: Sứ Đường kính cối: 80mm	Bộ	1
138	Tetracycline hydrochloride, C22H24N2O8.HCL	TB0504	Biobasic	Canada	Biobasic	Dạng: Bột màu vàng pH: 1.8-2.8 Độ quay quang học cụ thể: -240 ~ -258°	Chai/ 100 gam	1

139	Dung dịch, $\alpha$ -Glucosidase from <i>Saccharomyces cerevisiae</i>	G5003	Sigma-Aldrich	Singapore	Sigma-Aldrich	Protein by Biuret: $\geq 50\%$ $\alpha$ -Galactosidase: $\leq 0,1\%$	Ống/ 100 unit	1
140	Potassium acetate, C <sub>2</sub> H <sub>3</sub> O <sub>2</sub> K	PB0438	Biobasic	Canada	Biobasic	Dạng: Bột tinh thể màu trắng Hàm lượng: $\geq 99,0\%$ pH của dung dịch 5%: 6.5-9.0 tại 25°C	Chai/ 500 gam	1
141	Calcium carbonate, CaCO <sub>3</sub>	1.03302.020	GHTECH	Trung Quốc	Guangdong Guanghua Sci-Tech Co., Ltd.	Dạng: bột trắng không mùi, không vị hoặc tinh thể không màu. Tỷ trọng tương đối: 2,70 - 2,95	Chai/ 500 gam	1
142	Đĩa 96 giếng	30096	SPL	Hàn Quốc	SPL Life Sciences	Kích thước: 85,40 x 127,60 x 14,40 DNase / RNase – free	Thùng/ 50 cái	1
143	Nút cao su 2 lỗ x 5mm	US--C38620026T	ONELAB	Trung Quốc	Zhejiang Huili	Vật liệu: cao su Kiểu: 02 lỗ 5mm Kích thước: 26 x 32 x 28 mm	Cái	1
144	Bình tam giác thủy tinh miệng rộng 250 ml	1120-250	ONELAB	Trung Quốc	Zhejiang Huili	Vật liệu: Thủy tinh Boro 3.3 Đường kính cổ: 50 mm Đường kính đáy: 85 mm Chiều cao: 140 mm	Cái	1
145	Pipette nhựa tiệt trùng 10ml	07-5010	Biologix	Trung Quốc	Biologix	Được làm từ polystyrene nguyên chất trong suốt cao cấp Tiệt trùng bằng chùm tia điện tử Dung tích: 10.00ml	Cái	1
146	Giấy lọc định tính 110mm, chảy trung bình	102-110	Newstar	Trung Quốc	Newstar	Vật liệu: Giấy lọc Đường kính: 110 mm Loại: định tính chảy trung bình	Hộp/ 100 tờ	1
147	Giấy lọc định tính 110mm, chảy chậm	103-110	Newstar	Trung Quốc	Newstar	Vật liệu: Giấy lọc Đường kính: 110 mm Loại: định tính chảy chậm	Hộp/ 100 tờ	1
148	Cồn kế 0-100	0570FG000/20-qp	Alla	Pháp	ALLAFRANCE	Phạm vi: 0-100 Đơn vị: Richter Độ chia: 1	Cái	1
149	Nhiệt kế thân rượu 110 oC	C39050005E	ONELAB	Trung Quốc	Zhejiang Huili	Vật liệu: Thủy tinh Loại: Nhiệt kế thân rượu Khoản đo: -10oC - 110oC	Cái	1

150	Đĩa petri nhựa 90mm	29152	Flmedical	Ý	Flmedical	Vật liệu: Nhựa PS Đường kính: 90 mm Cao: 16,2 mm Không vents, tiêu chuẩn ISO 6	Thùng/ 480 cái	1
151	Ống Silicone 6x9mm	ONE.VD T.006	ONELAB	Việt Nam	Vinhduc	Chất liệu: Silicone Đường kính trong: 6mm Độ dày: 1,5mm	Mét	1
152	Ống Silicone 2x4mm	ONE.VD T.002	ONELAB	Việt Nam	Vinhduc	Chất liệu: Silicone Đường kính trong: 2mm Độ dày: 1mm	Mét	1
153	Chai thủy tinh nút mài miệng rộng màu nâu 125 ml	1402-02-125	ONELAB	Trung Quốc	Zhejiang Huili	Vật liệu: Thủy tinh Dung tích: 125ml Đường kính cổ: 24mm	Cái	1
154	Chai thủy tinh nút mài miệng rộng 125ml	1401-02-125	ONELAB	Trung Quốc	Zhejiang Huili	Vật liệu: Thủy tinh Dung tích: 125ml Chiều cao: 110mm	Cái	1
155	Chai thủy tinh nâu 100ml, nắp vặn xanh	1408-02-100	ONELAB	Trung Quốc	Zhejiang Huili	Vật liệu: Thủy tinh boro 3.3, nắp vặn Dung tích: 100 ml Chiều cao: 225 mm Đường kính thân: 101 mm	Cái	1
156	Chai thủy tinh trắng 100 ml, nắp vặn xanh	1408-01-100	ONELAB	Trung Quốc	Zhejiang Huili	Vật liệu: Thủy tinh boro 3.3, nắp vặn Dung tích: 100 ml	Cái	1
157	LDPE (HD-Polyethylene powder)	D155924-25g	Aladin	Trung Quốc	Aladin	Độ tinh khiết: 98%	Chai/25 gam	1
158	Gum acacia, powder	GRM682-500G	Himedia	Ấn Độ	Himedia	Dạng: Bột màu trắng đến vàng be Độ hòa tan: 1000 mg tan trong 1 mL nước Tro (Tổng): ≤ 4,0%	Chai/500 gam	1
159	LIPASE (From Aspergillus Niger)	L-05268	Oxford	Ấn Độ	Oxford lab fine chem LLP	Dạng: Hạt nhỏ hoặc bột màu trắng đến vàng nhạt hoặc màu be pH: 6,0 đến 10,0 Hoạt tính 25000 LU/g	Chai/100 gam	1
160	Hydrogen peroxide 30%, H2O2	1.01101.025	GHTECH	Trung Quốc	Guangdong Guanghua Sci-Tech Co., Ltd.	Chloride(Cl): ≤0,0001% Sulfate(SO4): ≤0,0003% Total nitrogen(N): ≤0,001%	Chai/500 ml	1

161	Sodium acetate anhydrous, CH <sub>3</sub> COONa	1.01545.020	GHTECH	Trung Quốc	Guangdong Guanghua Sci-Tech Co., Ltd.	Hàm lượng: ≥99,0% pH (50g/L, water, 25°C): 7,5-9,0	Chai/ 500 gam	1
162	Starch soluble, (C <sub>6</sub> H <sub>10</sub> O <sub>5</sub> ) <sub>n</sub>	1.24255.010	GHTECH	Trung Quốc	Guangdong Guanghua Sci-Tech Co., Ltd.	Dạng vật chất: Bột màu trắng. Tỷ trọng tương đối (nước = 1): 1,499 - 1,513g / cm <sup>3</sup> Tinh tan: Không tan trong nước, etanol và etc.	Chai/ 500 gam	1
163	Copper(II) sulfate pentahydrate, CuSO <sub>4</sub> .5H <sub>2</sub> O	1.09025.016	GHTECH	Trung Quốc	Guangdong Guanghua Sci-Tech Co., Ltd.	Dạng vật chất: Tinh thể màu xanh lam Tỷ trọng tương đối (nước = 1): 2,28 Điểm nóng chảy (°C): 200	Chai/ 500 gam	1
164	Sulfuric acid, H <sub>2</sub> SO <sub>4</sub>	1.14006.028	GHTECH	Trung Quốc	Guangdong Guanghua Sci-Tech Co., Ltd.	Dạng vật chất: là chất lỏng nhờn trong suốt không màu, không mùi. Tỷ trọng tương đối: 1,83 Mật độ hơi tương đối: 3,4	Chai/ 500 gam	1
165	2-Nitrophenyl β-D-glucopyranoside	N107920-1g	Aladin	Trung Quốc	Aladin	Độ tinh khiết: 99%	Chai/1 gam	1
166	Tween 80, C <sub>24</sub> H <sub>44</sub> O <sub>6</sub>	1.25304.050	GHTECH	Trung Quốc	Guangdong Guanghua Sci-Tech Co., Ltd.	Mật độ (20°C) (g/cm <sup>3</sup> ): 1,060-1,100 pH value: 5,0-7,0 Độ hòa tan trong ethanol: Đạt	Chai/500 ml	1
167	Laccase enzyme	L304691-100mg	Aladin	Trung Quốc	Aladin	Độ tinh khiết: ≥0,5U/mg	Lọ/ 100 mg	1
168	Tween 20, C <sub>58</sub> H <sub>113</sub> O <sub>26</sub>	1.25301.010	GHTECH	Trung Quốc	Guangdong Guanghua Sci-Tech Co., Ltd.	Mật độ (20°C) (g/cm <sup>3</sup> ): 1.08~1.13 Độ hòa tan trong etanol: Đạt Độ axit (KOH), mg/g: ≤2.0	Chai/ 500 ml	1
169	Bộ cối chà sứ Ø100mm	C33595-0100	ONELAB	Trung Quốc	Zhejiang Huili	Vật liệu: Sứ Đường kính cối: 100mm	Bộ	1
170	Giá ống nghiệm inox 21 vi tri-F30mm	ST500-21	ONELAB	Việt Nam	Hữu Đạt	Khay 21 chỗ chứa ống ly tâm 50ml Đường kính 30mm Vật liệu thép không gỉ	Cái	1
171	Phiếu thủy tinh 60 mm	1503-60	ONELAB	Trung Quốc	Zhejiang Huili	Vật liệu: Thủy tinh boro 3.3 Đường kính: 60 mm Đường kính cuộn phiếu: 8 mm Dài: 150 mm	Cái	1

172	Bình tam giác thủy tinh miệng rộng 100ml	1120-100	ONELAB	Trung Quốc	Zhejiang Huili	Vật liệu: Thủy tinh Boro 3.3 Đường kính cổ: 34 mm Đường kính đáy: 64 mm Chiều cao: 105 mm	Cái	1
173	Cốc thủy tinh 100 ml	1101-100	ONELAB	Trung Quốc	Zhejiang Huili	Vật liệu: Thủy tinh boro 3.3 Dung tích: 100 ml Đường kính thân: 50 mm	Cái	1
174	Ống nghiệm 22x175	BLS.WR.17	Biohall Germany	Ấn Độ	Biohall	Vật liệu: ASTM E-438 Type-1 Class A, Thủy tinh Boro 3.3. Đường kính: 22 mm Cao: 175 mm	Cái	1
175	Bông gòn không thấm	Bông Mỡ-1KG	Bảo Thạch	Việt Nam	Châu Ngọc Thạch	Vật liệu: 100% bông tự nhiên, đã được chải qua để loại bỏ tạp chất. Kết cấu mịn màng và mềm mại. Không thấm nước.	Kg	1
176	Cồn 96, C <sub>2</sub> H <sub>5</sub> OH	64-17-5-96	Chemsol	Việt Nam	VINA-CHEM	Phân trăm độ tinh khiết: 96% Dạng vật chất: Chất lỏng	Lít	1
177	Diethyl ether, C <sub>4</sub> H <sub>10</sub> O	60-29-7	Chemsol	Việt Nam	VINA-CHEM	Nồng độ: 99% Dạng vật chất: Lỏng Quy cách đóng gói: chai 500 ml	Chai/ 500 ml	1
178	Calcium chloride anhydrous, CaCl <sub>2</sub>	1.03377.010	GHTECH	Trung Quốc	Guangdong Guanghua Sci-Tech Co., Ltd.	Dạng vật chất: rắn màu trắng, không mùi Giá trị pH: 8-10 (100 g / l H <sub>2</sub> O, 20°C)	Chai/ 500 gam	1
179	Iron(II) sulfate heptahydrate, FeSO <sub>4</sub> .7H <sub>2</sub> O	1.11165.010	GHTECH	Trung Quốc	Guangdong Guanghua Sci-Tech Co., Ltd.	Hàm lượng: 99,0% - 101,0% Chất không tan trong nước: ≤0,005%	Chai/ 500 gam	1
180	Iron(III) chloride hexahydrate, FeCl <sub>3</sub> .6H <sub>2</sub> O	1.11166.018	GHTECH	Trung Quốc	Guangdong Guanghua Sci-Tech Co., Ltd.	Hàm lượng: ≥99,0% Dạng vật lý: Tinh thể màu nâu sẫm, có vảy, Free acid(as HCl): ≤0,1% Sulfate(SO <sub>4</sub> ): ≤0,01%	Chai/ 500 gam	1
181	Silver nitrate, AgNO <sub>3</sub>	1.09122.035	GHTECH	Trung Quốc	Guangdong Guanghua Sci-Tech Co., Ltd.	Hàm lượng: 99,8% Tỷ trọng tương đối (nước = 1): 4,35 Điểm nóng chảy (°C): 212	Chai/ 100 gam	1
182	Hydrochloric acid, HCL	1.14008.028	GHTECH	Trung Quốc	Guangdong Guanghua Sci-Tech Co., Ltd.	Dạng vật lý: Là chất khí cô đặc không màu, mùi hắc. Tỷ trọng tương đối: 1,19 Tỷ trọng hơi tương đối: 1,27	Chai/ 500 ml	1

						Điểm nóng chảy (°C): -114,2		
183	iso-Propanol 99,9%, CH <sub>3</sub> CH(OH) )CH <sub>3</sub>	1.17029. 363	GHTECH	Trung Quốc	Guangdong Guanghua Sci-Tech Co., Ltd.	Tỷ trọng tương đối (nước = 1): 0,79 Mật độ hơi tương đối (không khí = 1): 2,07 Điểm nóng chảy: -88,5 Điểm sôi: 80,3 Nồng độ: Tinh khiết Tính tan: Tan trong nước, rượu, etc, benzen, cloroform và hầu hết các dung môi hữu cơ.	Chai/500 ml	1
184	Dung dịch Sodium hydroxide, NaOH	1310-73- 2	Xilong	Trung Quốc	Xilong Scientific	Dạng: rắn màu trắng đục, dễ chảy nước. Nồng độ: ≥96,0%	Chai/ 500 mL	1
185	Ammonia Solution, NH <sub>4</sub> OH	1.06073. 028	GHTECH	Trung Quốc	Guangdong Guanghua Sci-Tech Co., Ltd.	Dạng vật chất: Là chất lỏng không màu, mùi hắc. Điểm nóng chảy (°C): - 77 °C Độ hòa tan: Hòa tan trong nước, rượu,	Chai/ 500 ml	1
186	Sodium Chloride, NaCl	S/3160/6 0	Thermo Fisher	Mỹ	Thermo Fisher Scientific	Dạng vật chất: rắn Màu: Trắng Độ tinh khiết: 99,5% Ph: 5-8	Chai/ 1 kg	1
187	Cồn 96, C <sub>2</sub> H <sub>5</sub> OH	64-17-5- 96	Chemsol	Việt Nam	VINA- CHEM	Phần trăm độ tinh khiết: 96% Dạng vật chất: Chất lỏng	Lít	1
188	Ca nhựa không quai 5.000ml	US- C15700- 5LB	ONELAB	Trung Quốc	Zhejiang Huili	Vật liệu: Nhựa PP Dung tích: 5.000 ml Chia vạch: Sơn xanh	Cái	1
189	Ca nhựa không quai 1.000ml	US/R- C15696- 1L	ONELAB	Trung Quốc	Zhejiang Huili	Vật liệu: Nhựa PP Dung tích: 1.000 ml Chia vạch: Sơn xanh Chịu nhiệt: 135°C	Cái	1
190	Cốc thủy tinh thấp thành 100ml, chịu nhiệt	BLS.100 0.05	Biohall Germany	Ấn Độ	Biohall	Vật liệu: Thủy tinh Boro 3.3 Tiêu chuẩn: DIN 12331 & ISO 3819 Đường kính: 50 mm Cao: 70 mm	Cái	1
191	Cốc thủy tinh thấp thành 250ml, chịu nhiệt	BLS.100 0.07	Biohall Germany	Ấn Độ	Biohall	Vật liệu: Thủy tinh boro 3.3 Tiêu chuẩn: DIN 12331 & ISO 3819 Đường kính: 70 mm Chiều cao: 95 mm	Cái	1

192	Đầu típ xanh 1000 $\mu$ l	28053	Flmedical	Ý	Flmedical	Đầu típ polypropylene loại từ 100 đến 1000 $\mu$ l	Gói/ 500 cái	1
193	Đầu típ vàng có khóa 0-200 $\mu$ l	28052	Flmedical	Ý	Flmedical	Đầu típ màu vàng polypropylene, loại từ 0 đến 200 $\mu$ l	Gói/ 1000 cái	1
194	Lamelle/ Phiến kính 22*22mm	0101050	Marienfel d	Đức	Marienfeld	Vật liệu: Thủy tinh Kích thước: 22x22 mm	Hộp/ 100 cái	1
195	Ống ly tâm nhựa PP đáy nhọn kẻ vạch 15ml-17x120mm	21408	Flmedical	Ý	Flmedical	Vật liệu: Nhựa PP Tiệt trùng Kích thước: 17x120 mm	Gói/ 50 cái	1
196	Ống ly tâm nhựa PP đáy nhọn kẻ vạch 50ml-30x115mm	21401	Flmedical	Ý	Flmedical	Vật liệu: Nhựa PP Kiểu: Có nắp vận Kích thước: 30x115 mm	Gói/ 100 cái	1
197	Ống Microtube PP 1.5ml nắp phẳng, nhân mờ-chia vạch	23053	Flmedical	Ý	Flmedical	Ống ly tâm 1,5 ml hình nón Vật liệu: nhựa PP có nắp bằng Trong suốt	Gói/ 500 cái	1
198	Thanh khuấy từ 6*30 mm	070.001.030	DINLAB Laborgerä te	Czech	Technosklo	Vật liệu: Thép từ tính bọc PTFE Kích thước: 6 x 30 mm Hình dạng: Trụ tròn	Cái	1
199	Thanh khuấy từ 8*50 mm	070.001.050	DINLAB Laborgerä te	Czech	Technosklo	Vật liệu: Thép từ tính bọc PTFE Kích thước: 8 x 50 mm Hình dạng: Trụ tròn	Cái	1
200	Bút lông đầu màu xanh	FO-PM-09	Thiên Long	Việt Nam	Thiên Long	Bề rộng 2 nét viết: 0,8 mm & 6 mm Màu mực: Xanh	Cái	1
201	Bút lông viết bảng màu xanh	BIZ-WB02	Thiên Long	Việt Nam	Thiên Long	Bề rộng 2 nét viết: 0,8 mm & 6 mm Màu mực: Xanh Loại: viết bảng trắng có thể xóa	Cái	1
202	Nước cất 1 lần	HG.5 $\mu$ S	Hoàng Giang	Việt Nam	Hoàng Giang	Dạng: chất lỏng không màu Đã được chưng cất một lần duy nhất, có độ tinh khiết tương đối cao. Độ dẫn: $\leq 5,0\mu$ S	Lít	1
203	Nước cất 2 lần	HG.2 $\mu$ S	Hoàng Giang	Việt Nam	Hoàng Giang	Dạng: chất lỏng không màu Đã được chưng cất hai lần, có độ tinh khiết tương đối cao. Độ dẫn: $\leq 2,0\mu$ S	Lít	1

204	Bao đựng rác trung	TT550	Đại Hoàng Nguyên	Việt Nam	Đại Hoàng Nguyên	Size sản phẩm: Trung, 550 x 650mm Sản phẩm có màu đen, thân thiện với môi trường Sản phẩm gồm 3 cuộn, tổng trọng lượng 1kg	Kg	1
205	Bộ lau nhà 360 độ	Omegam op-365	Sai Gon Coop	Việt Nam	Sai Gon Coop	Bộ sản phẩm bao gồm: 1 thùng vắt, 2 đoạn cán lau, 1 bông lau. Thùng chứa làm bằng nhựa cao cấp, cho độ bền cao và hạn chế hồng học khi va đập mạnh.. Sức chứa nước: 22 Lit	Bộ	1
206	Chổi bông cỏ quét nhà	Chổi 63	Sai Gon Coop	Việt Nam	Sai Gon Coop	Chổi bông cỏ (hay còn gọi là chổi đốt, chổi quét nhà, chổi bông sậy, chổi chít) thuộc dòng chổi cuốn dây kẽm, có bọc nhựa, đầu lót dây nylon màu để làm tay cầm và tạo thẩm mỹ. Kích thước: dài 63 cm x rộng 25 cm.	Cái	1
207	Găng tay không bột size M	Latex-không bột Size M	Vglove	Việt Nam	Khải Hoàn	Chất liệu: Cao su tự nhiên Size M, Không bột chưa tiệt trùng. Dùng được cả hai tay, cổ tay được se viền, bề mặt găng tay trơn hoặc vùng bàn tay nhám. Màu trắng cao su tự nhiên	Hộp/ 100 cái	1
208	Găng tay không bột size S	Latex-không bột Size S	Vglove	Việt Nam	Khải Hoàn	Chất liệu: Cao su tự nhiên Size S, Không bột chưa tiệt trùng. Dùng được cả hai tay, cổ tay được se viền, bề mặt găng tay trơn hoặc vùng bàn tay nhám. Màu trắng cao su tự nhiên	Hộp/ 100 cái	1
209	Khẩu than trang 3 lớp	4U-med	Thời Thanh Bình	Việt Nam	Thời Thanh Bình	Vật liệu: vải Loại: có lọc than hoạt tính	Hộp/ 50 cái	1
210	Khăn ăn Pulppy Supreme 2 lớp	805805	Pulppy	Việt Nam	New Toyo Pulppy Vietnam	Quy cách: 14 ± 2 gsm, 80 tờ x 2 lớp, 330mm x 330mm 100% bột giấy nguyên chất	Gói/ 80 tờ	1
211	Khăn lau 30x30 cm	KC30	Sai Gon Coop	Việt Nam	Sai Gon Coop	Vật liệu: Cotton thấm hút tốt Kích thước: 300x300	Kg	1

						mm		
212	Màng nhôm 45 cm x 5 cm	R18	Goodfoil	Việt Nam	Sai Gon Coop	Vật liệu: giấy nhôm, bạc Kích thước: 45 cm x 5 m	Cuộn	1
213	Miếng rửa chén	CN10,1c m	Sai gon Coop	Việt Nam	Sai gon Coop	Được sản xuất từ mặt lưới bọc lớp mút đặc bên trong nên miếng rửa chén dễ dàng làm sạch các bề mặt không gây trầy xước Kích thước: 10,1 cm x 7,6 cm	Cái	1
214	Nước lau sàn	Sunlight- lausan- 3,6kg	Sunlight	Việt Nam	Unilever	Tinh dầu hoa lily, hương thảo, các thành phần làm sạch.	Gói/ 3.6 kg	1
215	Nước rửa tay 450 gam	P03374	Lifebuoy	Việt Nam	UNILEVER	Nước rửa tay: Công thức Ag+ Khối lượng: 450 gam Mùi: Có mùi An toàn da tay	Chai/ 450 gam	1
216	Lauryl Sulphate Broth (Lauryl Tryptose Broth)	M080- 500G	Himedia	Ấn Độ	Himedia	Peptone: 5.000 Yeast extract: 3.000 Dextrose (Glucose): 1.000	Chai/500 gam	1
217	Môi trường vi sinh Coagulase Rabbit Plasma	BR0020 8	Biokar	Pháp	Biokar Diagnostics	Cấy khuẩn lạc để xác nhận vào môi trường nuôi cấy Brain Heart (BK015) và ủ 24 giờ ở 37°C. • Cấy 0,1 mL dịch nuôi cấy Brain Heart vào ống huyết tương thỏ. • Trộn đều. Ủ ở 35°C hoặc 37°C trong 4 đến 24 giờ.	Hộp/10 lọ	1
218	Bột thạch, Agar powder, Bact eriological Grade	GRM026 -500G	Himedia	Ấn Độ	HIMEDIA	Số lượng vi khuẩn ≤ 1000 CFU/gram Số lượng nấm men & nấm mốc ≤ 100 CFU / gram Canxi ≤ 0,1%	Chai/ 500 gam	1
219	Phenol Red Mannitol Broth	M570- 500G	Himedia	Ấn Độ	Himedia	Proteose peptone: 10.000 Beef extract: 1.000 Mannitol: 5.000	Chai/500 gam	1
220	Môi trường dinh dưỡng, Soyabean Casein Digest Medium (Tryptone Soya Broth)	M011	Himedia	Ấn Độ	Himedia	Thành phần: Gms / Lít Tryptone: 17.000 Soya peptone: 3.000 Sodium chloride: 5.000	Chai/ 500 gam	1

221	Thuốc thử kovac's	1092930 100	Millipore	Đức	Merck	Mật độ: 0.92 g/cm <sup>3</sup> (20 °C) Điểm chớp cháy: 36°C	Chai/ 100 ml	1
222	BHI Broth (Brain Heart Infusion Broth)	M210- 500G	Himedia	Ấn Độ	HIMEDIA	HM infusion powder #: 12.500 BHI powder: 5.000 Proteose peptone: 10.000	Chai/ 500 gam	1
223	Rappaport Vassiliadis Medium	M880- 500G	Himedia	Ấn Độ	Himedia	Soya peptone: 4.500 Sodium chloride: 7.200	Chai/500 gam	1
224	Ống ly tâm 50ml	CFT000 500	Jet Biofil	Trung Quốc	Guangzhou Jet Bio- Filtration Co., Ltd.	Thân ống: Polypropylene (PP) Nắp ống: Polyethylene mật độ cao (HDPE) Dung tích: 50 ml	Thùng/ 500 cái	1
225	Ống ly tâm 15ml	CFT000 150	Jet Biofil	Trung Quốc	Guangzhou Jet Bio- Filtration Co., Ltd.	Thân ống: Polypropylene (PP) Nắp ống: Polyethylene mật độ cao (HDPE) Dung tích: 15 ml	Thùng/ 500 cái	1
226	Ống durham	ONE.D6 25	ONELAB	Việt Nam	Thanh Vân	Vật liệu: Thủy tinh Kích thước: 6x25 mm	Cái	1
227	Ống đong để lọc giác thủy tinh 100ml	BLS.H.1 64	Biohall Germany	Ấn Độ	Biohall	Vật liệu: Thủy tinh Boro 3.3 Dung tích: 100 ml Vạch chia: 1 ml Class-A, DIN/ISO 4788 Độ sai lệch: ±0,5 ml	Cái	1
228	Cốc thủy tinh thấp thành 250ml, chịu nhiệt	BLS.100 0.07	Biohall Germany	Ấn Độ	Biohall	Vật liệu: Thủy tinh boro 3.3 Tiêu chuẩn: DIN 12331 & ISO 3819 Đường kính: 70 mm Chiều cao: 95 mm	Cái	1
229	Bơm tiêm 20ml	BT20- KT-VH	Vinahank ook	Việt Nam	Vinahankoo k	Bơm tiêm sử dụng 1 lần 20ml	Hộp/50 cái	1
230	Phin lọc CA, lỗ lọc 0,20 µm, Ø 28mm	S7597--- --- FXOSK	Sartorius	Đức	Sartorius	Đường kính: 28 mm Kích thước lỗ lọc: 0,2 µm Vật liệu màng lọc: Surfactant-free cellulose acetate (SFCA)	Hộp/ 50 cái	1
231	Màng lọc CA 0,45 µm, 47mm	11106-- 47-----N	Sartorius	Đức	Sartorius	Đường kính: 47 mm Kích thước lỗ lọc: 0,45 µm Vật liệu: CA	Hộp/ 100 tờ	1



						axeton, etc, cloroform.		
242	Dầu hỏa, Petroleum Ether (60- 90)	P-E-60- 90- 500ML	Chemsol	Việt Nam	VINA- CHEM	Nồng độ: 60-90% Dạng vật lý: Lỏng Điểm sôi: 60-90°C	Chai/ 500 ml	1
243	Đầu típ vàng có khóa 0-200 µl	28052	Flmedical	Ý	Flmedical	Đầu típ màu vàng polypropylene, loại từ 0 đến 200 µl	Gói/ 1000 cái	1
244	Đầu típ 10 µl	20-0010	Biologix	Trung Quốc	Biologix	Vật liệu: Nhựa PP Dung tích hút mẫu: 10µl Có thể hấp diệt trùng	Gói/ 1000 cái	1
245	Đĩa petri nhựa PS - F90x16,2m m- vô trùng	29162	Flmedical	Ý	Flmedical	Vật liệu: Nhựa PSĐường kính: 90 mmCao: 16,2 mmKhông vents, diệt trùng	Cái	1
246	Cốc thủy tinh thấp thành 250ml, chịu nhiệt	BLS.100 0.07	Biohall Germany	Ấn Độ	Biohall	Vật liệu: Thủy tinh boro 3.3 Tiêu chuẩn: DIN 12331 & ISO 3819 Đường kính: 70 mm Chiều cao: 95 mm	Cái	1
247	Cồn 96, C <sub>2</sub> H <sub>5</sub> OH	64-17-5- 96	Chemsol	Việt Nam	VINA- CHEM	Phần trăm độ tinh khiết: 96% Dạng vật chất: Chất lỏng	Lít	1
248	Chổi rửa ống nghiệm 16mm	VC16x1 60	ONELAB	Việt Nam	Hữu Đạt	Vật liệu: Sợi thép bện lông thú Kích thước: Ø16x160 mm	Cái	1
249	Iron(III) chloride hexahydrate, FeCl <sub>3</sub> .6H <sub>2</sub> O	1.11166. 018	GHTECH	Trung Quốc	Guangdong Guanghua Sci-Tech Co., Ltd.	Hàm lượng: ≥99,0% Dạng vật lý: Tinh thể màu nâu sẫm, có vảy, Free acid(as HCl): ≤0,1% Sulfate(SO <sub>4</sub> ): ≤0,01%	Chai/ 500 gam	1
250	POTASSIU M ACETATE 99% Extra Pure, CH <sub>3</sub> COOK	P-07070	Oxford	Ấn Độ	Oxford lab fine chem LLP	Dạng: Bột tinh thể màu trắng Định lượng: Tối thiểu 99,0% Cl- (Cl): Tối đa 0,05%	Chai/ 500 gam	1

251	n-Hexane CH <sub>3</sub> (CH <sub>2</sub> ) <sub>4</sub> CH <sub>3</sub>	1.15006. 013	GHTECH	Trung Quốc	Guangdong Guanghua Sci-Tech Co., Ltd.	Dạng vật chất: Chất lỏng không màu, có mùi khai. Điểm nóng chảy (°C): -95,6 Điểm sôi (°C): 68,7 Nồng độ: Tinh khiết Tính tan: Không tan trong nước, tan trong rượu, etc,... Hầu hết các dung môi hữu cơ.	Chai/ 500 ml	1
252	Chloroform, CHCl <sub>3</sub>	CHCl <sub>3</sub>	Chemsol	Việt Nam	VINA- CHEM	Nồng độ: 99% Dạng vật lý: Lỏng Dùng trong phòng thí nghiệm	Chai/ 500 ml	1
253	Ethanol absolute, C <sub>2</sub> H <sub>6</sub> O	1.17113. 023	GHTECH	Trung Quốc	Guangdong Guanghua Sci-Tech Co., Ltd.	Dạng vật chất: Lỏng không màu Điểm nóng chảy (°C): -114,1	Chai/ 500 ml	1
254	Dimethyl sulfoxide, C <sub>2</sub> H <sub>6</sub> OS	1.23041. 010	GHTECH	Trung Quốc	Guangdong Guanghua Sci-Tech Co., Ltd.	Dạng vật lý: Chất lỏng không màu, không mùi. Mật độ tương đối: 1,10 Điểm nóng chảy (°C): 18,45 Tính tan: Tan trong nước, tan trong etanol, axeton, etc, cloroform.	Chai/ 500 ml	1
255	Sulfuric acid, H <sub>2</sub> SO <sub>4</sub>	1.14006. 028	GHTECH	Trung Quốc	Guangdong Guanghua Sci-Tech Co., Ltd.	Dạng vật chất: là chất lỏng nhờn trong suốt không màu, không mùi. Tỷ trọng tương đối: 1,83 Mật độ hơi tương đối: 3,4	Chai/ 500 gam	1
256	Môi trường vi sinh, Folin- Ciocalteu's phenol reagent	1090010 100	Supelco	Đức	Merck	Axit tương đương c(H <sup>+</sup> ) = 2 mol/l (2N) Độ nhạy (với phenol): Phù hợp Độ nhạy (với albumin huyết thanh bò): Phù hợp	Chai/ 100 ml	1
257	Ống PCR 0,2ml	MB-P02- A	Gunster	Trung Quốc	Gunster	Vật liệu: nhựa PP USP Thể tích: 0.2ml Không có: DNase, RNase, DNA, PCR Inhibitor, ATP, Endotoxin	Gói/ 500 cái	1
258	Rifampicin, C <sub>43</sub> H <sub>58</sub> N <sub>4</sub> O <sub>12</sub>	R0146.0 001	Duchefa	Hà Lan	Duchefa Biochemie	Dạng: Bột Khối lượng phân tử: 823 g/mol Màu: Nâu đỏ	Chai/ 1 gam	1
259	Đầu tip 10 µl	20-0010	Biologix	Trung Quốc	Biologix	Vật liệu: Nhựa PP Dung tích hút mẫu: 10µl Có thể hấp diệt trùng	Gói/ 1000 cái	1

260	Sodium hydroxide, NaOH	1310-73-2	Xilong	Trung Quốc	Xilong Scientific	Dạng: rắn màu trắng đục, dễ chảy nước. Nồng độ: $\geq 96,0\%$	Chai/ 500 gam	1
261	di-Sodium Hydrogen Phosphate, Na <sub>2</sub> HPO <sub>4</sub> .1 2H <sub>2</sub> O	7558-79-4	Xilong	Trung Quốc	Xilong Scientific	Bột kết tinh màu trắng. Hàm lượng $\geq 99,7\%$	Chai/ 500 gam	1
262	Môi trường dinh dưỡng, Soyabean Casein Digest Medium (Tryptone Soya Broth)	M011	Himedia	Ấn Độ	Himedia	Thành phần: Gms / Lít Tryptone: 17.000 Soya peptone: 3.000 Sodium chloride: 5.000	Chai/ 500 gam	1
263	D-Glucose, C <sub>6</sub> H <sub>12</sub> O <sub>6</sub>	1.18327.010	GHTECH	Trung Quốc	Guangdong Guanghua Sci-Tech Co., Ltd.	Hàm lượng: 52,50-53,00 Dạng vật chất: Bột kết tinh màu trắng không màu, không mùi, Hóa hơi sấy: 7,5%-9,1%	Chai/ 500 gam	1
264	Đèn cồn 150ml	1381-150	ONELAB	Trung Quốc	Zhejiang Huili	Vật liệu: Thủy tinh Cao: 118 mm	Cái	1
265	Cồn tuyệt đối, C <sub>2</sub> H <sub>5</sub> OH	C2H5O H-99.5-LIT	Chemsol	Việt Nam	VINA-CHEM	Phân trăm độ tinh khiết: 99,5% Dạng vật lý: Chất lỏng không màu Quy cách đóng gói: chai 1 lít	Chai/ 1 Lít	1
266	Hydrochloric acid, HCL	1.14008.028	GHTECH	Trung Quốc	Guangdong Guanghua Sci-Tech Co., Ltd.	Dạng vật lý: Là chất khí cô đặc không màu, mùi hắc. Tỉ trọng tương đối: 1,19 Tỉ trọng hơi tương đối: 1,27 Điểm nóng chảy (°C): -114,2	Chai/ 500 ml	1
267	Nessler's reagent	1090280100	Supelco	Đức	Merck	Dạng: lỏng Cấp chất lượng: 100	Chai/ 100 ml	1
268	Băng keo chỉ thị nhiệt	1322-12MM	3M	Mỹ	3M	Chiều dài: 55 mét Chiều rộng: 12 mm	Cuộn	1
269	Sulfuric acid 95-97%, H <sub>2</sub> SO <sub>4</sub>	1007311000	Merck	Đức	Merck	Độ tinh khiết: 95.0 - 97.0 % Độ nóng chảy: -20 °C	Chai/ 1 Lít	1
270	Acetic Acid ,CH <sub>3</sub> COOH	64-19-7	Xilong	Trung Quốc	Xilong Scientific	Nồng độ: 99,5% Dạng vật lý: Chất lỏng	Chai/ 500 ml	1
271	DL-Malic acid, Free acid, C <sub>4</sub> H <sub>6</sub> O <sub>5</sub>	GRM203-500G	Himedia	Ấn Độ	Himedia	Dạng: Tinh thể, bột hoặc khối màu trắng đến gần như trắng Độ hòa tan: 100 mg tan trong 1 mL nước	Chai/ 500 gam	1

272	YEAST EXTRACT POWDER TYPE-I (Bacteriological Grade)	1224	TM Media	Trung Quốc	Titan Biotech Ltd	Dạng: Bột chảy tự do màu vàng đến nâu nhạt pH: 5.5-6.5	Chai/ 500 gam	1
273	Dung Dịch Rửa Điện Cực Thông Dụng, Chai 500mL	HI7061L	Hanna	Rumani	Hanna Instrument	Dung dịch không màu: Dung dịch không chứa bất kỳ màu nhuộm nào có thể làm ó vàng hoặc nhiễm màu mỗi nổi hoặc cell tham chiếu của điện cực.	Chai/ 500 ml	1
274	Chai vial trắng 20ml+ nắp vặn kín	C000005 7+ C000021 6	ALWSCI	Trung Quốc	Zhejiang ALWSCI Technologies Co.,Ltd	Vật liệu: Thủy tinh Dung tích: 20 ml Đường kính: 27,5x57 mm	Cái	1
275	Peptone R	1506	TM Media	Trung Quốc	Titan Biotech Ltd	Dạng: Bột màu vàng nhạt chảy tự do pH: 6.5-7.5	Chai/ 500 gam	1
276	Thìa mức hóa chất 2 đầu tròn 220mm	SS300-220A	ONELAB	Trung Quốc	Zhejiang Huili	Vật liệu: Thép không gỉ Dài: 220mm Kiểu: 2 đầu mức tròn	Cái	1
277	Ống nghiệm 16x160mm	1231-16-160	ONELAB	Trung Quốc	Zhejiang Huili	Vật liệu: Thủy tinh boro 3.3 Đường kính: 16mm Chiều dài: 160mm	Cái	1
278	Que cấy vi sinh đầu thẳng	KH200-10	ONELAB	Trung Quốc	Zhejiang Huili	Vật liệu: Thép không gỉ Chiều dài: 200 mm	Cái	1
279	Que cấy vi sinh đầu L	KH200-11	ONELAB	Trung Quốc	Zhejiang Huili	Vật liệu: Thép không gỉ Chiều dài: 200 mm	Cái	1
280	Ca nhựa có quai 1 lít	US-C15702-1LE	ONELAB	Trung Quốc	Zhejiang Huili	Vật liệu: PP Dung tích: 1.000 ml Chịu nhiệt: 121°C	Cái	1
281	Đũa thủy tinh F6 x 200 mm	1294-6-200	ONELAB	Trung Quốc	Zhejiang Huili	Vật liệu: Thủy tinh boro 3.3 Kích thước: Đường kính 6 mm x dài 200 mm	Cái	1
282	Giấy lọc định tính 600 mmx 600 mm, chảy trung bình	102-600	Newstar	Trung Quốc	Newstar	Vật liệu: Giấy lọc Kích thước: 600 mm x 600 mm Loại: định tính chảy trung bình	Hộp/ 100 tờ	1
283	Phễu thủy tinh 60 mm	1503-60	ONELAB	Trung Quốc	Zhejiang Huili	Vật liệu: Thủy tinh boro 3.3 Đường kính: 60 mm Đường kính cuộn phễu: 8 mm Dài: 150 mm	Cái	1

284	Cồn tuyệt đối, C <sub>2</sub> H <sub>5</sub> OH	C <sub>2</sub> H <sub>5</sub> O H-99.5- 1/2L	Chemsol	Việt Nam	VINA-CHEM	Nồng độ: 99,5% Dạng vật lý: Chất lỏng không màu Quy cách đóng gói: chai 500 ml	Chai/ 500 ml	1
285	Isopropanol, CH <sub>3</sub> CHOH- CH <sub>3</sub>	CH <sub>3</sub> CH OHCH <sub>3</sub> - 500ML	Chemsol	Việt Nam	VINA-CHEM	Hợp chất không màu, dễ cháy với mùi mạnh. Quy cách đóng gói: chai 500 ml	Chai/ 500 ml	1
286	CTAB, C <sub>19</sub> H <sub>42</sub> BrN	MB101	Himedia	Ấn Độ	Himedia	Dạng vật chất: Bột hoặc tinh thể màu trắng Độ hòa tan: 33,3 mg hòa tan trong 1 mL methanol pH: 5,00 - 7,00	Chai/ 100 gam	1
287	Ribonucleas e A from bovine pancreas	R6513-10MG	Sigma-Aldrich	Mỹ	Merck	Cấp chất lượng: 300 Dạng: đông khô Khối lượng mol: 13,7 kDa~13.700	Chai/ 10 mg	1
288	Triton X-100 For Molecular Biology, C <sub>34</sub> H <sub>62</sub> O <sub>11</sub>	MB031-100ML	HIMEDIA	Ấn Độ	HIMEDIA	Dạng vật lý: Chất lỏng nhớt không màu đến vàng nhạt hơi mờ Độ hòa tan: 33,3 mg hòa tan trong 1 mL nước FTIR : Phù hợp với mẫu tiêu chuẩn	Chai/ 100 ml	1
289	tri-Sodium citrate dihydrate, Hi-LR, Na <sub>3</sub> C <sub>6</sub> H <sub>5</sub> O <sub>7</sub> .2H <sub>2</sub> O	GRM255-500G	Himedia	Ấn Độ	Himedia	Dạng: Tinh thể, bột hoặc chất rắn không màu hoặc màu trắng Độ hòa tan: 33,3 mg tan trong 1 mL nước Độ pH (5% trong nước ở 25°C): 7,00 - 9,20	Chai/500 gam	1
290	Pipet bầu 1 vạch 100 ML, Class A	BLS.VP.186	Biohall Germany	Ấn Độ	Biohall	Vật liệu: Thủy tinh boro 3.3 Sai số (ml): 0,08 Chứng chỉ theo lô Tiêu chuẩn ISO 648 Mô tả: Kháng hóa chất, Pipet 1 vạch, class AS	Cái	1
291	Pipet bầu 1ml	1633-1	ONELAB	Trung Quốc	Zhejiang Huili	Vật liệu: Thủy tinh Dung tích: 1 ml Sai số: 0,007 ml Dài: 330 mm	Cái	1
292	Buret thủy tinh trắng khóa PTFE 25ML/0,05	BLS.180 0.10	Biohall Germany	Ấn Độ	Biohall	Vật liệu: Thủy tinh Boro 3.3, khóa nhựa PTFE Chia vạch: 0,1ml Sai số: 0,05ml	Cái	1

293	Bình tam giác miệng hẹp 250ml	BLS.120 1.04	Biohall Germany	Ấn Độ	Biohall	Vật liệu: Thủy tinh Boro 3.3 DIN ISO 1773 Đường kính thân: 85 mm Đường kính cổ: 34 mm Chiều cao: 145 mm	Cái	1
294	Cốc thủy tinh thấp thành 250ml, chịu nhiệt	BLS.100 0.07	Biohall Germany	Ấn Độ	Biohall	Vật liệu: Thủy tinh boro 3.3 Tiêu chuẩn: DIN 12331 & ISO 3819 Đường kính: 70 mm Chiều cao: 95 mm	Cái	1
295	Cốc thủy tinh thấp thành 50ml, chịu nhiệt	BLS.100 0.04	Biohall Germany	Ấn Độ	Biohall	Vật liệu: Thủy tinh Boro 3.3 Dung tích: 50 ml Tiêu chuẩn: DIN 12331 & ISO 3819 Đường kính: 42 mm Chiều cao: 58 mm	Cái	1
296	Ống đong thủy tinh 10ml	1601-10	ONELAB	Trung Quốc	Zhejiang Huili	Vật liệu: Thủy tinh Đẽ tròn Dung tích: 10 ml	Cái	1
297	Bình tia 500ml, miệng hẹp	US-C46041-0500	ONELAB	Trung Quốc	Zhejiang Huili	Dung tích: 500 ml Vật liệu: nhựa LDPE Kiểu: Miệng hẹp	Cái	1
298	Giá pipet ngang bằng nhựa (12 vị trí)	US-C3736000E	ONELAB	Trung Quốc	Zhejiang Huili	Vật liệu: PP12 vị trí	Cái	1
299	Ca nhựa không quai 1.000ml	US/R-C15696-1L	ONELAB	Trung Quốc	Zhejiang Huili	Vật liệu: Nhựa PP Dung tích: 1.000 ml Chia vạch: Sơn xanh Chịu nhiệt: 135°C	Cái	1
300	Ca nhựa không quai 2.000 ml	US/R-C15696-2L	ONELAB	Trung Quốc	Zhejiang Huili	Vật liệu: Nhựa PP Dung tích: 2.000 ml Chia vạch: Sơn xanh Chịu nhiệt: 135°C	Cái	1
301	Chổi rửa ống nghiệm 16mm	VC16x160	ONELAB	Việt Nam	Hữu Đạt	Vật liệu: Sợi thép bền lông thú Kích thước: Ø16x160 mm	Cái	1
302	Cốc thủy tinh 1.000 ml	1101-1.000	ONELAB	Trung Quốc	Zhejiang Huili	Vật liệu: Thủy tinh boro 3.3 Chiều cao: 145 mm Đường kính thân: 105 mm Độ dày: 2,2 mm	Cái	1
303	Cốc thủy tinh 100 ml	1101-100	ONELAB	Trung Quốc	Zhejiang Huili	Vật liệu: Thủy tinh boro 3.3 Dung tích: 100 ml Đường kính thân: 50 mm	Cái	1

304	Cốc thủy tinh thấp thành 100ml, chịu nhiệt	BLS.100 0.05	Biohall Germany	Ấn Độ	Biohall	Vật liệu: Thủy tinh Boro 3.3 Tiêu chuẩn: DIN 12331 & ISO 3819 Đường kính: 50 mm Cao: 70 mm	Cái	1
305	Cốc thủy tinh thấp thành 250ml, chịu nhiệt	BLS.100 0.07	Biohall Germany	Ấn Độ	Biohall	Vật liệu: Thủy tinh boro 3.3 Tiêu chuẩn: DIN 12331 & ISO 3819 Đường kính: 70 mm Chiều cao: 95 mm	Cái	1
306	Cốc thủy tinh thấp thành 50ml, chịu nhiệt	BLS.100 0.04	Biohall Germany	Ấn Độ	Biohall	Vật liệu: Thủy tinh Boro 3.3 Dung tích: 50 ml Tiêu chuẩn: DIN 12331 & ISO 3819 Đường kính: 42 mm Chiều cao: 58 mm	Cái	1
307	Đầu típ xanh 1000 $\mu$ l	28053	Flmedical	Ý	Flmedical	Đầu típ polypropylene loại từ 100 đến 1000 $\mu$ l	Gói/ 500 cái	1
308	Đầu típ vàng có khóa 0-200 $\mu$ l	28052	Flmedical	Ý	Flmedical	Đầu típ màu vàng polypropylene, loại từ 0 đến 200 $\mu$ l	Gói/ 1000 cái	1
309	Đĩa 96 giếng	30096	SPL	Hàn Quốc	SPL Life Sciences	Kích thước: 85,40 x 127,60 x 14,40 DNase / RNase – free	Thùng/ 50 cái	1
310	Đĩa petri nhựa PS - F90x16,2m m- vô trùng	29162	Flmedical	Ý	Flmedical	Vật liệu: Nhựa PS Đường kính: 90 mm Cao: 16,2 mm Không vents, tiệt trùng	Cái	1
311	Micropipette hấp tiệt trùng 1 kênh 100-1000ul	LHP2-V100	Phoenix Instrument GmbH	Trung Quốc	Dlab	Độ chính xác $\pm$ %: 0,70 Hiện thị vạch chia < %: 0,25 Có thể hấp tiệt trùng	Cái	1
312	Micropipet hấp tiệt trùng 1 kênh 20-200 $\mu$ l	LHP3-V20	Phoenix Instrument GmbH	Trung Quốc	Dlab	Độ chính xác $\pm$ %: 1,0 Hiện thị vạch chia < %: 0,30 Có thể hấp tiệt trùng, có khóa	Cái	1
313	Ống ly tâm nhựa PP đáy nhọn kẻ vạch 15ml-17x120mm	21408	Flmedical	Ý	Flmedical	Vật liệu: Nhựa PP Tiệt trùng Kích thước: 17x120 mm	Gói/ 50 cái	1
314	Ống ly tâm nhựa PP đáy nhọn kẻ vạch 50ml-30x115mm	21401	Flmedical	Ý	Flmedical	Vật liệu: Nhựa PP Kiểu: Có nắp vặn Kích thước: 30x115 mm	Gói/ 100 cái	1
315	Ống ly tâm, eppendoff 1,5ml	23053	Flmedical	Ý	Flmedical	Ống ly tâm 1,5 ml hình nón Vật liệu: nhựa PP có nắp bằng	Gói/ 500 cái	1

						Trong suốt		
316	Bảng mỏng sắc ký, TLC Silica gel 60 F254	1055540001	Supelco	Đức	Merck	Tấm TLC nhôm, silica gel phủ chỉ thị huỳnh quang F254. Các tấm TLC silica gel có số lượng 25 tấm kích thước 20x20 cm dùng cho ứng dụng sắc ký lớp mỏng.	Hộp/25 tờ	1
317	Bột thạch, agar	Duymai Agar-1Kg	Duy Mai	Việt Nam	Duy Mai	Dạng vật chất: bột Màu: trắng Dùng cấy mô Tan tốt trong nước nóng trên 85°C, không tan trong nước lạnh.	Kg	1
318	Đĩa 96 giếng, đáy bằng	32296	SPL	Hàn quốc	SPL Life Sciences	Vật liệu: PS Kích thước: 85,40 x 127,60 x 14,40	Thùng/100 cái	1
319	Phin lọc CA, lỗ lọc 0,20 µm, Ø 28mm	S7597--- --- FXOSK	Sartorius	Đức	Sartorius	Đường kính: 28 mm Kích thước lỗ lọc: 0,2 µm Vật liệu màng lọc: Surfactant-free cellulose acetate (SFCA)	Hộp/ 50 cái	1
320	Găng tay không bột size S	Latex-không bột Size S	Vglove	Việt Nam	Khải Hoàn	Chất liệu: Cao su tự nhiên Size S, Không bột chưa tiệt trùng. Dùng được cả hai tay, cổ tay được se viền, bề mặt găng tay trơn hoặc vùng bàn tay nhám. Màu trắng cao su tự nhiên	Hộp/ 100 cái	1
321	Cồn 96, C2H5OH	64-17-5-96	Chemsol	Việt Nam	VINA-CHEM	Phần trăm độ tinh khiết: 96% Dạng vật chất: Chất lỏng	Lít	1
322	Dung dịch huyết thanh, Fetal Bovine Serum	F4135-100ml	Sigma-Aldrich	Singapor	Merck	pH: 6,7 - 8,0 IgG bò: ≤ 1 mg/mL Nội độc tố: ≤ 10,0 EU/mL Đạt bài kiểm tra hiệu suất huyết thanh	Chai/100 ml	1
323	Dụng cụ phân phối Lỏng, Micropipette 100-1000 µl	20011216	IKA	Malaysia	IKA	Dung tích: 100 µl-1000 µl Độ chính xác: ±6 µl	cái	1
324	Bộ đèn UV 60cm	ONE.UV 60	ONELAB	Trung Quốc	Zhejiang Huili	Bao gồm máng và tầng phô Chiều dài: 60 cm	Bộ	1

325	Đĩa nuôi cấy tế bào 96 giếng	07-6096	Biologix	Trung Quốc	Biologix	Vật liệu: Polystyrene Kích thước: 85,4x127,6x14,4 mm	Cái	1
326	Ethanol absolute, C <sub>2</sub> H <sub>6</sub> O	E/0650D F/17	Thermo Fisher	Mỹ	Thermo Fisher Scientific	Phân trăm độ tinh khiết: 99,8% Dạng vật chất: Lồng pH: 7 Điểm sôi: 78° C	Chai/ 2,5 Lít	1
327	Acetic acid, C <sub>2</sub> H <sub>4</sub> O <sub>2</sub>	A/0360/PB17	Thermo Fisher	Mỹ	Thermo Fisher Scientific	Dạng vật chất: Lồng pH: 2,9 Độ nóng chảy: 16,6 °C	Chai/ 2,5 Lít	1
328	Bột thạch, Agar powder, Bact eriological Grade	GRM026 -500G	Himedia	Ấn Độ	HIMEDIA	Số lượng vi khuẩn ≤ 1000 CFU/gram Số lượng nấm men & nấm mốc ≤ 100 CFU / gram Canxi ≤ 0,1%	Chai/ 500 gam	1
329	Glycerol, C <sub>3</sub> H <sub>8</sub> O <sub>3</sub>	1.17062.020	GHTECH	Trung Quốc	Guangdong Guanghua Sci-Tech Co., Ltd.	Phân trăm Nồng độ: ≥99,0% Dạng vật chất: Lồng sánh không màu, không mùi, có vị ngọt ẩm, có thể hút ẩm. Chroma, Hazen: ≤10	Chai/ 500 ml	1
330	Găng tay không bột size M	Latex- không bột Size M	Vglove	Việt Nam	Khải Hoàn	Chất liệu: Cao su tự nhiên Size M, Không bột chưa tiết trùng. Dùng được cả hai tay, cổ tay được se viền, bề mặt găng tay trơn hoặc vùng bàn tay nhám. Màu trắng cao su tự nhiên	Hộp/ 100 cái	1
331	Cồn 96, C <sub>2</sub> H <sub>5</sub> OH	64-17-5-96	Chemsol	Việt Nam	VINA-CHEM	Phân trăm độ tinh khiết: 96% Dạng vật chất: Chất lỏng	Lít	1
332	Ống ly tâm 50ml	CFT000 500	Jet Biofil	Trung Quốc	Guangzhou Jet Bio-Filtration Co., Ltd.	Thân ống: Polypropylene (PP) Nắp ống: Polyethylene mật độ cao (HDPE) Dung tích: 50 ml	Thùng/ 500 cái	1
333	Ống ly tâm 15ml	CFT000 150	Jet Biofil	Trung Quốc	Guangzhou Jet Bio-Filtration Co., Ltd.	Thân ống: Polypropylene (PP) Nắp ống: Polyethylene mật độ cao (HDPE) Dung tích: 15 ml	Thùng/ 500 cái	1
334	Ống Microtube PP 1.5ml nắp phẳng, nhãn mờ chia vạch	23053	Flmedical	Ý	Flmedical	Ống ly tâm 1,5 ml hình nón Vật liệu: nhựa PP có nắp bằng Trong suốt	Gói/ 500 cái	1
335	Đầu tips xanh 1000 µl	28053	Flmedical	Ý	Flmedical	Đầu tips polypropylene loại từ 100 đến 1000 µl	Gói/ 500 cái	1

336	Cồn tuyệt đối, C <sub>2</sub> H <sub>5</sub> OH	C <sub>2</sub> H <sub>5</sub> O H-99.5- LIT	Chemsol	Việt Nam	VINA-CHEM	Phần trăm độ tinh khiết: 99,5% Dạng vật lý: Chất lỏng không màu Quy cách đóng gói: chai 1 lit	Chai/ 1 Lít	1
337	Glycerol, 99+%, C <sub>3</sub> H <sub>8</sub> O <sub>3</sub>	G/0650/1 5	Thermo Fisher	Mỹ	Thermo Fisher Scientific	Điểm nóng chảy: 18°C Ph: 5 Điểm sôi: 290°C	Chai/ 1 Lít	1
338	SDS, C <sub>12</sub> H <sub>25</sub> Na O <sub>4</sub> S	SB0485	Biobasic	Trung Quốc	Biobasic	Dạng vật lý: Bột hạt mịn màu trắng Hàm lượng: ≥99,5% Cl: ≤300ppm	Chai/ 100 gam	1
339	Giấy cân 100x100mm	C14650 004P	ONELAB	Trung Quốc	Zhejiang Huili	Vật liệu: Giấy Kích thước: 100 x100 mm	Hộp/ 500 tờ	1
340	Sodium Dodecyl Sulfate, C <sub>12</sub> H <sub>25</sub> Na O <sub>4</sub> S	S/5200/5 3	Thermo Fisher	Mỹ	Thermo Fisher Scientific	Dạng vật chất: rắn Màu: Trắng pH: 8,5 đến 10	Chai/ 500 gam	1
341	Ammonium sulfate, (NH <sub>4</sub> ) <sub>2</sub> SO <sub>4</sub>	ADB006 0	Biobasic	Canada	Biobasic	Dạng vật lý: Bột tinh thể màu trắng Hàm lượng: ≥99,0% pH: 5,0-6,0	Chai/ 500 gam	1
342	Môi trường vi sinh, Folin-Ciocalteu's phenol reagent	1090010 100	Supelco	Đức	Merck	Axit tương đương c(H <sup>+</sup> ) = 2 mol/l (2N) Độ nhạy (với phenol): Phù hợp Độ nhạy (với albumin huyết thanh bò): Phù hợp	Chai/ 100 ml	1
343	Hộp đầu tip 10 µl	21-0010	Biologix	Trung Quốc	Biologix	Vật liệu: Nhựa PP, tiệt trùng Dung tích: 10 µl Không RNase & DNase, không-pyrogenic	Hộp/ 96 cái	1
344	D-FRUCTOSE 99% AR, C <sub>6</sub> H <sub>12</sub> O <sub>6</sub>	F-04216	Oxford	Ấn Độ	Oxford lab fine chem LLP	Dạng: Bột tinh thể màu trắng Hàm lượng: Tối thiểu 99,0% Chất không tan: Tối đa 0,005%	Chai/ 500 gam	1
345	Sucrose, C <sub>12</sub> H <sub>22</sub> O <sub>11</sub>	1.18302. 010	GHTECH	Trung Quốc	Guangdong Guanghua Sci-Tech Co., Ltd.	Hàm lượng: 66,2°-66,7° Chất không tan trong nước: ≤0,002% Hóa hơi khi sấy: ≤0,03 Chloride(Cl): ≤0,0005%	Chai/ 500 gam	1
346	L (+) ARABINOS E 99% AR, C <sub>5</sub> H <sub>10</sub> O <sub>5</sub>	A-01103	Oxford	Ấn Độ	Oxford lab fine chem LLP	Dạng: Bột tinh thể màu trắng Hàm lượng: Tối thiểu 99,0% Độ hao hụt khi sấy ở 60°C (trong chân	Chai/ 25 gam	1

						không): Tối đa 0,5%		
347	D(-)- Ribose, C <sub>5</sub> H <sub>10</sub> O <sub>5</sub>	PCT061 4-5G	Himedia	Ấn Độ	Himedia	Dạng: Tinh thể hoặc bột màu trắng đến be nhạt Độ hòa tan: 100 mg tan trong 1 mL nước	Chai/ 5 gam	1
348	L(+) RHAM NOSE 99%,C <sub>6</sub> H <sub>12</sub> O <sub>5</sub> .H <sub>2</sub> O	R-07530	Oxford	Ấn Độ	Oxford lab fine chem LLP	Dạng: Bột tinh thể màu trắng Hàm lượng: Tối thiểu 99,0% Chất không tan: Tối đa 0,005%	Chai/ 100 gam	1
349	4- Nitrophenyl palmitateli pase substrate, chromogeni c, ≥98% (TLC), powder, C <sub>22</sub> H <sub>35</sub> NO 4	N2752- 1G	Sigma- Aldrich	Mỹ	Merck	Cấp chất lượng: 200 Dạng: bột Độ hòa tan: cloroform: 100 mg/mL, trong suốt, không màu đến hơi vàng Nhiệt độ bảo quản: -20°C	Chai/ 1 gam	1
350	Tris HCl Buffer 1M Solution, Sterile pH 9.0	SD8146	Biobasic	Canada	Biobasic	pH tại 25°C: 8.9-9.1 Tris: 0.98-1.02M Dnase: Không phát hiện	Chai/ 450 ml	1
351	Đầu tí p xanh 1000 µl	28053	Flmedical	Ý	Flmedical	Đầu tí polypropylene loại từ 100 đến 1000 µl	Gói/ 500 cái	1
352	Đầu tí vàng có khóa 0-200 µl	28052	Flmedical	Ý	Flmedical	Đầu tí màu vàng polypropylene, loại từ 0 đến 200 µl	Gói/ 1000 cái	1
353	Kim tiêm insulin	50 IU	Vinahank ook	Việt Nam	Vinahankoo k	Bơm tiêm sử dụng 1 lần 1ml/50IU	Hộp/ 100 cái	1
354	Bơm tiêm 1ml	BT1-KT- VH	Vinahank ook	Việt Nam	Vinahankoo k	Bơm tiêm sử dụng 1 lần 1ml	Hộp/100 cái	1
355	Cồn tuyệt đối, C <sub>2</sub> H <sub>5</sub> OH	C <sub>2</sub> H <sub>5</sub> O H-99.5- LIT	Chemsol	Việt Nam	VINA- CHEM	Phần trăm độ tinh khiết: 99,5% Dạng vật lý: Chất lỏng không màu Quy cách đóng gói: chai 1 lit	Chai/ 1 Lít	1
356	Găng tay không bột size M	Latex- không bột Size M	Vglove	Việt Nam	Khải Hoàn	Chất liệu: Cao su tự nhiên Size M, Không bột chưa tiệt trùng. Dùng được cả hai tay, cổ tay được se viền, bề mặt găng tay trơn hoặc vùng bàn tay nhám. Màu trắng cao	Hộp/ 100 cái	1

						su tự nhiên		
357	Găng tay không bột size S	Latex-không bột Size S	Vglove	Việt Nam	Khải Hoàn	Chất liệu: Cao su tự nhiên Size S, Không bột chưa tiệt trùng. Dùng được cả hai tay, cổ tay được se viền, bề mặt găng tay trơn hoặc vùng bàn tay nhám. Màu trắng cao su tự nhiên	Hộp/ 100 cái	1
358	Ống Microtube PP 1.5ml nắp phẳng, nhãn mờ-chia vạch	23053	Flmedical	Ý	Flmedical	Ống ly tâm 1,5 ml hình nón Vật liệu: nhựa PP có nắp bằng Trong suốt	Gói/ 500 cái	1
359	Ống ly tâm nhựa PP đáy nhọn kẻ vạch 15ml-17x120mm	21408	Flmedical	Ý	Flmedical	Vật liệu: Nhựa PP Tiệt trùng Kích thước: 17x120 mm	Gói/ 50 cái	1
360	Giấy pulppys vuông 33x33cm	805805-80045	Pulppy	Việt Nam	New Toyo Pulppy Vietnam	Quy cách: 14 ± 2 gsm, 80 tờ x 2 lớp, 330mm x 330mm 100% bột giấy nguyên chất Thùng/40 gói	Gói/ 80 tờ	1
361	Luỡi lam	88369	Gillette	Việt Nam	Gillette	Vật liệu: Thép không gỉ Đóng gói: 6 cái/hộp	Hộp	1
362	Triton X-100 For Molecular Biology, C34H62O11	MB031-100ML	HIMEDI A	Ấn Độ	HIMEDIA	Dạng vật lý: Chất lỏng nhớt không màu đến vàng nhạt hơi mờ Độ hòa tan: 33,3 mg hòa tan trong 1 mL nước FTIR : Phù hợp với mẫu tiêu chuẩn	Chai/ 100 ml	1
363	Nước cất 2 lần	HG.2μS	Hoàng Giang	Việt Nam	Hoàng Giang	Dạng: chất lỏng không màu Đã được chưng cất hai lần, có độ tinh khiết tương đối cao. Độ dẫn: ≤ 2,0μS	Lít	1
364	Ống nhỏ giọt nhựa, Pipette pasteur 3 mL	US-C43810040PH	ONELAB	Trung Quốc	Zhejiang Huili	Dung tích: 3 ml Chiều dài: 155 mm	Hộp/ 500 cái	1

365	Găng tay không bột size M	Latex-không bột Size M	Vglove	Việt Nam	Khải Hoàn	Chất liệu: Cao su tự nhiên Size M, Không bột chưa tiệt trùng. Dùng được cả hai tay, cổ tay được se viền, bề mặt găng tay trơn hoặc vùng bàn tay nhám. Màu trắng cao su tự nhiên	Hộp/ 100 cái	1
366	Găng tay không bột size S	Latex-không bột Size S	Vglove	Việt Nam	Khải Hoàn	Chất liệu: Cao su tự nhiên Size S, Không bột chưa tiệt trùng. Dùng được cả hai tay, cổ tay được se viền, bề mặt găng tay trơn hoặc vùng bàn tay nhám. Màu trắng cao su tự nhiên	Hộp/ 100 cái	1
367	Cồn tuyệt đối, C <sub>2</sub> H <sub>5</sub> OH	C <sub>2</sub> H <sub>5</sub> OH-99.5-LIT	Chemsol	Việt Nam	VINA-CHEM	Phần trăm độ tinh khiết: 99,5% Dạng vật lý: Chất lỏng không màu Quy cách đóng gói: chai 1 lít	Chai/ 1 Lít	1
368	Môi trường, Agarose M	SA002-0500	Genedirex	Đài Loan	Genedirex	Xuất hiện: Bột màu trắng Độ bền gel 1% (w/v) gel: >1200 g /cm <sup>2</sup> Điểm nóng chảy của gel 1,5% (w/v): 87-89°C	Chai/ 500 gam	1
369	Kit tách chiết, Taq DNA Polymerase, recombinant (5 U/μL)	EP0402	Thermo Fisher	Lithuania	Thermo Fisher Scientific	Hiệu suất PCR giàu GC: Thấp Đề sử dụng với (Ứng dụng): Chuẩn PCR Loại sản phẩm: Taq DNA Polymerase (Tái tổ hợp)	Ống/ 500 Units	1
370	Kit tách chiết, dNTP Mix (10 mM each)	P031-02	Vazyme	Trung Quốc	Vazyme	PCR companion: dNTP Mix chứa các dung dịch nước được trộn sẵn của dATP, dCTP, dGTP và dTTP, mỗi dung dịch có nồng độ cuối cùng là 10 mM	Ống/5 x 1 ml	1
371	Kit tách chiết, Bst DNA polymerase	M0275L	NEB	Anh	NEB	Được sửa đổi để giữ lại hoạt động polymerase 5' → 3' trong khi thiếu hoạt động exonuclease 5' → 3' Thích hợp cho các ứng dụng yêu cầu dịch chuyển sợi ưa nhiệt	Lọ/ 8,000 Units	1

372	HyperLadder 100bp	BIO-33029	Bioline	Mỹ	Meridian Bioscience	Dấu hiệu trọng lượng phân tử dễ sử dụng, được thiết kế để dễ dàng xác định kích thước axit nucleic từ 100 bp đến 1 kb.	Hộp/ 200 lanes	1
373	Cồn 96, C <sub>2</sub> H <sub>5</sub> OH	64-17-5-96	Chemsol	Việt Nam	VINA-CHEM	Phân trăm độ tinh khiết: 96% Dạng vật chất: Chất lỏng	Lít	1
374	Ống PCR 0,2ml	MB-P02-A	Gunster	Trung Quốc	Gunster	Vật liệu: nhựa PP USP Thể tích: 0.2ml Không có: DNase, RNase, DNA, PCR Inhibitor, ATP, Endotoxin	Gói/ 500 cái	1
375	Đầu tip 10 µl	20-0010	Biologix	Trung Quốc	Biologix	Vật liệu: Nhựa PP Dung tích hút mẫu: 10µl Có thể hấp diệt trùng	Gói/ 1000 cái	1
376	Găng tay không bột size M	Latex-không bột Size M	Vglove	Việt Nam	Khải Hoàn	Chất liệu: Cao su tự nhiên Size M, Không bột chưa diệt trùng. Dùng được cả hai tay, cổ tay được se viền, bề mặt găng tay trơn hoặc vùng bàn tay nhám. Màu trắng cao su tự nhiên	Hộp/ 100 cái	1
377	Ống Microtube PP 1.5ml nắp phẳng, nhãn mờ-chia vạch	23053	Flmedical	Ý	Flmedical	Ống ly tâm 1,5 ml hình nón Vật liệu: nhựa PP có nắp bằng Trong suốt	Gói/ 500 cái	1
378	Đầu tip xanh 1000 µl	28053	Flmedical	Ý	Flmedical	Đầu tip polypropylene loại từ 100 đến 1000 µl	Gói/ 500 cái	1
379	Đầu tip vàng có khóa 0-200 µl	28052	Flmedical	Ý	Flmedical	Đầu tip màu vàng polypropylene, loại từ 0 đến 200 µl	Gói/ 1000 cái	1
380	Ống ly tâm 50ml	CFT000 500	Jet Biofil	Trung Quốc	Guangzhou Jet Bio-Filtration Co., Ltd.	Thân ống: Polypropylene (PP) Nắp ống: Polyethylene mật độ cao (HDPE) Dung tích: 50 ml	Thùng/ 500 cái	1
381	Ống ly tâm 15ml	CFT000 150	Jet Biofil	Trung Quốc	Guangzhou Jet Bio-Filtration Co., Ltd.	Thân ống: Polypropylene (PP) Nắp ống: Polyethylene mật độ cao (HDPE) Dung tích: 15 ml	Thùng/ 500 cái	1
382	Môi trường dinh dưỡng, DMEM/F12	1132003 3	Gibco	Mỹ	Gibco	Phân loại: Không có nguồn gốc động vật Nồng độ: 1 X Dạng: lỏng	Chai/ 500 ml	1

383	Fetal Bovine Serum	F7524-100ML	Sigma-Aldrich	Mỹ	Merck	Vô trùng: lọc vô trùng Dòng sản phẩm: FBS Classic Thành phần: hemoglobin, $\leq 25$ mg/dL	Chai/ 100 ml	1
384	Môi trường thuốc thử, Trypsin-EDTA (0,25%), phenol red	25200056	Gibco	Mỹ	Thermo Fisher Scientific	Nồng độ: 1X Vô trùng: Đã lọc vô trùng Chelators: EDTA Phạm vi pH: 7,2 - 8,0	Chai/ 100 ml	1
385	Chai nuôi cấy nắp lọc 25cm <sup>2</sup>	70025	SPL	Hàn Quốc	SPL Life Sciences	Vật liệu: Nhựa PS Dung tích: 7 ml Kích thước: 25 cm <sup>2</sup>	Thùng/ 200 cái	1
386	Đầu tip 1000 uL	20-1000	Biologix	Trung Quốc	Biologix	Vật liệu: polypropylene Dung tích: 1000 ul Không RNase & Dnase	Gói/ 1000 cái	1
387	Khẩu than trang 3 lớp	4U-med	Thời Thanh Bình	Việt Nam	Thời Thanh Bình	Vật liệu: vải Loại: có lọc than hoạt tính	Hộp/ 50 cái	1
388	Găng tay không bột size S	Latex-không bột Size S	Vglove	Việt Nam	Khải Hoàn	Chất liệu: Cao su tự nhiên Size S, Không bột chưa tiệt trùng. Dùng được cả hai tay, cổ tay được se viền, bề mặt găng tay trơn hoặc vùng bàn tay nhám. Màu trắng cao su tự nhiên	Hộp/ 100 cái	1
389	Găng tay không bột size M	Latex-không bột Size M	Vglove	Việt Nam	Khải Hoàn	Chất liệu: Cao su tự nhiên Size M, Không bột chưa tiệt trùng. Dùng được cả hai tay, cổ tay được se viền, bề mặt găng tay trơn hoặc vùng bàn tay nhám. Màu trắng cao su tự nhiên	Hộp/ 100 cái	1
390	Micropipet hấp tiệt trùng 1 kênh 10-100 $\mu$ l	LHP2-V10	Phoenix Instrument GmbH	Trung Quốc	Dlab	Độ chính xác $\pm$ %: 1,00 Hiện thị vạch chia < %: 0,40 Có thể hấp tiệt trùng	Cái	1
391	Buồm đếm Neubauer-improved, 0,1 mm	0640030	Marienfeld	Đức	Marienfeld	tuân thủ tiêu chuẩn DIN 12847 Neubauer-improved Kích thước: 0.1 mm	Cái	1
392	Nước cất 2 lần	HG.2 $\mu$ S	Hoàng Giang	Việt Nam	Hoàng Giang	Dạng: chất lỏng không màu Đã được chưng cất hai lần, có độ tinh khiết tương đối cao. Độ dẫn: $\leq 2,0\mu$ S	Lít	1

393	Găng tay không bột size S	Latex-không bột Size S	Vglove	Việt Nam	Khải Hoàn	Chất liệu: Cao su tự nhiên Size S, Không bột chưa tiệt trùng. Dùng được cả hai tay, cổ tay được se viền, bề mặt găng tay trơn hoặc vùng bàn tay nhám. Màu trắng cao su tự nhiên	Hộp/ 100 cái	1
394	Cồn 96, C2H5OH	64-17-5-96	Chemsol	Việt Nam	VINA-CHEM	Phần trăm độ tinh khiết: 96% Dạng vật chất: Chất lỏng	Lít	1
395	Bao rác đại 780 x 900 mm	DD780	Đại Hoàng Nguyên	Việt Nam	Đại Hoàng Nguyên	Size sản phẩm: đại, 780 x 900 mm Sản phẩm gồm 3 cuộn, tổng trọng lượng 1kg	Kg	1
396	Nước cất 2 lần	HG.2μS	Hoàng Giang	Việt Nam	Hoàng Giang	Dạng: chất lỏng không màu Đã được chưng cất hai lần, có độ tinh khiết tương đối cao. Độ dẫn: ≤ 2,0μS	Lít	1
397	Nước rửa chén hương chanh	Sunlight-chanh-3,6kg	Sunlight	Việt Nam	Unilever	Với công thức đậm đặc cùng hương chanh tươi mát, sản phẩm không chỉ làm sạch tối ưu mà còn khử mùi hiệu quả.	Gói/ 3.6 kg	1
398	Nước lau sàn	Sunlight-lausan-3,6kg	Sunlight	Việt Nam	Unilever	Tinh dầu hoa lily, hương thảo, các thành phần làm sạch.	Gói/ 3.6 kg	1
399	Cồn 96, C2H5OH	64-17-5-96	Chemsol	Việt Nam	VINA-CHEM	Phần trăm độ tinh khiết: 96% Dạng vật chất: Chất lỏng	Lít	1
400	Đầu tip 200 μl	20-0200	Biologix	Trung Quốc	Biologix	Vật liệu: polypropylene Dung tích: 200 ul Không RNase & Dnase	Gói/ 1000 cái	1
401	Đầu tip 50-1000 μl	1001/E	APTACA	Ý	APTACA	Vật liệu: Polypropylene Dung tích: 50-1000 ul	Gói/ 1000 cái	1
402	DEAE Cellulose - 52	RM656-5G	Himedia	Ấn Độ	Himedia	Dạng : Bột hoặc chất rắn màu trắng đến trắng ngà Độ hòa tan: Không tan trong nước Nước (K.F.): >= 65,00%	Chai/ 5 gam	1
403	Đĩa 24 giếng, đáy bằng	30024	SPL	Hàn quốc	SPL Life Sciences	Không gây sốt Không gây độc tế bào Không chứa DNase / Rnase Không chứa DNA người	Thùng/ 50 cái	1

404	POLYETHYLENE GLYCOL 600	8074861000	Sigma-Aldrich	Đức	Merck	Dạng: lỏng Nhiệt độ tự bốc cháy: >320 °C (DIN 51794) pH: 5-7 (20 °C, 100 g/L trong H <sub>2</sub> O)	Chai/ 1 Lít	1
405	Ethyl acetate, CH <sub>3</sub> COOC <sub>2</sub> H <sub>5</sub>	CH <sub>3</sub> COOC <sub>2</sub> H <sub>5</sub> -500ML	Chemsol	Việt Nam	VINA-CHEM	Nồng độ > 99,75% Dạng vật lý: Chất lỏng Phổ hồng ngoại phù hợp với cấu trúc Nước: <0,005% Đur lượng khi bay hơi: <0,0005%	Chai/ 500 ml	1
406	Bông thủy tinh	ONE.GWR	ONELAB	Trung Quốc	Zhejiang Huili	Chất liệu: Sợi thủy tinh Nhiệt độ chịu đựng: Nhiệt độ cao Dạng: cuộn	Kg	1
407	Tube ly tâm 5,0ml, khóa an toàn	80-0050R	Biologix	Trung Quốc	Biologix	Vật liệu: PP Màu: trong suốt	Gói/ 200 cái	1
408	Màng lọc thẩm tách-Dialysis Membrane 22mm	BS-QT-017	Biosharp	Trung Quốc	Biosharp life sciences	Ngưỡng phân tử: có sẵn ở các mức 3500, 7000 và 14.000 dalton Khoảng ổn định pH: ổn định trong khoảng pH từ 5 đến 9	Cuộn/ 5m	1
409	Kẹp miệng túi thẩm tách	BS-QT-024	Biosharp	Trung Quốc	Biosharp life sciences	Đảm bảo độ kín tối ưu mọi lúc và giảm thiểu nguy cơ rò rỉ. An toàn và bền lâu	Cái	1
410	Hexane, C <sub>6</sub> H <sub>14</sub>	C <sub>6</sub> H <sub>14</sub> -500ML	Chemsol	Việt Nam	VINA-CHEM	Nồng độ: ≥95 % Dạng vật lý: Lỏng	Chai/ 500 ml	1
411	Bơm tiêm 1ml	BT1-KT-VH	Vinahankook	Việt Nam	Vinahankook	Bơm tiêm sử dụng 1 lần 1ml	Hộp/100 cái	1
412	Bơm tiêm 3ml	BT3-KT-VH	Vinahankook	Việt Nam	Vinahankook	Bơm tiêm sử dụng 1 lần 3ml	Hộp/100 cái	1
413	Bơm tiêm 3ml	BT3-KT-VH	Vinahankook	Việt Nam	Vinahankook	Bơm tiêm sử dụng 1 lần 3ml	Hộp/100 cái	1
414	Giấy lọc định tính 110mm, chảy trung bình	102-110	Newstar	Trung Quốc	Newstar	Vật liệu: Giấy lọc Đường kính: 110 mm Loại: định tính chảy trung bình	Hộp/ 100 tờ	1
415	Đĩa 96 giếng	30096	SPL	Hàn Quốc	SPL Life Sciences	Kích thước: 85,40 x 127,60 x 14,40 DNase / RNase – free	Thùng/ 50 cái	1
416	Cốc thủy tinh thấp thành 5000ml, chịu nhiệt	BLS.1000.15	Biohall Germany	Ấn Độ	Biohall	Vật liệu: Thủy tinh Boro 3.3 Dung tích: 5000 ml Tiêu chuẩn: DIN 12331 & ISO 3819 Đường kính: 170 mm Chiều cao: 270 mm	Cái	1

417	2,2'-Azino-bis(3-ethylbenzothiazoline-6-sulfonic acid) diammonium salt, C <sub>18</sub> H <sub>24</sub> N <sub>6</sub> O <sub>6</sub> S <sub>4</sub>	A1888	Sigma-Aldrich	Singapore	Merck	Dạng vật chất: Dạng bột Độ hòa tan (Độ đục): Trong suốt đến hơi đục	Chai/ 1 gam	1
418	1,2-Propanediol, CH <sub>3</sub> CH(OH)CH <sub>2</sub> OH	8223241000	Supelco	Đức	Merck	Cấp chất lượng: 200 Nồng độ: ≥99% Dạng: lỏng Nhiệt độ tự bốc cháy: 371 °C	Chai/ 1 Lít	1
419	POLYETHYLENE GLYCOL 400	8074851000	Sigma-Aldrich	Đức	Merck	Dạng: lỏng Nhiệt độ tự bốc cháy: 360 °C (DIN 51794) Hiệu lực: 28000 mg/kg LD50 >20000 mg/kg LD50, da (Thỏ)	Chai/ 1 Lít	1
420	Lam kính tron	C33050-030P72	ONELAB				Hộp/ 72 cái	1
421	Lamelle/ Phiến kính 22*22mm	CHI42220	Greetmed				Hộp/ 100 cái	1
422	Hexane, C <sub>6</sub> H <sub>14</sub>	C6H14-500ML	Chemsol				Chai/ 500 ml	1
423	Khăn giấy vuông	805805	Pulppy				Gói	1
424	Ethanol 96%, C <sub>2</sub> H <sub>5</sub> OH	64-17-5-96	Chemsol				Lít	1
425	Hũ thủy tinh nắp cài kín hơi thân cao 1000ml	BOAC-1000	Fido				Cái	1
426	Sodium hydrogen carbonate, NaHCO <sub>3</sub>	101398020	GHTECH				Chai/ 500 gam	1
427	H <sub>2</sub> O <sub>2</sub> -Hydrogen peroxide	101.101.025	GHTECH				Chai/ 500 ml	1
428	Potassium hydroxide, KOH	101.763.028	GHTECH				Chai/ 500 gam	1
429	Ethanol 96%, C <sub>2</sub> H <sub>5</sub> OH	64-17-5-96	Chemsol				Lít	1
430	Ống nghiệm 20x150mm	1231-21-150	ONELAB				Cái	1
431	Petri thủy tinh 90/15mm		DINLAB Laborgeräte				Cái	1

432	Đũa thủy tinh F10x500mm	US- C10500	ONELAB				Cái	1
433	Ống nhỏ giọt nhựa, Pipette pasteur 1 mL	US- C438100 40PH	ONELAB				Hộp/ 500 cái	1
434	Găng tay không bột size M	Latex- không bột Size M	Vglove				Hộp/ 100 cái	1
435	Giấy A4	A4- 70gsm	Double A				Rem	1
436	Bông gòn thấm	Bông KG	Bảo Thạch				Kg	1
437	Khăn giấy vuông	805805	Pulppy				Gói	1
438	Nước cất 2 lần	DW-2	Chemsol				Lít	1
439	Ethanol 70%, C <sub>2</sub> H <sub>5</sub> OH	64-17-5- 70	Chemsol				Lít	1
440	Sodium chloride, NaCl	1013070 40	GHTECH				Chai/ 500 gam	1
441	Calcium chloride anhydrous, CaCl <sub>2</sub>	1033770 10	GHTECH				Chai/ 500 gam	1
442	Potassium chloride, KCl	101.704. 030	GHTECH				Chai/ 500g	1
443	Sodium hydrogen carbonate, NaHCO <sub>3</sub>	1013980 20	GHTECH				Chai/ 500 gam	1
444	Sodium hydroxide, NaOH	1310-73- 2	Xilong Scientific				Chai/ 500 gam	1
445	Cồn 96, C <sub>2</sub> H <sub>5</sub> OH	64-17-5- 96	Chemsol				Lít	1
446	Potassium hydroxide, KOH	101.763. 028	GHTECH				Chai/ 500 gam	1
447	Bông gòn không thấm	Bông Mỡ-1KG	Bảo Thạch				Kg	1
448	Dầu hỏa, Petroleum Ether (60-90)	P-E-60- 90- 500ML	Chemsol				Chai/ 500 ml	1
449	Giấy Lụa Cuộn		Pulppy				Cuộn	1
450	Bông gòn thấm	Bông KG	Bảo Thạch				Kg	1

451	Ông nghiệm nắp vận có lỗ khí (nuôi cấy mô) 18cm, 105 ml	US-C10500	LAB VIETNAM				Cái	1
452	Dây thun	DT50	Lợi lợi				Kg	1
453	Nước rửa chén hương chanh	Hương Chanh 3,6 lít	Sunlight				Can/ 3,6 kg	1
454	Bột giặt	WP-5.5	OMO				Gói/ 5,5 kg	1
455	Găng tay không bột size M	Latex-không bột Size M	Vglove				Hộp/ 100 cái	1
456	Băng keo lớn	Bản 5cm	Việt Nam				Cuộn	1
457	Ông nhỏ giọt thủy tinh	G-210	ONELAB				Cái	1
458	Lưỡi dao mổ	Số 22	Ấn Độ				Hộp/ 100c	1
459	Nước tẩy	BJ-1KG	Javel				Chai/ 1 kg	1
460	Bao rác trung 550 x 650mm	TT550	Đại Hoàng Nguyên				Kg	1
461	Cây lau nhà	HO-03	Phúc Thịnh				Cái	1
462	Nước rửa tay	HS-1KG	Lifebuoy				Túi/ 1kg	1
463	Nước lau sàn hương hoa Lavender	Lavender 3,6 Kg	Sunlight				Gói/ 3,6 kg	1
464	Miếng rửa chén	CN10,1cm	Sai gon Coop				Cái	1
465	Găng tay cao su dài	Size M	Co.op Select				Đôi	1
466	Diethyl ether, C4H10O	60-29-7	Chemsol				Chai/ 500 ml	1
467	Bột thạch, agar	Hải Long Agar-1Kg	Hải Long				Kg	1
468	Đường biên hòa	BH-1KG	Biên Hòa				Kg	1
469	Colchicine	C1305.0001	Duchefa				Chai/ 1g	1
470	Ethanol 96%, C2H5OH	64-17-5-96	Chemsol				Lít	1
471	Ethanol 99%, C2H5OH	64-17-5-99	Chemsol				Chai/ 1 Lít	1

472	Ông nghiệm nắp vận có lỗ khí (nuôi cấy mô) 18cm, 105 ml	US-C10500	LAB VIETNAM				Cái	1
473	<i>BsuRI (HaeIII)</i> (10 U/ $\mu$ L)	ER0151	Thermo Fisher				3000 units	1
474	<b>Proteinase K,</b>	EO0492	Thermo Scientific				5 x 1.0 mL	1
475	6X GelRed Loading Buffer With Tricolor	DD-012	ABT				1ml	1
476	5' AGGTTGG CTTGGTT TGCAATC ATC 3'		ABT				100nmol	1
477	<b>Cetyltrimethylammonium bromide (CTAB)</b>	<b>CB0108</b>	BioBasic				Chai/ 100g	1
478	Đầu Típ trắng 10ul	20-0010	Biologix				Gói/ 1000c	1
479	Nước muối		Vĩnh Phúc				Chai/ 500 ml	1
480	Lamelle/ Phiến kính 24*24mm	101060	Marienfeld				Hộp/ 100 cái	1
481	Giấy bạc 30cmx5m	30cm x 5 mét	Việt Nam				Cuộn	1
482	Găng tay không bột size M	Latex-không bột Size M	Vglove				Hộp/ 100 cái	1
483	Cồn tuyệt đối		Chemsol				Chai/ 1L	1
484	Bông gòn thấm	Bông KG	Bảo Thạch				Kg	1
485	Bông gòn không thấm	BÔNG MỠ	Bảo Thạch				Kg	1
486	Găng tay không bột size M	Latex-không bột Size M	Vglove				Hộp/ 100 cái	1
487	Đầu típ 200ul	20-0200	Biologix				Gói/ 1000c	1
488	Đầu típ Micropipet 1000ul	20-1000	Biologix				Gói/ 1000c	1
489	Cốc thủy tinh 250 ml	1101-250	ONELAB				cái	1

490	Cốc thủy tinh 500 ml	1101-500	ONELAB				cái	1
491	Đầu côn 300ul, dài 59.5mm, (Pipet Tips)	T-001-300	Labselect				Gói/ 1000 cái	1
492	Côn tuyệt đối		Chemsol				Chai/ 1L	1
493	Cốc thủy tinh 1000ml		Onelab				Cái	1
494	Chai trung tính trắng có nắp vặn 500ML	BLS.110 5.05	Biohall Germany				cái	1
495	Chai trung tính trắng có nắp vặn 1000ML	BLS.110 5.06	Biohall Germany				cái	1
496	Bông thấm		Bảo Thạch				Kg	1
497	Bông gòn không thấm	BÔNG MỠ	Bảo Thạch				Kg	1
498	Bột agar		Hải Long				Kg	1
499	ống nghiệm 16x100	BLS.WR .07	Biohall Germany/ ần				Cái	1
500	Bộ lọc vi sinh F47mm, tam giác vôi 1000ml, nút silicon	BLS.M1 400.01	Biohall Germany				Bộ	1
501	Màng lọc vô trùng MCE 47mm 0.45um	C000124 3	Alwsci				Hộp/ 100t	1
502	Môi F: 5'- CCTTCGT TTTCTTG GTGAATT TTTGGGA TGTAGTG AAGAGGC GG 3'		ABT				100nmol	1
503	Chất thử HyperLadder 100bp	BIO-33056	BIOLINE				100 lanes	1
504	AlCl <sub>3</sub> .6H <sub>2</sub> O		Trung Quốc				Chai/ 500g	1
505	Nhựa hấp phụ AB-8		Trung Quốc				Gói/ 500g	1
506	PBS Buffer 10X, pH 7.4	DD-015	ABT				Chai/ 500ml	1
507	Nhựa hấp phụ AB-8		Trung Quốc				Gói/ 500g	1

508	Cốc đót thủy tinh thấp thành 100ML	BLS.100 0.05	Biohall Germany				Cái	1
509	Ống nghiệm, 16x160MM	BLS.WR .10	Biohall Germany				Cái	1
510	Giấy A4	A4- 70gsm	Double A				Rem	1
511	Nước rửa chén	DL750	Sunlight				Chai/ 750 gam	1
512	Bút lông	WB-03	Thiên Long				Cái	1
513	Bao rác đại 780 x 900 mm	DD780	Đại Hoàng Nguyễn				Kg	1
514	Lam kính tròn	C33050- 030P72	ONELAB				Hộp/ 72 cái	1
515	Phiến kính, Lamelle	0340- 1120	ONELAB				Hộp/ 100 cái	1
516	Giấy lọc định tính chảy trung 60x60cm	1006- 600	Newstar				Tờ	1
517	Đầu típ xanh 100- 1000ul	28053	Flmedical				Gói/ 500c	1
518	Găng tay không bột size M	Latex- không bột Size M	Vglove				Hộp/ 100 cái	1
519	Găng tay không bột size S	Latex- không bột Size S	Vglove				Hộp/ 100 cái	1
520	Ống ly tâm nhựa PP đáy nhọn kẻ vạch 15ml	21408	Flmedical				Gói/ 50c	1
521	Nước tẩy	BJ-1KG	Javel				Chai/ 1 kg	1
522	Đĩa cân nhựa hình vuông 100ml	037.09.1 00	Isolab				Cái	1
523	Đĩa thủy tinh F6 x 300 mm	1294-6- 300	ONELAB				Cái	1
524	Ống nhỏ giọt nhựa, Pipette pasteur 3 mL	US- C438100 40PH	ONELAB				Hộp/ 500 cái	1
525	Giấy bạc 30cmx5m	30cm x 5 mét	Việt Nam				Cuộn	1

526	Màng bọc thực phẩm 30cm x 30m	PE-30	Bách Hóa Xanh				Cuộn	1
527	Starch soluble, (C6H10O5) <sub>n</sub>	1.24255.010	GHTECH				Chai/ 500 gam	1
528	Cốc đốt thủy tinh thấp thành 50ML	BLS.1000.04	Biohall Germany				Cái	1
529	Ống nghiệm thủy tinh, nắp vận đen 16x100mm	1230-16-100	ONELAB				Cái	1
530	Chổi rửa dụng cụ thí nghiệm nhỏ		Việt Nam				Cái	1
531	Chổi rửa dụng cụ thí nghiệm nhỏ		Việt Nam				Cái	1
532	Pipet thẳng chia vạch 1 ML	BLS.1700.04	Biohall Germany				Cái	1
533	Pipet thẳng chia vạch 2 ML	BLS.1700.05	Biohall Germany				Cái	1
534	Pipet bầu 1 vạch 2ML	BLS.VP.171	Biohall Germany				Cái	1
535	Cốc đốt thủy tinh thấp thành 250ML	BLS.1000.07	Biohall Germany				Cái	1
536	Phễu thủy tinh (Ø 75 mm)		ONELAB				Cái	1
537	Chai trắng MR 60ml		ONELAB				Cái	1
538	Điện trở 2.5 KW		Trung Quốc				Cái	1
539	Ống ly tâm nhựa PP đáy nhọn kẻ vạch 50ml	21401	Flmedical				Gói/ 100c	1
540	Khẩu trang y tế		PA				Hộp/ 50c	1
541	Nước rửa tay Lifebuoy Vitamin matcha & lô hội		Lifebuoy				Chai/ 450g	1
542	Nước lau sàn Sunlight (3L)		Sunlight				Gói/ 3.6kg	1

543	Nước rửa chén Sunlight (500mL)	DL750	Sunlight				Chai/ 750 gam	1
544	Bút marker Thiên Long xanh	PM-04	Thiên Long				Cái	1
545	Keo khô		FlexOffice				Tuýp/ 8g	1
546	Chổi cỏ	BC63	Việt Nam				Cái	1
547	Thìa 2 đầu tròn (có thể lựa chọn size từ 16cm - 22cm)		ONELAB				Cái	1
548	Thau nhựa tròn F20x7cm		Duy Tân					1
549	Kéo lớn K20		Việt Nam				Cái	1
550	Rổ Chũ Nhật Cao 3T8 (47,5 x 37,5 x 15 cm)		Duy Tân				Cái	1
551	Giấy cuộn An An		An AN				cuộn	1
552	Phenylhydrazine hydrochloride, 99+%	151551000	Acros					1
553	Ống Chuẩn Na <sub>2</sub> S <sub>2</sub> O <sub>3</sub> 0.1N		Cemaco				Ống	1
554	Ống chuẩn (COOH) <sub>2</sub> 0,1 N		Cemaco				Ống	1
555	Sucrose		Trung Quốc				Chai/ 500g	1
556	Fructose	1040070250	Merck				250g/chai	1
557	D-Glucose, C <sub>6</sub> H <sub>12</sub> O <sub>6</sub>	118327010	118327010				Chai/ 500g	1
558	1-Naphthol	GRM1392-100G	Himedia				Chai/ 100g	1
559	KIO <sub>3</sub>		Trung Quốc				Chai/ 500g	1
560	SDS	SB0485	Biobasic				Chai/ 500g	1
561	Cồn 96, C <sub>2</sub> H <sub>5</sub> OH	64-17-5-96	Chemsol				Lít	1
562	HEPES	HB0264-250	Biobasic				Chai/ 250g	1

563	DTT (dithiothreitol)	D1532	Thermo Fisher				1G	1
564	Đầu típ xanh 100-1000ul	28053	Flmedical				Gói/500c	1
565	Đầu típ vàng có khóa 0-200ul	28052	Flmedical				Gói/1000c	1
566	Đầu Típ trắng 10ul	4110-00	SSI				Gói/1000c	1
567	Khăn vải 25x25cm		Việt Nam				Kg	1
568	HisPur Ni-NTA Superflow Agarose, code 25214	25214	Thermo Scientific				10ml	1
569	Ống Microtube (Eppendorf) PP 1.5ml nắp phẳng	23053	Flmedical				Gói/500c	1
570	100 bp Plus DNA Ladder	SDL42-B500	Solgent				0.1ml*6	1
571	Bột agar		Hải Long				Kg	1
572	Hộp đầu tuýp xanh 1000µl	21-1000	Biologix				Hộp/100c	1
573	6X GelRed™ Loading Buffer with TriColor	DD-012	ABT				1ml	1
574	Tuýp 0.2ml nắp phẳng	AB0620	Thermo Scientific				Gói/1000c	1
575	Phusion High-Fidelity DNA Polymerase (2 U/µL)	F530S	Thermo				100 Reactions	1
576	ACETOCA RMINE SOLUTION		Ấn Độ				Chai/100ml	1
577	Bột thạch, agar	Hải Long Agar-1Kg	Hải Long				Kg	1
578	Methanol (CH3OH)		Trung Quốc				Chai/500ml	1
579	Potassium nitrate KNO3		Trung Quốc				Chai/500 g	1
580	Diethyl ether,	60-29-7	Chemsol				Chai/500 ml	1

	C4H10O							
581	Methanol (CH3OH)		Trung Quốc				Chai/ 500ml	1
582	Potassium nitrate KNO3		Trung Quốc				Chai/ 500 g	1
583	Thảm vải cotton 30 x 50cm		Việt Nam				Cái	1
584	Van giảm áp khíKích thước mặt đồng hồ: 2.5 inchKiểu ren: 1/4 inch (theo tiêu chuẩn NPT)Áp suất đầu vào: 300 barÁp suất đầu ra: 0 – 100 barPhù hợp với các loại khí công nghiệp như Nitơ, Oxy, Argon, CO2, Acetylen, Heli, Propane, Hydro,...		Messer Tornado				Cái	1
585	Ống hút pasteur 3ml, tiệt trùng từng cái	30- 0138A1	Biologix				Hộp/ 500c	1
586	Micropipet hấp tiệt trùng 1 kênh 10-100µl	LHP2- V10	Phoenix Instrumen t				Cái	1
587	Đèn UV khử trùng phòng 60cm (gồm máng và tầng phô)		Trung Quốc				bộ	1
588	Đầu lọc vi sinh (màng Cellulose Acetate, bộ phận giữ, tự thoát khí), lỗ lọc 0.2 micromet, đường kính 28mm	S7597--- --- FXOSK	Sartorius				Hộp/ 50c	1

589	Môi trường DMEM low gluco	11885084	Gibco				Chai/ 500ml	1
590	Fetal Bovine Serum	F4135-100ML	Sigma				Chai/ 100ml	1
591	Phễu lọc chân không PVDF 90mm, 0.22um	FC-PVDF500G022I-90	Finetech				Thùng 12 cái	1
592	TrypLE						Chai 100ml	1
593	Bao giấy tiệt trùng		Trung Quốc				Gói/ 50 đôi	1
594	Nón trùm đầu		Trung Quốc				Gói/ 100c	1
595	Găng tay size XS		Top Glove				Hộp/ 100c	1
596	Găng tay size S		Top Glove				Hộp/ 100c	1
597	Găng tay size M						Hộp 50 đôi	1
598	TrypLE						Chai 100ml	1
599	APS	AB0072-25G	Biobasic				Chai/ 25g	1
600	Isopropanol	1096341000	Merck				Chai/ 1L	1
601	Ống Microtube (Eppendorf) PP 1.5ml nắp phẳng	23053	Flmedical				Gói/ 500 cái	1
602	Đầu típ xanh 100-1000ul	28053	Flmedical				Gói/ 500c	1
603	Đầu Típ trắng 10ul	20-0010	Biologix				Gói/ 1000c	1
604	Đầu típ vàng có khóa 0-200ul	28052	Flmedical				Gói/ 1000c	1
605	Cồn 96, C <sub>2</sub> H <sub>5</sub> OH	64-17-5-96	Chemsol				Lít	1
606	Polygalacturonic acid 85% (Cool Chemistry, Cas 25990-10-7))						chai 5 g	1
607	Guanidine HCl (Biobasic)	GB0242	Biobasic				Chai/ 500g	1

608	Potassium Sodium Tartrate	K Na tartrate 4H <sub>2</sub> O	Trung Quốc				Chai/ 500g	1
609	DNS (3,5-Dinitrosalic ylic acid)		Trung Quốc				Chai/ 25g	1
610	NaOH	1064981 000	Merck				Chai/ 1kg	1
611	Hợp chất DTT	DB0058	Biobasic				Chai/ 25g	1
612	SDS	SB0485	Biobasic				Chai/ 500g	1
613	Glycine công nghiệm		Trung Quốc				Kg	1
614	Polygalacturonic acid 85% (Cool Chemistry, Cas 25990-10-7))						chai 5 g	1
615	APS	AB0072-25G	Biobasic				Chai/ 25g	1
616	Giấy cân 10x10 cm	C14650 004P	Onelab				Hộp/ 500t	1
617	Hộp đầu tuýp xanh 1000µl	21-1000	Biologix				Hộp/ 100c	1
618	Hộp đựng tip 200 microlit (đựng tip vàng)	21-0200	Biologix				Hộp/ 96c	1
619	M-Protein (Casein)	GRM086 -500G	Himedia				lọ 500g	1
620	Cồn 96, C <sub>2</sub> H <sub>5</sub> OH	64-17-5-96	Chemsol				Lít	1
621	Ethanol absolute	1009832 511	Merck				Chai/2.5 L	1
622	Đầu tip vàng có khóa 0-200ul	28052	Flmedical				Gói/ 1000c	1
623	Đầu tip vàng có khóa 0-200ul	28052	Flmedical				Gói/ 1000c	1
624	Găng tay không bột size M	Latex-không bột Size M	Vglove				Hộp/ 100 cái	1
625	Ống ly tâm nhựa PP đáy nhọn kẻ vạch 50ml	21401	Flmedical				Gói/ 100 cái	1

626	Ống Microtube (Eppendorf) PP 1.5ml nắp phẳng	23053	Flmedical				Gói/ 500c	1
627	Đầu tips xanh 100-1000ul	28053	Flmedical				Gói/ 500c	1
628	Đầu tips vàng có khóa 0-200ul	28052	Flmedical				Gói/ 1000c	1
629	Ống ly tâm 15ml, tiệt trùng	21410	Flmedical				Gói 1 cái. Thùng 750 cái	1
630	Đầu côn 300ul, dài 59.5mm, (Pipet Tips)	T-001-300	Labselect				Gói/ 1000 cái	1
631	Peptone, Bacteriological	RM001-500G	Himedia				Chai/ 500g	1
632	Yeast Extract Powder	RM027	Himedia				Chai/ 500g	1
633	Peptone, Bacteriological	RM001-500G	Himedia				Chai/ 500g	1
634	Cốc thủy tinh 500ml		Onelab				Cái	1
635	Cốc thủy tinh 1000ml		Onelab				Cái	1
636	Chai trung tính trắng có nắp vặn 500ML	BLS.110 5.05	Biohall Germany				cái	1
637	Chai trung tính trắng có nắp vặn 1000ML	BLS.110 5.06	Biohall Germany				cái	1
638	Bông gòn không thấm	BÔNG MỠ	Bảo Thạch				Kg	1
639	Micropipette hấp tiệt trùng 1 kênh 100-1000ul	LHP2-V100	Phoenix Instrument				Cái	1
640	Micropipette hấp tiệt trùng 1 kênh 10-100µl	LHP2-V10	Phoenix Instrument				Cái	1
641	ống nghiệm 16x100	BLS.WR .07	Biohall Germany/ ấn				Cái	1
642	Găng tay không bột size M	Latex- không bột Size M	Vglove				Hộp/ 100 cái	1

643	Găng tay không bột size S	Latex-không bột size S	Vglove				Hộp/ 100 cái	1
644	Penicillin-Streptomycin	P4333-100ml	Sigma				Chai/ 100ml	1
645	Đầu lọc vi sinh (màng Cellulose Acetate, bộ phận giữ, tự thoát khí), lỗ lọc 0.2 micromet, đường kính 28mm	S7597--- --- FXOSK	Sartorius				Hộp/ 50c	1
646	Ống ly tâm nhựa PP đáy nhọn kẻ vạch 50ml	21401	Flmedical				Gói/ 100 cái	1
647	Bút marker màu xanh	PM-04	Thiên Long				Cái	1
648	Ống nhỏ giọt nhựa, Pipette pasteur 3 mL	US-C43810040PH	ONELAB				Hộp/ 500 cái	1
649	Nước cất 2 lần	DW-2	Chemsol				Lít	1
650	Trypsin-EDTA solution 0.25%, sterile-filtered	T4049-100ml	Sigma				Chai/ 100ml	1
651	Ethanol 99,9%, C <sub>2</sub> H <sub>5</sub> OH	64-17-5-99,9	Chemsol				Chai/ 1 Lít	1
652	Bơm tiêm insulin 1cc		Vinahankook				Hộp/ 100c	1
653	Khăn giấy vuông	805805-80045	Pulppy				Gói	1
654	Đầu tips xanh 100-1000ul	28053	Flmedical				Gói/ 500c	1
655	Đầu tips vàng có khóa 0-200ul	28052	Flmedical				Gói/ 1000c	1
656	Lưỡi lam	88369	Gillette				Hộp/ 5c	1
657	Dây truyền dịch AM	30663	An Phú				sợi	1
658	Pipet Pasteur thủy tinh 150mm		ONELAB				Hộp/250c	1
659	Fetal Bovine Serum	F4135-100ML	Sigma				Chai/ 100ml	1

660	DMEM F-12 (1:1) WITH HEPES	01-170-1A	Biological Industries				Chai/ 500ml	1
661	Ống Microtube (Eppendorf) PP 1.5ml nắp phẳng	23053	Flmedical				Gói/ 500c	1
662	Triton X100, C34H62O	MB031-100ML	Himedia				Chai/ 100ml	1
663	(CH <sub>3</sub> ) <sub>2</sub> CO Aceton		Chemsol				Chai/ 500ml	1
664	Trichloroacetic acid		Trung Quốc				Chai/ 500 gam	1
665	di-Sodium hydrogen phosphate Na <sub>2</sub> HPO <sub>4</sub>	Na <sub>2</sub> HPO <sub>4</sub> 4.12H <sub>2</sub> O	Trung Quốc				Chai/ 500g	1
666	Giấy lọc định tính 600 mmx 600 mm, chảy trung bình	1006-600	Newstar				Tờ	1
667	Sodium hydroxide, NaOH	1310-73-2	Xilong Scientific				Chai/ 500 gam	1
668	NH <sub>4</sub> NO <sub>3</sub>		Trung Quốc				Chai/ 500g	1
669	KNO <sub>3</sub>		Trung Quốc				Chai/ 500g	1
670	Ống Microtube (Eppendorf) PP 2ml nắp phẳng	23073	Flmedical				Gói/ 500 cái	1
671	Bộ còi chàyr sứ Ø80mm	C33595-0080	ONELAB				Bộ	1
672	Calcium carbonate	GRM104 4-500G	Himedia				Chai/ 500g	1
673	Ammonium Chloride, NH <sub>4</sub> Cl	106.007.040	GHTECH				Chai/ 500 gam	1
674	Hợp chất Ammonium sulfate	ADB006 0	Biobasic				Chai/ 500 gam	1
675	Thìa mức hóa chất 2 đầu tròn 220mm	SS300-220A	ONELAB				Cái	1

676	Chai thủy tinh Vial trắng 20ml, 27.5x57mm + Nắp vận kín	C0000057+C0000216	Alwsci				cái	1
677	Ống nghiệm 22x175	BLS.WR.17	Biohall Germany/ấn				Cái	1
678	Đầu Típ trắng 10ul	20-0010	Biologix				Gói/1000c	1
679	Tuýp PCR 0.2ml, nắp bằng	MB-P02-A	Gunster				Gói/500c	1
680	Petri thủy tinh 90/15mm		DINLAB Laborgeräte				Cái	1
681	Giá đa năng 4 mặt. nhựa PP	ONE.CT R.1003	ONELAB				Cái	1
682	Adenine hemisulphate anhydrous	A0908.0005	Duchefa				Chai/ 5g	1
683	Trichloroacetic acid		Trung Quốc				Chai/ 500 gam	1
684	NH4NO3		Trung Quốc				Chai/ 500g	1
685	KNO3		Trung Quốc				Chai/ 500g	1
686	Dung dịch đệm, NdeI	ER0581	Thermo Fisher				500 unit	1
687	Sall (10 U/μL)	ER0641	Thermo Scientific				1500 units	1
688	Ethidium bromide	E1510-10ML	Sigma-aldrich				Chai/ 10ml	1
689	(CH3)2CO Aceton	A/0600/PC17	Fisher				Chai/ 2.5L	1
690	AccuRive sDNA PrepKit	EX-DNA02.1F	Khoa Thương				Bộ/ 50 test	1
691	Kit tách chiết, T4 DNA Ligase, 5u/ul	B1125	Biobasic				200 U	1
692	Giấy vệ sinh		An AN				Lổc/ 10 cuộn	1
693	Bao rác đại 780 x 900 mm	DD780	Đại Hoàng Nguyễn				kg	1

694	Găng tay có bột size S	Latex-có bột size S	Vglove				Hộp/ 100 cái	1
695	Găng tay có bột size M	Latex-có bột size S	Vglove				Hộp/ 100 cái	1
696	Ống ly tâm 15ml, tiệt trùng	21410	Flmedical				Gói 1 cái. Thùng 750 cái	1
697	Ống đong thủy tinh 10ml	1601-10	ONELAB				Cái	1
698	Nước rửa tay	HS-1KG	Lifebuoy				Túi/ 1kg	1
699	Băng keo lớn	Bản 5cm	Việt Nam				Cuộn	1
700	Chai nhựa trắng PP nắp vặn/miệng rộng 2000ml		Onelab				cái	1
701	Đĩa nuôi cấy 96 giếng, PS, đáy phẳng	30096	SPL				Thùng/ 50c	1
702	Giấy A4	A4-70gsm	Double A				Rem	1
703	Cân Kỹ Thuật 3 Số chuẩn ngoại, 210g/0.001g am	JA203P	ONELAB				Cái	1
704	Ly giấy 120 mL	2OZ	Sai Gon Coop				Gói/ 20 cái	1
705	Đầu Típ trắng 10ul	20-0010	Biologix				Gói/ 1000c	1
706	Đầu típ 200ul	20-0200	Biologix				Gói/ 1000c	1
707	Đầu típ xanh 1000ul	1001/E	Aptaca				Gói/ 1000c	1
708	Ống Microtube (Eppendorf) PP 1.5ml nắp phẳng	23053	Flmedical				Gói/ 500c	1
709	Ống Microtube(Eppendorf) PP 0.5ml	23056	Flmedical				Gói/ 1000c	1
710	Găng tay nilon	GREEN ECO	Stavian				Hộp/ 50 bộ	1
711	Giấy bạc 30cmx5m	30cm x 5 mét	Việt Nam				Cuộn	1

712	Màng bọc thực phẩm 30cm x 30m	PE-30	Bách Hóa Xanh				Cuộn	1
713	Agar powder, Bacteriological grade	GRM026-500G	Himedia				Chai/ 500g	1
714	Gram-Color	1118850001	Merck				Bộ/ 5 x 500ml	1
715	Chai trung tính trắng có nắp vận 500ML	BLS.1105.05	Biohall Germany				cái	1
716	Nắp bình schott GL45		Biohall germany/ấn				Cái	1
717	Pipet thẳng chia vạch 1 ML	BLS.1700.04	Biohall Germany				Cái	1
718	Dụng cụ phân phối chất lỏng micropipet (Bơm định lượng có gắn thiết bị đo lường) 1 kênh 10-100ul	LHP2-V10	Phoenix Instrument - Germany				Cái	1
719	Ống Microtube (Eppendorf) PP 1.5ml nắp phẳng	23053	Flmedical				Gói/ 500 cái	1
720	Đầu tips xanh 100-1000ul	28053	Flmedical				Gói/ 500c	1
721	Đầu tips vàng có khóa 0-200ul	28052	Flmedical				Gói/ 1000c	1
722	Cồn 96, C <sub>2</sub> H <sub>5</sub> OH	64-17-5-96	Chemsol				Lít	1
723	Găng tay không bột size M	Latex-không bột Size M	Vglove				Hộp/ 100 cái	1
724	Cốc thủy tinh 250 ml	1101-250	ONELAB				Cái	1
725	Môi trường dinh dưỡng, Tryptone Type-1	RM014-500G	Himedia				Chai/ 500g	1
726	Yeast Extract Powder	RM027	Himedia				Chai/ 500g	1

727	Peptone, Bacteriological	RM001-500G	Himedia				Chai/500g	1
728	Cốc đốt thủy tinh thấp thành 50ML	BLS.100 0.04	Biohall Germany				Cái	1
729	Cốc đốt thủy tinh thấp thành 100ML	BLS.100 0.05	Biohall Germany				Cái	1
730	Cốc đốt thủy tinh thấp thành 250ML	BLS.100 0.07	Biohall Germany				Cái	1
731	Ống nghiệm 18x180mm	1231-18-180	ONELAB				Cái	1
732	Đũa thủy tinh F6 x 300 mm	1294-6-300	ONELAB				Cái	1
733	Phễu Thủy Tinh F75mm	1503-75	ONELAB				Cái	1
734	Bình định mức màu trắng 50ml	BLS.U.1 205	Phoenix Instrument - Germany				Cái	1
735	Bình định mức màu trắng 100mL	BLS.U.1 206	Phoenix Instrument - Germany				Cái	1
736	Bình tia nhựa MH, LDPE 500ml	WGF236 P	Alzon				Cái	1
737	Găng tay size XS		Top Glove				Hộp/100c	1
738	Găng tay size S		Top Glove				Hộp/100c	1
739	Găng tay size M						Hộp 50 đôi	1
740	Nón trùm đầu		Trung Quốc				Gói/100c	1
741	Bao giấy tiệt trùng		Trung Quốc				Gói/ 50 đôi	1
742	Pipette nhựa 3ml vô trùng	27045	Flmedical				Gói/ 1c	1
743	Đầu lọc vi sinh (màng Cellulose Acetate, bộ phận giữ, tự thoát khí), lỗ lọc 0.2 micromet, đường kính	S7597--- --- FXOSK	Sartorius				Hộp/ 50c	1

	28mm							
744	Thảm vải cotton 30 x 50cm		Việt Nam				Cái	1
745	Găng tay size XS		Top Glove				Hộp/ 100c	1
746	Găng tay size S		Top Glove				Hộp/ 100c	1
747	Găng tay size M						Hộp 50 đôi	1
748	Nón trùm đầu		Trung Quốc				Gói/ 100c	1
749	Bao giày tiệt trùng		Trung Quốc				Gói/ 50 đôi	1
750	Pipette nhựa 3ml vô trùng	27045	Flmedical				Gói/ 1c	1
751	Thảm vải cotton 30 x 50cm		Việt Nam				Cái	1
752	Cồn 96, C <sub>2</sub> H <sub>5</sub> OH	64-17-5-96	Chemsol				Lít	1
753	Bột thạch, agar	Hải Long Agar-1Kg	Hải Long				Kg	1
754	$\alpha$ -Amylase from porcine pancreas Type VI-B, $\geq 5$ units/mg solid	A3176-1MU,	SIGMA				Chai	1
755	Ống Microtube (Eppendorf) PP 1.5ml nắp phẳng	23053	Flmedical				Gói/ 500c	1
756	Micropipette hấp tiệt trùng 1 kênh 100-1000ul	LHP2-V100	Phoenix Instrument				Cái	1
757	Micropipette hấp tiệt trùng 1 kênh 20-200 $\mu$ l	LHP2-V20	Phoenix Instrument				Cái	1
758	Đầu tips xanh 100-1000ul	28053	Flmedical				Gói/ 500c	1

759	Đầu típ vàng có khóa 0-200ul	28052	Flmedical					Gói/ 1000c	1
760	Trichloroacetic acid		Trung Quốc					Chai/ 500 gam	1
761	DNS (3,5-Dinitrosalicylic acid)		Trung Quốc					Chai/ 25g	1
762	Đĩa petri nhựa PS - F90x16.2mm- vô trùng	29162	Flmedical					Thùng/ 480c	1
763	Bông gòn không thấm	BÔNG MỠ	Bảo Thạch					Kg	1
764	Pepton (Xilong-TQ)		Trung Quốc					Chai/ 250g	1
765	Resazurin sodium,	RM125-5G	Himedia					Chai/ 5g	1
766	Găng tay không bột size M	Latex-không bột Size M	Vglove					Hộp/ 100 cái	1
767	Trichloroacetic acid		Trung Quốc					Chai/ 500 gam	1
768	Cồn 96, C <sub>2</sub> H <sub>5</sub> OH	64-17-5-96	Chemsol	Việt Nam	VINA-CHEM	Phần trăm độ tinh khiết: 96% Dạng vật chất: Chất lỏng		Lít	1
769	Dầu hỏa, Petroleum Ether (60-90)	P-E-60-90-500ML	Chemsol	Việt Nam	VINA-CHEM	Nồng độ: 60-90% Dạng vật lý: Lỏng Điểm sôi: 60-90°C		Chai/ 500 ml	1
770	Dimethyl sulfoxide, C <sub>2</sub> H <sub>6</sub> OS	1.23041.010	GHTECH	Trung Quốc	Guangdong Guanghua Sci-Tech Co., Ltd.	Dạng vật lý: Chất lỏng không màu, không mùi. Mật độ tương đối: 1,10 Điểm nóng chảy (°C): 18,45 Tính tan: Tan trong nước, tan trong etanol, axeton, ete, cloroform.		Chai/ 500 ml	1
771	Dung dịch Sodium hydroxide, NaOH	1310-73-2	Xilong	Trung Quốc	Xilong Scientific	Dạng: rắn màu trắng đục, dễ chảy nước. Nồng độ: ≥96,0%		Chai/ 500 mL	1
772	Dung dịch, Sulfuric acid, H <sub>2</sub> SO <sub>4</sub>	1120801000	Merck	Đức	Merck	Nồng độ: ≥98,0% Chloride (Cl): ≤ 0,00001 % Nitrate (NO <sub>3</sub> ): ≤ 0,00002 %		Chai/ 1 Lít	1

773	Ethyl acetate, CH <sub>3</sub> COOC <sub>2</sub> H <sub>5</sub>	CH <sub>3</sub> COOC <sub>2</sub> H <sub>5</sub> -500ML	Chemsol	Việt Nam	VINA-CHEM	Nồng độ > 99,75% Dạng vật lý: Chất lỏng Phổ hồng ngoại phù hợp với cấu trúc Nước: <0,005% Độ bay hơi: <0,0005%	Chai/500 ml	1
774	Hexane, C <sub>6</sub> H <sub>14</sub>	C <sub>6</sub> H <sub>14</sub> -500ML	Chemsol	Việt Nam	VINA-CHEM	Nồng độ: ≥95 % Dạng vật lý: Lỏng	Chai/500 ml	1
775	Môi trường, Peptone	73049-73-7	Xilong	Trung Quốc	Xilong Scientific	Dạng vật chất: Dạng rắn, màu nâu nhạt, mùi đặc biệt. Giá trị pH: 6-7 (100 g / 1 H <sub>2</sub> O, 20 °C) Ti trọng khối lượng lớn: 490kg / m <sup>3</sup>	Chai/250 gam	1
776	Phosphorous acid, H <sub>3</sub> PO <sub>3</sub>	GRM2384-500G	Himedia	Ấn Độ	Himedia	Dạng: Khối tinh thể màu trắng, hút ẩm và dễ chảy nước Độ hòa tan: 33,3 mg tan trong 1 mL nước	Chai/500 gam	1
777	Thang protein, Unstained Protein Ladder	26614	Thermo Fisher	Mỹ	Thermo Fisher Scientific	Hai lọ 250 µL mỗi lọ, protein ở mức 0,02 đến 0,05 mg/mL mỗi lọ Dung dịch đệm lưu trữ: 62,5 mM Tris-H <sub>3</sub> PO <sub>4</sub> (pH 7,5 ở 25°C), 1 mM EDTA, 2% SDS, 10 mM DTT, 1 mM NaN <sub>3</sub> , 0,01% xanh bromophenol và 33% glycerol	Hộp/ 2 x 250 µL	1
778	Cồn 96, C <sub>2</sub> H <sub>5</sub> OH	64-17-5-96	Chemsol				Lít	1
779	PageRuler Unstained Protein Ladder	26614	Thermo Scientific				2 x 250 µL	1
780	Bông gòn không thấm	Bông Mỡ-1KG	Bảo Thạch	Việt Nam	Châu Ngọc Thạch	Vật liệu: 100% bông tự nhiên, đã được chải qua để loại bỏ tạp chất. Kết cấu mịn màng và mềm mại. Không thấm nước.	Kg	1
781	Bút lông dầu màu đỏ	PM-09	Thiên Long	Việt Nam	Thiên Long	Bề rộng 2 nét viết: 0,8 mm & 6 mm Màu mực: đỏ	Cái	1

782	Găng tay không bột size M	Latex-không bột Size M	Vglove	Việt Nam	Khải Hoàn	Chất liệu: Cao su tự nhiên Size M, Không bột chưa tiệt trùng. Dùng được cả hai tay, cổ tay được se viền, bề mặt găng tay trơn hoặc vùng bàn tay nhám. Màu trắng cao su tự nhiên	Hộp/ 100 cái	1
783	Giấy A4 80gsm	A4 Double A 80gsm	Double A	Việt Nam	Double A	Chất lượng: Giấy trắng đẹp, láng, mịn Quy cách: Khổ A4 (500sheets/ Ream) Định lượng: 80gsm	Xấp	1
784	Giấy vệ sinh	Giấy cuộn-An An	An An	Việt Nam	An An	Dạng cuộn, giấy vệ sinh 2 lớp	Cuộn	1
785	Nước lau sàn	Sunlight-lausan-3,6kg	Sunlight	Việt Nam	Unilever	Tinh dầu hoa lily, hương thảo, các thành phần làm sạch.	Gói/ 3.6 kg	1
786	Nước rửa tay 450 gam	P03374	Lifebuoy	Việt Nam	UNILEVER	Nước rửa tay: Công thức Ag+ Khối lượng: 450 gam Mùi: Có mùi An toàn da tay	Chai/ 450 gam	1
787	Nước tẩy javel	BJ-1KG	Javel	Việt Nam	Javel	Nước tẩy Javel có công thức hóa học NaClO. Muối Natri Clorua Oxit có tính oxy hóa cực kỳ mạnh vì thế mà nước Javen có tính tẩy rửa và sát trùng rất tốt.	Chai/ 1 kg	1
788	Cồn 96, C2H5OH	64-17-5-96	Chemsol				Lít	1
789	Micropipette hấp tiệt trùng 1 kênh 100-1000ul	LHP2-V100	Phoenix Instrument				Cái	1
790	Dụng cụ hút chính xác 10-100 microlit, có thể hấp khử trùng	00-NAR-100	Nichiryo				Cái	1
791	Dụng cụ hút chính xác 100-1000 microlit, có thể hấp khử trùng	00-NPX2-1000	Nichiryo				Cái	1
792	Acid citric monohydrate	1.002.440.500	Merck				Hũ 500g	1

793	Potassium Sorbate	1.051.18 0.500	Merck				Hũ 500g	1
794	Sodium benzoate	1.062.90 0.500	Merck				Hũ 500g	1
795	Valproic acid sodium salt	P4543- 10G	Sigma				Chai/ 10g	1
796	Găng tay có bột size S	Latex-có bột size S	Vglove				Hộp/ 100 cái	1
797	Găng tay có bột size M	Latex-có bột size M	Vglove				Hộp/ 100 cái	1
798	Khăn giấy vuông	805805- 80045	Pulppy				Gói	1
799	Ống ly tâm nhựa PP đáy nhọn kẻ vạch 15ml	21408	Flmedical				Gói/ 50c	1
800	Ống ly tâm nhựa PP đáy nhọn kẻ vạch 50ml	21401	Flmedical				Gói/ 100c	1
801	Màng Parafilm 10 cm x 38 m	PM996	Ancor				Cuộn	1
802	Dung dịch đệm, PBS (10X), pH 7.4	7001104 4	Thermo Fisher				Chai/ 500 ml	1
803	Fetal Bovine Serum	F4135- 100ML	Sigma				Chai/ 100ml	1
804	Trypsin-EDTA solution 0.25%, sterile-filtered	T4049- 100ml	Sigma				Chai/ 100ml	1
805	DMEM/F-12	D8437- 500ML	Sigma				Chai/ 500ml	1
806	Potassium Sorbate	1.051.18 0.500	Merck				Hũ 500g	1
807	Sodium benzoate	1.062.90 0.500	Merck				Hũ 500g	1
808	Ethanol 96%, C <sub>2</sub> H <sub>5</sub> OH	64-17-5- 96	Chemsol				Lít	1
809	Bột thạch, agar	Hải Long Agar- 1Kg	Hải Long				Kg	1
810	Bút lông đầu	WB-03	Thiên Long				Cái	1
811	SalI (10 U/ $\mu$ L)	ER0641	Thermo Scientific				1500 unit	1
812	NdeI	ER0581	Thermo				500 unit	1

			Fisher					
813	Tuýp PCR 0.2ml, nắp bằng	60-0082	Biologix				Gói/ 1000c	1
814	Bông gòn không thấm	BÔNG MỠ	Bảo Thạch				Kg	1
815	Đĩa petri nhựa PS - F90x16.2m m- vô trùng	29162	Flmedical				Thùng/ 480c	1
816	Giá đỡ ống nghiệm inox 50VT	ST500-50	ONELAB				Cái	1
817	Mini-PROTEAN® Short Plates	1653308	Bio-rad				Hộp 5 cái	1
818	Đầu tip 1000-1250ul, có lọc, tiệt trùng, chống bám dính	BT1250	Neptune				Hộp/ 96c	1
819	Đầu tip 200ul, có lọc, tiệt trùng, chống bám dính	BT200	Neptune				Hộp/ 96c	1
820	Đầu tip dài 10ul, có lọc, tiệt trùng, chống bám dính	BT10XL S3	Neptune				Hộp/ 96c	1
821	Que trải vi sinh thủy tinh (que tam giác)		ONELAB				cái	1
822	Mini-PROTEAN® Short Plates	1653308	Bio-rad				Hộp 5 cái	1
823	Hygromycin B		Trung Quốc				Chai/ 1g	1
824	Kanamycin monosulphate, Hi-LR™	CMS717 2-5G	Himedia				Chai/ 5g	1
825	Rifampicin	R0146.0 005	Duchefa				Chai/ 5g	1
826	Gentamicin sulphate	CMS461 -5G	Himedia				Chai 5g	1
827	Dung dịch đệm, Loading Buffer 6X có SyBR	P-LBS6X-1mL	Phù Sa				Ống/ 1ml	1

	Green							
828	Petri thùy tinh 90/15mm		DINLAB Laborgerä te				Cái	1
829	Chai trung tính trắng có nắp vặn 100ML	BLS.110 5.03	Biohall Germany				cái	1
830	Chai trung tính trắng có nắp vặn 250ML	BLS.110 5.04	Biohall Germany				cái	1
831	Trichloroacetic acid (TCA)		Trung Quốc				Chai/ 500 gam	1
832	GoScript™ Reverse Transcriptase	A5003	Promega				100 rxn	1
833	Thuốc nhuộm DNA (safe dye)		Phù Sa Genomics				250ul	1
834	Phenol Saturated pH 7.9	DD-020	ABT Việt Nam				Chai/ 400ml	1
835	Sodium hydroxid, NaOH	S/4840/6 0	Fisher				Chai/ 1kg	1
836	EcoRI	R0101S	NEB				10,000 units	1
837	NcoI	R0193S	NEB				1000 units	1
838	Tuýp PCR 0.2ml, nắp bằng	MB-P02- A	Gunster				Gói/ 500c	1
839	Đầu Típ trắng 10ul	20-0010	Biologix				Gói/ 1000c	1
840	Micropipette hấp tiết trùng 1 kênh 100-1000ul	LHP2- V100	Phoenix Instrument				Cái	1
841	Micropipette hấp tiết trùng 1 kênh 500-5000ul	LHP2- V500	Phoenix Instrument				Cái	1
842	Môi trường dinh dưỡng, Potato Dextrose Broth	GM403- 500G	Himedia				Chai/ 500g	1

843	Sodium hydrogen carbonate, NaHCO <sub>3</sub>	101398020	GHTECH				Chai/ 500 gam	1
844	Ống Microtube (Eppendorf) PP 2ml nắp phẳng	23073	Flmedical				Gói/ 500c	1
845	Ống nghiệm 25x200mm	BLS.WR .20	Biohall Germany/ ần				Cái	1
846	Bình tia nhựa MH, LDPE 500ml	WGF236 P	Alzon				Cái	1
847	Bộ cối chàyr sứ Ø80mm	C33595-0080	ONELAB				Bộ	1
848	Que trải vi sinh thủy tinh (que tam giác)		ONELAB				cái	1
849	Hygromycin B		Trung Quốc				Chai/ 1g	1
850	Trichloroacetic acid (TCA)		Trung Quốc				Chai/ 500 gam	1
851	Agar Hải Long		Hải Long				Kg	1
852	Bông không thấm		Bảo Thạch				Kg	1
853	Malachite Green						Chai/ 25g	1
854	Màng lọc Cellulose nitrate, lỗ lọc 0.20µm, Ø47mm, màng trắng kẻ sọc đen, đã tiệt trùng, 100 tấm/hộp	11407--47----ACN-1	Satorius				Hộp/ 100t	1
855	Mueller Hinton Broth	M391-500G	Himedia				Chai/ 500g	1
856	Ống ly tâm nhựa PP đáy nhọn kẻ vạch 50ml-30×115mm	21401	Flmedical				Gói/ 100 cái	1
857	Ống ly tâm nhựa PP đáy nhọn kẻ vạch 15ml-17×120mm	21408	Flmedical				Gói/ 50 cái	1

858	Ống Microtube (Eppendorf) PP 1.5ml nắp phẳng	23053	Flmedical				Gói/ 500 cái	1
859	Ống Microtube (Eppendorf) PP 2ml nắp phẳng	23073	Flmedical				Gói/ 500 cái	1
860	Ống nghiệm có nắp vặn phi 16 * 100 mm		Biohall/germany				cái	1
861	Ống nghiệm có nắp vặn phi 18 * 180 mm		Biohall/germany				cái	1
862	Parafin lỏng, chai 500ml		Trung Quốc				Chai/ 500ml	1
863	Pepton (Xilong-TQ)		Trung Quốc				Chai/ 250g	1
864	Petri nhựa 6 cm, tiết trùng	29150	Flmedical/Y				Thùng/1 080	1
865	Đĩa petri nhựa PS - F90x16.2mm - vô trùng	29162	Flmedical				Thùng/ 480c	1
866	Phin lọc CA, lỗ lọc 0.20 µm, Ø26mm, đã tiết trùng		Satorius				Hộp/50c	1
867	Phin lọc CA, lỗ lọc 0.45 µm, Ø26mm, đã tiết trùng		Satorius				Hộp/50c	1
868	Pikovskaya's Broth	GM1719-500G	Himedia				Chai/ 500g	1
869	Potassium dihydrogen phosphate, KH <sub>2</sub> PO <sub>4</sub>	101.863.020	GHTECH				Chai/ 500 gam	1
870	Potassium hydroxide, KOH	101.763.028	GHTECH				Chai/ 500 gam	1
871	Potato Dextrose Broth	GM403-500G	Himedia				Chai/ 500g	1
872	Resazurin sodium,	RM125-5G	Himedia				Chai/ 5g	1

873	Sodium chloride, NaCl	101.307.040	GHTECH				Chai/ 500 gam	1
874	Sodium dihydrogen phosphate dihydrate, NaH <sub>2</sub> PO <sub>4</sub> .2 H <sub>2</sub> O		GHTECH				Chai/ 500 gam	1
875	Starch soluble, (C <sub>6</sub> H <sub>10</sub> O <sub>5</sub> ) <sub>n</sub>	124.255.010	GHTECH				Chai/ 500 gam	1
876	Sulfuric acid, H <sub>2</sub> SO <sub>4</sub>	114.006.028	GHTECH				Chai/ 500ml	1
877	Nessler's Reagent	1090280500	Merck				Chai/ 500ml	1
878	Trichoderma Selective medium-M1836-500G-Himedia	M1836-500G	Himedia				Chai/ 500g	1
879	Tween 80, C <sub>24</sub> H <sub>44</sub> O <sub>6</sub>	125.304.050	GHTECH				Chai/ 500ml	1
880	Yeast Extract Powder	RM027	Himedia				Chai/ 500g	1
881	Ống nhỏ giọt nhựa, Pipette pasteur 3 mL	US-C43810040PH	ONELAB				Hộp/ 500 cái	1
882	Nước cất 2 lần	DW-2	Chemsol				Lít	1
883	Ethanol 99%, C <sub>2</sub> H <sub>5</sub> OH	64-17-5-99	Chemsol				Chai/ 1 Lít	1
884	Ống ly tâm nhựa PP đáy nhọn kẻ vạch 50ml	21401	Flmedical				Gói/ 100 cái	1
885	Ống ly tâm nhựa PP đáy nhọn kẻ vạch 15ml	21408	Flmedical				Gói/ 50c	1
886	Ống nhỏ giọt nhựa, Pipette pasteur 3 mL	US-C43810040PH	ONELAB				Hộp/ 500 cái	1
887	Ethanol 99%, C <sub>2</sub> H <sub>5</sub> OH	64-17-5-99	Chemsol				Chai/ 1 Lít	1
888	Bơm tiêm 1ml	BT1	Vinahankook				Hộp/100 cái	1

889	Găng tay không bột size M	Latex-không bột Size M	Vglove				Hộp/ 100 cái	1
890	Găng tay không bột size S	Latex-không bột size S	Vglove				Hộp/ 100 cái	1
891	Diethyl ether, (CH <sub>3</sub> CH <sub>2</sub> ) <sub>2</sub> O	1009211000	Supelco	Đức	Merck	Cấp chất lượng: 300Nồng độ: ≥99,7% Dạng: lỏngNhiệt độ tự bốc cháy: 320 °F	Chai/ 1 Lít	1
892	Bột thạch, Agar powder, Bacteriological Grade	GRM026-500G	Himedia	Ấn Độ	HIMEDIA	Số lượng vi khuẩn ≤ 1000 CFU/gram Số lượng nấm men & nấm mốc ≤ 100 CFU/gram Canxi ≤ 0,1%	Chai/ 500 gam	1
893	HyperLadder 100bp	BIO-33029	Bioline	Mỹ	Meridian Bioscience	Dấu hiệu trọng lượng phân tử dễ sử dụng, được thiết kế để dễ dàng xác định kích thước axit nucleic từ 100 bp đến 1 kb.	Hộp/ 200 lanes	1
894	Đầu tip 10 µl	20-0010	Biologix	Trung Quốc	Biologix	Vật liệu: Nhựa PP Dung tích hút mẫu: 10µl Có thể hấp diệt trùng	Gói/ 1000 cái	1
895	Ống ly tâm, eppendoff 0,2ml	60-0082	Biologix	Trung Quốc	Biologix	Vật liệu: Polypropylene Kích thước: 0,2 ml	Gói/ 1000 cái	1
896	Cồn 96, C <sub>2</sub> H <sub>5</sub> OH	64-17-5-96	Chemsol	Việt Nam	VINA-CHEM	Phần trăm độ tinh khiết: 96% Dạng vật chất: Chất lỏng	Lít	1
897	Đầu tip vàng có khóa 0-200 µl	28052	Flmedical	Ý	Flmedical	Đầu tip màu vàng polypropylene, loại từ 0 đến 200 µl	Gói/ 1000 cái	1
898	Kit tách chiết, dNTP Mix (10 mM each)	P031-02	Vazyme	Trung Quốc	Vazyme	PCR companion: dNTP Mix chứa các dung dịch nước được trộn sẵn của dATP, dCTP, dGTP và dTTP, mỗi dung dịch có nồng độ cuối cùng là 10 mM	Ống/ 5 x 1 ml	1
899	RNase A, DNase and protease-free (10 mg/mL)	EN0531	Thermo Scientific	Lithuania	Thermo Fisher Scientific	Loại sản phẩm: RNase A. Khối lượng: 10 mg Nồng độ: 10 mg/mL	Chai/ 10 mg	1
900	Kit tách chiết, Taq DNA Polymerase, recombinant (5 U/µL)	EP0402	Thermo Fisher	Lithuania	Thermo Fisher Scientific	Hiệu suất PCR giàu GC: Thấp Để sử dụng với (Ứng dụng): Chuẩn PCR Loại sản phẩm: Taq DNA Polymerase (Tái	Ống/ 500 Units	1

						tổ hợp)		
901	Đầu tip 10 µl	20-0010	Biologix	Trung Quốc	Biologix	Vật liệu: Nhựa PP Dung tích hút mẫu: 10µl Có thể hấp tiệt trùng	Gói/ 1000 cái	1
902	Ống ly tâm, eppendoff 0,2ml	60-0082	Biologix	Trung Quốc	Biologix	Vật liệu: Polypropylene Kích thước: 0,2 ml	Gói/ 1000 cái	1
903	Cồn 96, C2H5OH	64-17-5-96	Chemsol	Việt Nam	VINA-CHEM	Phần trăm độ tinh khiết: 96%Dạng vật chất: Chất lỏng	Lít	1
904	Đầu tip vàng có khóa 0-200 µl	28052	Flmedical	Ý	Flmedical	Đầu tip màu vàng polypropylene, loại từ 0 đến 200 µl	Gói/ 1000 cái	1
905	Găng tay không bột size M	Latex-không bột Size M	Vglove	Việt Nam	Khải Hoàn	Chất liệu: Cao su tự nhiên Size M, Không bột chưa tiệt trùng. Dùng được cả hai tay, cổ tay được se viền, bề mặt găng tay trơn hoặc vùng bàn tay nhám. Màu trắng cao su tự nhiên	Hộp/ 100 cái	1
906	Đầu tip xanh 1000 µl	28053	Flmedical	Ý	Flmedical	Đầu tip polypropylene loại từ 100 đến 1000 µl	Gói/ 500 cái	1
907	Thuốc thử kovac's	1092930 100	Millipore	Đức	Merck	Mật độ: 0.92 g/cm3 (20 °C) Điểm chớp cháy: 36°C	Chai/ 100 ml	1
908	Môi trường vi sinh Coagulase Rabbit Plasma	BR0020 8	Biokar	Pháp	Biokar Diagnostics	Cây khuẩn lạc để xác nhận vào môi trường nuôi cấy Brain Heart (BK015) và ủ 24 giờ ở 37°C. • Cây 0,1 mL dịch nuôi cấy Brain Heart vào ống huyết tương thô. • Trộn đều. Ủ ở 35°C hoặc 37°C trong 4 đến 24 giờ.	Hộp/10 lọ	1
909	Đĩa Petrifilm kiểm Salmonella	6536	3M	Mỹ	3M	Được sử dụng để phát hiện định tính và sinh hóa nhanh chóng xác nhận các loại Salmonella trong các mẫu thực phẩm và môi trường chế biến thực phẩm	Gói/50 cái	1

910	Đĩa lòng Petrifilm kháng định Salmonella	6538	3M	Mỹ	3M	Thời gian trả kết quả: 4-5 giờ Điều kiện bảo quản: -20-8°C Kích thước: 22,30 cm x 11,50 cm x 6,00 cm	Gói/5 cái	1
911	Bột thạch, Agar powder, Bacteriological Grade	GRM026-500G	Himedia	Ấn Độ	HIMEDIA	Số lượng vi khuẩn ≤ 1000 CFU/gram Số lượng nấm men & nấm mốc ≤ 100 CFU / gram Canxi ≤ 0,1%	Chai/500 gam	1
912	Đĩa petri nhựa PS - F90x16,2m m- Iso 6	29152	Flmedical	Ý	Flmedical	Vật liệu: Nhựa PS Đường kính: 90 mm Cao: 16,2 mm Không vents, tiêu chuẩn ISO 6	Thùng/480 cái	1
913	Đĩa Petrifilm kiểm Staphylococcus Aureus	6490	3M	Mỹ	3M	Đĩa Petrifilm kiểm Staphylococcus Aureus, là một phương pháp nhanh chóng và chính xác để xác định tổng số Staphylococcus coagulase dương tính trong các mẫu thực phẩm và nước uống.	Gói/50 cái	1
914	Đĩa lòng kiểm kháng định Staphylococcus coagulase dương tính	6492	3M	Mỹ	3M	Chất phân tích: Staphylococcus aureus Chất nền: Rapid Microbiology Thời gian trả kết quả: 0,5-3 giờ	Gói/20 cái	1
915	BHI Broth (Brain Heart Infusion Broth)	M210-500G	Himedia	Ấn Độ	HIMEDIA	HM infusion powder #: 12.500 BHI powder: 5.000 Proteose peptone: 10.000	Chai/500 gam	1
916	Rappaport Vassiliadis Medium	M880-500G	Himedia	Ấn Độ	Himedia	Soya peptone: 4.500 Sodium chloride: 7.200	Chai/500 gam	1
917	Lysine Decarboxylase Broth	M376-500G	Himedia	Ấn Độ	Himedia	Peptone: 5.000 Yeast extract: 3.000 Dextrose (Glucose): 1.000	Chai/500 gam	1
918	Môi trường dinh dưỡng, Soyabean Casein Digest Medium (Tryptone Soya Broth)	M011	Himedia	Ấn Độ	Himedia	Thành phần: Gms / Lít Tryptone: 17.000 Soya peptone: 3.000 Sodium chloride: 5.000	Chai/500 gam	1
919	Kligler Iron Agar	M078-500G	Himedia	Ấn Độ	Himedia	Peptone: 15.000 HM Peptone B #: 3.000 Yeast extract: 3.000	Chai/500 gam	1

920	Cồn 96, C <sub>2</sub> H <sub>5</sub> OH	64-17-5- 96	Chemsol	Việt Nam	VINA- CHEM	Phần trăm độ tinh khiết: 96% Dạng vật chất: Chất lỏng	Lít	1
921	Đầu típ vàng có khóa 0-200 µl	28052	Flmedical	Ý	Flmedical	Đầu típ màu vàng polypropylene, loại từ 0 đến 200 µl	Gói/ 1000 cái	1
922	Găng tay không bột size M	Latex- không bột Size M	Vglove	Việt Nam	Khải Hoàn	Chất liệu: Cao su tự nhiên Size M, Không bột chưa tiệt trùng. Dùng được cả hai tay, cổ tay được se viền, bề mặt găng tay trơn hoặc vùng bàn tay nhám. Màu trắng cao su tự nhiên	Hộp/ 100 cái	1
923	Đầu típ xanh 100- 1000µl	28053	Flmedical	Ý	Flmedical	Đầu típ polypropylene loại từ 100 đến 1000 µl	Gói/ 500 cái	1
924	Rổ Chũ Nhật Cao 31 cm	No.708	Duy Tân	Việt Nam	Duy Tân	Vật liệu: Nhựa PP Kích thước: 46,5 x 31 x 10,5 cm	Cái	1
925	Rổ Chũ Nhật Cao 31 cm	No.708	Duy Tân	Việt Nam	Duy Tân	Vật liệu: Nhựa PP Kích thước: 46,5 x 31 x 10,5 cm	Cái	1
926	Ca nhựa có quai 2.000 ml	US- C15702- 2LE	ONELAB	Trung Quốc	Zhejiang Huili	Vật liệu: PP Dung tích: 2000ml Chịu nhiệt: 121°C	Cái	1
927	Thau nhựa 2T	2T0	Duy Tân	Việt Nam	Duy Tân	Vật liệu: Nhựa PP Kích thước: Ø 20 x 7 cm	Cái	1
928	Thau nhựa 3T	3T0	Duy Tân	Việt Nam	Duy Tân	Vật liệu: Nhựa PP Kích thước: Ø 29.5 x 10 cm	Cái	1
929	Chổi rửa ống nghiệm 16mm	VC16x1 60	ONELAB	Việt Nam	Hữu Đạt	Vật liệu: Sợi thép bện lông thú Kích thước: Ø16x160 mm	Cái	1
930	Ống nghiệm 16x100mm	1231-16- 100	ONELAB	Trung Quốc	Zhejiang Huili	Vật liệu: Thủy tinh boro 3.3 Đường kính: 16mm Chiều dài: 100mm	Cái	1
931	Ống nghiệm 16x160mm	1231-16- 160	ONELAB	Trung Quốc	Zhejiang Huili	Vật liệu: Thủy tinh boro 3.3 Đường kính: 16mm Chiều dài: 160mm	Cái	1
932	Chai nhỏ giọt LDP 250 ml	US/R- C16290- 0250	ONELAB	Trung Quốc	Zhejiang Huili	Vật liệu: LDP Dung tích: 250 ml Nắp đậy có vòi nhỏ giọt	Cái	1
933	Kéo thẳng 20cm	ONE.AS S.200	ONELAB	Việt Nam	ASS	Chất liệu: Thép không ghỉ Kích thước: 20 cm Kiểu: thẳng	Cái	1

934	Găng tay không bột size L	Latex-không bột Size L	Vglove	Việt Nam	Khải Hoàn	Chất liệu: Cao su tự nhiên Size L, Không bột chưa tiệt trùng. Dùng được cả hai tay, cổ tay được se viền, bề mặt găng tay trơn hoặc vùng bàn tay nhám. Màu trắng cao su tự nhiên	Hộp/ 50 đôi	1
935	Khẩu than trang 3 lớp	4U-med	Thời Thanh Bình	Việt Nam	Thời Thanh Bình	Vật liệu: vảiLoại: có lọc than hoạt tính	Hộp/ 50 cái	1
936	Thiết bị gia nhiệt	ONELA B-HP-1500	ONELAB	Trung Quốc	Zhejiang Huili	Công suất: 1000-1500W Kích thước mặt gia nhiệt: Ø180mm Số vị trí đặt mẫu: 01	Cái	1
937	Buret thủy tinh khóa nhựa 25ml	25.1642fa	ONELAB	Trung Quốc	Zhejiang Huili	Vật liệu: Thủy tinh class A Khóa: Nhựa PTFE Thể tích: 25 ml Vạch chia 0,1 ml	Cái	1
938	Iron(II) sulfate heptahydrate, FeSO4.7H2O	1.11165.010	GHTECH	Trung Quốc	Guangdong Guanghua Sci-Tech Co., Ltd.	Hàm lượng: 99,0% - 101,0% Chất không tan trong nước: ≤0,005%	Chai/ 500 gam	1
939	Hydrogen peroxide 30%, H2O2	1.01101.025	GHTECH	Trung Quốc	Guangdong Guanghua Sci-Tech Co., Ltd.	Chloride(Cl): ≤0,0001% Sulfate(SO4): ≤0,0003% Total nitrogen(N): ≤0,001%	Chai/ 500 ml	1
940	Iso-Pentanol, (CH3)2CHCH2CH2OH	1.17035.023	GHTECH	Trung Quốc	Guangdong Guanghua Sci-Tech Co., Ltd.	Dạng: Chất lỏng không màu, có mùi khó chịu. Tỷ trọng tương đối (nước = 1): 0,81	Chai/ 500 ml	1
941	Trisodium phosphate dodecahydrate, Na3PO4.12H2O	1.01400.010	GHTECH	Trung Quốc	Guangdong Guanghua Sci-Tech Co., Ltd.	Dạng: Tinh thể không màu, dễ bị phong hóa trong không khí khô. Tỷ trọng tương đối (nước = 1): 1,62	Chai/ 500 gam	1
942	Ammonium Chloride, NH4Cl	1.06007.040	GHTECH	Trung Quốc	Guangdong Guanghua Sci-Tech Co., Ltd.	Dạng vật chất: Không mùi, vị mặn, dễ hút ẩm, dạng bột hoặc hạt kết tinh màu trắng. Tỷ trọng tương đối (nước = 1): 1,53 Điểm nóng chảy (°C): 520	Chai/ 500 gam	1

943	Dung dịch Aluminum Chloride Hexahydrate, $AlCl_3.6H_2O$	HCTQ0370	Xilong	Trung Quốc	Xilong Scientific	Dạng vật chất: hạt hoặc bột màu trắng, có mùi axit clohydric nồng nặc. Màu vàng nhạt công nghiệp. Hàm lượng: $\geq 99\%$	Chai/ 500 gam	1
944	Acetone, $CH_3COCH_3$	67-64-1	Xilong	Trung Quốc	Xilong Scientific	Nồng độ $\geq 99,8\%$ Dạng vật lý: Chất lỏng	Chai/ 500 ml	1
945	Ammonia Solution, $NH_4OH$	1.06073.028	GHTECH	Trung Quốc	Guangdong Guanghua Sci-Tech Co., Ltd.	Dạng vật chất: Là chất lỏng không màu, mùi hắc. Điểm nóng chảy ( $^{\circ}C$ ): $-77^{\circ}C$ Độ hòa tan: Hòa tan trong nước, rượu,	Chai/ 500 ml	1
946	Benzylamin efor synthesis, $C_7H_9N$	8018120500	Sigma-Aldrich	Đức	Merck	Cấp chất lượng: 200 Nồng độ: $\geq 99,0\%$ Dạng: lỏng Nhiệt độ tự bốc cháy: $405^{\circ}C$	Chai/ 500ml	1
947	Silica gel self indicator, $SiO_2$	1.23226.020	GHTECH	Trung Quốc	Guangdong Guanghua Sci-Tech Co., Ltd.	Tỉ trọng: 2,6 Điểm nóng chảy ( $^{\circ}C$ ): 1610 Khối lượng phân tử: 60,08	Chai/ 500 gam	1
948	Môi trường dinh dưỡng, IPTG	IB0168	Biobasic	Canada	Biobasic	Dạng vật chất: Bột tinh thể màu trắng Độ nóng chảy: $112^{\circ}C \pm 2^{\circ}C$	Chai/ 1 gam	1
949	Đĩa 96 giếng	167008	Nunc	Mỹ	Thermo Fisher Scientific	Tấm giếng 96F, Nunclon Delta, trong suốt, có nắp, Vô trùng Giếng: 8x12	Thùng/ 50 cái	1
950	Diethyl ether, $C_4H_{10}O$	60-29-7	Chemsol	Việt Nam	VINA-CHEM	Nồng độ: 99% Dạng vật chất: Lỏng Quy cách đóng gói: chai 500 ml	Chai/ 500 ml	1
951	Isopropanol, $CH_3CH_2OH$	CH <sub>3</sub> CH <sub>2</sub> OHCH <sub>3</sub> -500ML	Chemsol	Việt Nam	VINA-CHEM	Hợp chất không màu, dễ cháy với mùi mạnh. Quy cách đóng gói: chai 500 ml	Chai/ 500 ml	1
952	Cồn 96, $C_2H_5OH$	64-17-5-96	Chemsol	Việt Nam	VINA-CHEM	Phần trăm độ tinh khiết: 96% Dạng vật chất: Chất lỏng	Lít	1
953	Trans-Zeatin, $C_{10}H_{13}N_5O$	Z0876-50MG	Sigma-Aldrich	Ấn Độ	Merck	Cấp chất lượng: 200 Xét nghiệm: $\geq 97\%$ Kỹ thuật: Nuôi cấy tế bào	Chai/ 50 mg	1
954	Gibberellic acid, $C_{19}H_{22}O_6$	G7645-500MG	Sigma-Aldrich	Mỹ	Merck	Hàm lượng: $\geq 90\%$ gibberellin A3 (trên tổng số gibberellin). Kỹ thuật nuôi cấy tế bào   thực vật: phù hợp Ứng dụng: Nông nghiệp	Chai/ 500 mg	1

955	Gibberellin A4, C19H24O5	G7276-5MG	Sigma-Aldrich	Mỹ	Merck	Hàm lượng: $\geq 90\%$ Dạng: rắn Tạp chất: $\leq 5\%$ gibberellin A7	Chai/ 5 mg	1
956	Abscisic acid (S-ABA)	A0941.0100	Duchefa	Hà Lan	Duchefa Biochemie	Dạng: Chất rắn Màu: Trắng Khối lượng phân tử: 264,3 g/mol	Chai/ 100 mg	1
957	Myo-Inositol, C6H12O6	I7508-50G	Sigma-Aldrich	Trung Quốc	Merck	Cấp chất lượng: 300 Dòng sản phẩm: Thuốc thử sinh học Hàm lượng: $\geq 99\%$ (GC)	Chai/ 50 mg	1
958	Ống nghiệm 22x175	BLS.WR.17	Biohall Germany	Ấn Độ	Biohall	Vật liệu: ASTM E-438 Type-1 Class A, Thủy tinh Boro 3.3. Đường kính: 22 mm Cao: 175 mm	Cái	1
959	Giấy lọc định tính 110mm, chảy trung bình	102-110	Newstar	Trung Quốc	Newstar	Vật liệu: Giấy lọc Đường kính: 110 mm Loại: định tính chảy trung bình	Hộp/ 100 tờ	1
960	Giấy PH 1-14	PH 1-14	Newstar	Trung Quốc	Hangzhou Special Paper Industry Co., Ltd (NEWSTAR INDUSTRY)	Vật liệu: giấy Thang đo pH: 1-14	Tập/ 80 test	1
961	Giấy bạc 30cmx5m	R12	Ringo	Việt Nam	Ringo	Loại sản phẩm: Màng nhôm bọc thực phẩm Kích thước: Dài 5 m x rộng 30 cm	Cuộn	1
962	Màng bọc thực phẩm 0,3 x 30m	MBTP.30	Coop Select	Việt Nam	Sai Gon Coop	Định lượng: 0.3x30m Thành phần: Nhựa PVC	Cuộn	1
963	Bông gòn thấm	Bông-1KG	Bảo Thạch	Việt Nam	Châu Ngọc Thạch	Vật liệu: 100% bông xơ tự nhiên Khả năng thấm hút cao và nhanh. Mịn màng, mềm mại, không gây kích ứng da. Thân thiện môi trường, bông trắng và sạch. Bông có sợi sơ dài và chắc chắn, nên khi sử dụng sẽ không bị đổ bụi.	Kg	1

964	Bảng mỏng sắc ký, TLC Silica gel 60 F254	1055540001	Supelco	Đức	Merck	Tấm TLC nhôm, silica gel phủ chỉ thị huỳnh quang F254. Các tấm TLC silica gel có số lượng 25 tấm kích thước 20x20 cm dùng cho ứng dụng sắc ký lớp mỏng.	Hộp/25 tờ	1
965	Ethanol 70%, C <sub>2</sub> H <sub>5</sub> OH	64-17-5-70	Chemsol				Lít	1
966	Ethanol absolute	1009832511	Merck				Chai/2.5 L	1
967	Nước rửa chén	Hương Chanh 3,6 lít	Sunlight				Can/ 3,6 kg	1
968	Cây lau nhà	HO-03	Phúc Thịnh				Cái	1
969	Nước lau sàn hương hoa Lavender	Lavender 3,6 Kg	Sunlight				Gói/ 3,6 kg	1
970	Nước rửa tay	HS-1KG	Lifebuoy				Túi/ 1kg	1
971	Chổi bông cỏ quét nhà	BC63	Việt Nam				Cái	1
972	Bao rác đại 780 x 900 mm	DD780	Đại Hoàng Nguyên				Kg	1
973	Giấy vệ sinh		An AN				Lôc/ 10 cuộn	1
974	Giấy A4	A4-70gsm	Double A				Rem	1
975	Luỡi dao mổ 12		Ấn Độ				hộp	1
976	Tuýp ly tâm 5ml, dạng eppendorf, đáy tròn	80-0050R	Biologix				Gói/ 200c	1
977	Ống ly tâm nhựa PP đáy bằng kẻ vạch 50ml	21403	Flmedical				Gói/ 100c	1
978	Propidium Iodide	P1304MP	Gibco				100 mg	1
979	MOPS, BIOPERFORMANCE CERTIFIED	M3183-100G	Sigma				Chai/ 100g	1
980	Ethanol Absolute	E/0650DF/17	Fisher				Chai/ 2.5L	1
981	2-Propanol	1096341000	Merck				Chai/ 1L	1
982	Triton X100,	MB031-100ML	Himedia				Chai/ 100ml	1

	C34H62O							
983	Ống Microtube (Eppendorf) PP 1.5ml nắp phẳng	23053	Flmedical				Gói/ 500 cái	1
984	Ống Microtube (Eppendorf) PP 2ml nắp phẳng	23073	Flmedical				Gói/ 500 cái	1
985	Đầu Típ trắng 10ul	20-0010	Biologix				Gói/ 1000c	1
986	Đầu típ xanh 100-1000ul	28053	Flmedical				Gói/ 500c	1
987	Đầu típ vàng có khóa 0-200ul	28052	Flmedical				Gói/ 1000c	1
988	Tuýp PCR 0.2ml, nắp bằng	MB-P02-A	Gunster				Gói/ 500c	1
989	Ống ly tâm nhựa PP đáy nhọn kẻ vạch 50ml	21401	Flmedical				Gói/ 100c	1
990	Ống ly tâm nhựa PP đáy nhọn kẻ vạch 15ml	21408	Flmedical				Gói/ 50c	1
991	Micropipet hấp tiết trùng 1 kênh 0.5-10 $\mu$ l	LHP2-V05	Phoenix Instrument				Cái	1
992	Micropipet hấp tiết trùng 1 kênh 10-100 $\mu$ l	LHP2-V10	Phoenix Instrument				Cái	1
993	Micropipet hấp tiết trùng 1 kênh 100-1000 $\mu$ l	LHP2-V100	Phoenix Instrument				Cái	1
994	Micropipet hấp tiết trùng 1 kênh 500-5000ul	LHP2-V500	Phoenix Instrument				Cái	1
995	Keo chỉ thị nhiệt	1322-24MM	3M				Cuộn	1
996	(CH <sub>3</sub> ) <sub>2</sub> CO Aceton		Chemsol				Chai/ 500ml	1
997	Petroleum ether 60-90		Chemsol				Chai/ 500ml	1
998	Dipotassium hydrogenphosphate K <sub>2</sub> HPO <sub>4</sub>	K <sub>2</sub> HPO <sub>4</sub> 3H <sub>2</sub> O	Trung Quốc				Chai/ 500g	1

999	Hydrochloric Acid -HCL		Trung Quốc				Chai/ 500ml	1
1000	Tween 20, C58H114O26	8221841000	Merck				Chai/ 1L	1
1001	Buret thủy tinh trắng khóa PTFE 25ML/0.05	BLS.1800.10	Biohall Germany				Cái	1
1002	Giá buret 25 mlCung cấp bao gồm:Bộ giá đỡ lớn (Đế + cọc): 1Kẹp buret nhựa đôi: 1		ONELAB				Bộ	1
1003	Kẹp buret nhựa đôi		ONELAB				Cái	1
1004	Ethanol 96%, C2H5OH	64-17-5-96	Chemsol				Lít	1
1005	Bảng mỏng sắc ký 200*200mm , Silicagel 60, F254	1055540001	Merck				Hộp/ 25t	1
1006	Cốc thủy tinh 250 ml	1101-250	ONELAB				Cái	1
1007	Đĩa petri nhựa PS - F90x16.2mm- vô trùng	29162	Flmedical				Thùng/ 480c	1
1008	Pipet thẳng chia vạch 5 ML	BLS.1700.08	Biohall Germany				Cái	1
1009	Tuýp PCR 0.2ml, nắp bằng	MB-P02-A	Gunster				Gói/ 500c	1
1010	Đầu Típ trắng 10ul	20-0010	Biologix				Gói/ 1000c	1
1011	Lame kính trơn 76*26mm	1000000	Marienf eld				Hộp/ 50 cái	1
1012	Lamelle/ Phiến kính 24*24mm	101060	Marienf eld				Hộp/ 100 cái	1
1013	Glycerol, C3H8O3	117062020	GHTECH				Chai/ 500 ml	1
1014	Giấy lọc định tính chảy trung 60x60cm	1006-600	Newstar				Tờ	1
1015	Đầu típ xanh 100-	28053	Flmedical				Gói/ 500c	1

	1000ul							
1016	Ống đong nhựa 500ml, vạch xanh	US/R-C43308-0500B	ONELAB				Cái	1
1017	Ống đong nhựa 1Lít vạch khắc nổi	US/R-C43308-1LE	ONELAB				Cái	1
1018	Đèn cồn 150ml	1381-150	ONELAB				Cái	1
1019	Đầu típ vàng có khóa 0-200ul	28052	Flmedical				Gói/1000c	1
1020	Ca nhựa không quai 2.000ml	US-C15700-2LB	ONELAB				Cái	1
1021	AlCl <sub>3</sub> .6H <sub>2</sub> O	104158018	Trung Quốc				Chai/500g	1
1022	Đầu típ xanh 1000ul	1001/E	Aptaca				Gói/1000c	1
1023	Sodium dihydrogen phosphate dihydrate, NaH <sub>2</sub> PO <sub>4</sub> .2H <sub>2</sub> O		GHTECH				Chai/500 gam	1
1024	di-Sodium hydrogen phosphate Na <sub>2</sub> HPO <sub>4</sub>	101504040	GHTECH				Chai/500 gam	1
1025	Potassium dihydrogen phosphate, KH <sub>2</sub> PO <sub>4</sub>	101863020	GHTECH				Chai/500 gam	1
1026	Dipotassium hydrogen phosphate K <sub>2</sub> HPO <sub>4</sub>	101862010	GHTECH				Chai/500 gam	1
1027	Micropipette hấp tiết trùng 1 kênh 100-1000ul	LHP2-V100	Phoenix Instrument				Cái	1
1028	Micropipette hấp tiết trùng 1 kênh 500-5000ul	LHP2-V500	Phoenix Instrument				Cái	1
1029	Môi trường dinh dưỡng, Potato Dextrose Broth	GM403-500G	Himedia				Chai/500g	1
1030	Sodium hydrogen carbonate, NaHCO <sub>3</sub>	101398020	GHTECH				Chai/500 gam	1

1031	Ống Microtube (Eppendorf) PP 2ml nắp phẳng	23073	Flmedical				Gói/ 500c	1
1032	Ống nghiệm 25x200mm	BLS.WR .20	Biohall Germany/ ần				Cái	1
1033	Bình tia nhựa MH, LDPE 500ml	WGF236 P	Alzon				Cái	1
1034	Chai thủy tinh Vial trắng 20ml, 27.5x57mm + Nắp vận kín	C000005 7+C0000 216	Alwsci				cái	1
1035	Chai thủy tinh Vial nâu 20ml, 27.5x57mm + Nắp vận kín	C000005 8+C0000 215	Alwsci				cái	1
1036	Thìa mức hóa chất 2 đầu tròn 300mm	SS300- 220A	ONELAB				Cái	1
1037	Nhíp thẳng 25cm		Pakistan				cái	1
1038	Cán dao mổ phẫu thuật Pakistan số 7		Pakistan				cái	1
1039	Rec. RNasin® RNase Inhibitor,	N2511	Promega				2500 U	1
1040	Oligo(dT) 15 Primer	C1101	Promega				20ug	1
1041	Nicotinic acid	CMS177 -100G	Himedia				Chai/ 100g	1
1042	Trichloroacetic acid (TCA)		Trung Quốc				Chai/ 500 gam	1
1043	KNO3		Trung Quốc				Chai/ 500g	1
1044	NH4NO3		Trung Quốc				Chai/ 500g	1
1045	NH4Cl		Trung Quốc				Chai/ 500g	1

1046	Máy lắc ống nghiệm Vortex Thôn g số kỹ thuật: Tốc độ : 0 - 2500 rpm Chuyển động lắc : tròn Biên độ : 4 mm Thay đổi liên tục tốc độ bằng núm vặn chia vạch Chế độ lắc : liên tục và ấn giữ Chân đế silicon triệt tiêu sự rung động khi ở tốc độ cao	RS-VA10	Phoenix Instrument - Germany				cái	1
1047	Trichloroacetic acid (TCA)		Trung Quốc				Chai/ 500 gam	1
1048	KNO3		Trung Quốc				Chai/ 500g	1
1049	NH4NO3		Trung Quốc				Chai/ 500g	1
1050	Khăn giấy vuông	805805	Pulppy				Gói	1
1051	Bông gòn thấm	Bông KG	Bảo Thạch				Kg	1
1052	Nước cất 2 lần	DW-2	Chemsol				Lít	1
1053	Ethanol 70%, C2H5OH	64-17-5-70	Chemsol				Lít	1
1054	Sodium chloride, NaCl	101307040	GHTECH				Chai/ 500 gam	1
1055	Calcium chloride anhydrous, CaCl2	103377010	GHTECH				Chai/ 500 gam	1
1056	Potassium chloride, KCl	101.704.030	GHTECH				Chai/ 500g	1
1057	Sodium hydrogen carbonate, NaHCO3	101398020	GHTECH				Chai/ 500 gam	1
1058	Luỡi lam	88369	Gillette				Hộp/ 5c	1
1059	Lam kính (Microscope slides)	GT201-7102	Greetmed				Hộp/ 72 cái	1

1060	Phiến kính (Lamelle)	0340-1120	ONELAB				Hộp/ 100 cái	1
1061	Ethanol 99%, C <sub>2</sub> H <sub>5</sub> OH	64-17-5-99	Chemsol				Chai/ 1 Lít	1
1062	(CH <sub>3</sub> ) <sub>2</sub> CO Aceton		Chemsol				Chai/ 500ml	1
1063	Acetic acid, C <sub>2</sub> H <sub>4</sub> O <sub>2</sub>	114035028	GHTECH				Chai/ 500 ml	1
1064	Methanol 99%, CH <sub>3</sub> OH		Trung Quốc				Chai/ 500ml	1
1065	Sodium hydrogen carbonate, NaHCO <sub>3</sub>	101398020	GHTECH				Chai/ 500 gam	1
1066	Bộ cối chàyr sứ Ø80mm	C33595-0080	ONELAB				Bộ	1
1067	Ống nghiệm thủy tinh Ø25*200mm	BLS.WR.20	Biohall Germany/ Ấn				Cái	1
1068	(CH <sub>3</sub> ) <sub>2</sub> CO Aceton	A/0600/PC17	Fisher				Chai/ 2.5L	1
1069	Hydrochloric acid, HCL	114.008.028	GHTECH				Chai/ 500 ml	1
1070	Bảng mỏng sắc ký 200*200mm, Silicagel 60, F254	1055540001	Merck				Hộp/ 25t	1
1071	Sodium hydroxide, NaOH	1310-73-2	Xilong Scientific				Chai/ 500 gam	1
1072	Phễu Thủy Tinh F60mm	1503-60	ONELAB				Cái	1
1073	Ống đong thủy tinh 10ml	1601-10	ONELAB				Cái	1
1074	Methylcyclohexane	126580010	Thermo Scientific Chemicals				Chai 1 L	1
1075	Pin sạc Energizer AAA 800mAh		Energizer				Vi/ 2 viên	1
1076	Hũ thủy tinh nắp cài kín hơi thân cao 1000ml	BOAC-1000	Fido				Cái	1
1077	Giấy vệ sinh		An AN				Lôc/ 10 cuộn	1
1078	Bút lông	WB-03	Thiên				Cái	1

	dầu		Long					
1079	Ethanol 70%, C <sub>2</sub> H <sub>5</sub> OH	67-64-1- 70	Chemsol				Lít	1
1080	Acid Sunfuric- H <sub>2</sub> SO <sub>4</sub>	1007311 000	Merck				Chai/ 1L	1
1081	Chloroform		Chemsol				Chai 500 mL	1
1082	Methylcyclo hexane	1265800 10	Thermo Scientific Chemicals				Chai 1 L	1
1083	Methanol 99%, CH <sub>3</sub> OH		Trung Quốc				Chai/ 500ml	1
1084	(CH <sub>3</sub> ) <sub>2</sub> CO Aceton		Chemsol				Chai/ 500ml	1
1085	Ống ly tâm nhựa PP đáy nhọn kẻ vạch 15ml	21408	Flmedical				Gói/ 50c	1
1086	Ly giấy 120 mL	2OZ	Sai Gon Coop				Gói/ 20 cái	1
1087	Ống Microtube ( Eppendorf) PP 1.5ml nắp phẳng	23053	Flmedical				Gói/ 500c	1
1088	Tuýp PCR 0.2ml, nắp bằng	60-0082	Biologix				Gói/ 1000c	1
1089	Đầu Típ trắng 10ul	20-0010	Biologix				Gói/ 1000c	1
1090	Đầu típ vàng có khóa 0-200ul	28052	Flmedical				Gói/ 1000c	1
1091	Đầu típ xanh 100- 1000ul	28053	Flmedical				Gói/ 500c	1
1092	Nước muối		Vĩnh Phúc				Chai/ 500 ml	1
1093	Ống nghiệm đựng mẫu có nắp bằng nhựa ( EZ - 10 Column & Collection tube )	SD5005	Biobasic				Gói/ 100c	1
1094	2-Propanol		Chemsol				Chai/ 500ml	1
1095	Ống Microtube (Eppendorf) PP 2ml nắp phẳng	23073	Flmedical				Gói/ 500c	1

1096	Tuýp PCR 0.2ml, nắp bằng	60-0082	Biologix				Gói/ 1000c	1
1097	H-taq polymerase	SHT06-R250	Solgent				200 reactions	1
1098	Dung dịch đệm, NdeI	ER0581	Thermo Fisher				500 unit	1
1099	Polyme tự nhiên Agarose M	AB0013	Biobasic				Chai/ 50g	1
1100	Sall (10 U/ $\mu$ L)	ER0641	Thermo Scientific				1500 units	1
1101	Đĩa nuôi cấy 96 giếng, PS, đáy phẳng	30096	SPL				Thùng/ 50c	1
1102	Màng Parafilm 10 cm x 38 m	PM996	Amtcor				Cuộn	1
1103	Keo chỉ thị nhiệt	1322-24MM	3M				Cuộn	1
1104	DEPC Water	DD-052	ABT				Chai/ 100ml	1
1105	Ống ly tâm, Falcon 50ml	50050	SPL				Thùng/ 500 cái	1
1106	Giá cho tuýp 1.5ml hoặc 2ml, 80 vị trí	90-8009	Biologix				Cái	1
1107	Giá đỡ ống nghiệm inox 21 vị trí	ST500-21	ONELAB				Cái	1
1108	Chổi rửa dụng cụ thí nghiệm nhỏ		Việt Nam				Cái	1
1109	Bộ cối chà sứ Ø80mm	C33595-0080	ONELAB				Bộ	1
1110	Đĩa nuôi cấy 24 giếng, PS, tiệt trùng, xử lý bề mặt	30024	SPL				Thùng/ 50 cái	1
1111	Chai nuôi cấy nắp lọc 25cm <sup>2</sup> , PS, xử lý bề mặt	70025	SPL				Thùng/ 200c	1
1112	Chai nuôi cấy nắp lọc 25cm <sup>2</sup> , PS, xử lý bề mặt, tiệt trùng	70075	SPL				Thùng/ 100c	1
1113	Đầu tips xanh 100-1000ul	28053	Flmedical				Gói/ 500c	1

1114	Đầu típ vàng có khóa 0-200ul	28052	Flmedical				Gói/ 1000c	1
1115	Đầu Típ trắng 10ul	4110-00	SSI				Gói/ 1000c	1
1116	Ống ly tâm nhựa PP đáy nhọn kẻ vạch 15ml	21408	Flmedical				Gói/ 50c	1
1117	Ống ly tâm nhựa PP đáy nhọn kẻ vạch 50ml	21401	Flmedical				Gói/ 100 cái	1
1118	Giấy lọc định tính chảy trung 60x60cm	1006-600	Newstar				Tờ	1
1119	Giấy Lụa Cuộn		Pulppy				Cuộn	1
1120	Chổi bông cỏ quét nhà	BC63	Việt Nam				Cái	1
1121	Quả bóp cao su 90ml	US-C43990-0090	ONELAB				Cái	1
1122	Ethanol 96%, C <sub>2</sub> H <sub>5</sub> OH	64-17-5-96	Chemsol				Lít	1
1123	Trichloroacetic acid TCA						500g/cha i	1
1124	Môi trường nuôi cấy DMEM - high glucose	D6429-500ML	Sigma				Chai/ 500ml	1
1125	Môi trường Fetal Bovine Serum (FBS)	SV30160.03	Cytiva HyClone				Chai/ 500ml	1
1126	Penicillin-Streptomycin	P4333-100ml	Sigma				Chai/ 100ml	1
1127	S)-(+)-Camptothecin ≥90% (HPLC), powder, DNA topoisomerase I inhibitor	C9911-100MG	Sigma				Chai/ 100mg	1
1128	Trichloroacetic acid TCA						500g/cha i	1
1129	Agar powder, Bacteriological grade	GRM026-500G	Himedia				Chai/ 500g	1

1130	Gram-Color	1118850001	Merck				Bộ/ 5 x 500ml	1
1131	Chai trung tính trắng có nắp vận 500ML	BLS.1105.05	Biohall Germany				cái	1
1132	Nắp bình schott GL45		Biohall germany/ấn				Cái	1
1133	Ống Microtube (Eppendorf) PP 1.5ml nắp phẳng	23053	Flmedical				Gói/ 500 cái	1
1134	Đầu tips xanh 100-1000ul	28053	Flmedical				Gói/ 500c	1
1135	Đầu tips vàng có khóa 0-200ul	28052	Flmedical				Gói/ 1000c	1
1136	Cồn 96, C <sub>2</sub> H <sub>5</sub> OH	64-17-5-96	Chemsol				Lít	1
1137	Găng tay không bột size M	Latex-không bột Size M	Vglove				Hộp/ 100 cái	1
1138	Cốc thủy tinh 250 ml	1101-250	ONELAB				Cái	1
1139	Đĩa petri nhựa PS - F90x16.2mm- vô trùng	29162	Flmedical				Thùng/ 480c	1
1140	Môi trường dinh dưỡng, Soyabean Casein Digest Medium (Tryptone Soya Broth)	M011-500G	Himedia				Chai/ 500g	1
1141	Natri dichloroisocyanurat						Chai/500 gam	1
1142	Thuốc nhuộm Nile Red	72485-100MG	Merck				Chai/100 mg	1
1143	Methyl jasmonate	392707-25ml	Sigma				Chai/ 25ml	1
1144	Betanin	901266-1G	Sigma				Chai/1 gam	1
1145	Cồn tuyệt đối		Chemsol				Chai/ 1L	1
1146	Chrome Azurol S	190050250	Thermo Fisher Scientific				Chai/ 25g	1

1147	PIPES, 98.5+%, for biochemistry	172615000	Thermo Fisher Scientific				Chai/ 500g	1
1148	Casamino Acid	CB3060	Biobasic				Chai/ 100g	1
1149	Casamino Acid	CB3060	Biobasic				Chai/ 500g	1
1150	Potassium antimony(III)oxide	1080921000	Merck				Chai/ 1kg	1
1151	NH <sub>4</sub> molybdate 4H <sub>2</sub> O		Trung Quốc				Chai/ 500g	1
1152	Trichloroacetic acid (TCA)		Trung Quốc				Chai/ 500 gam	1
1153	GoScript™ Reverse Transcriptase	A5003	Promega				100 rxn	1
1154	Thuốc nhuộm DNA (safe dye)		Phù Sa Genomics				250ul	1
1155	Phenol Saturated pH 7.9	DD-019	ABT Việt Nam				Chai/ 100ml	1
1156	Sodium hydroxid, NaOH	S/4840/60	Fisher				Chai/ 1kg	1
1157	Điện Cực pH Thủy Tinh Công BNC HI1131B	HI1131B	Hanna				cái	1
1158	Dung dịch KCl 3.5M châm điện cực pH môi nổi đôi, 500mL HI7082L	HI7082L	Hanna				Chai 500ml	1
1159	KNO <sub>3</sub>		Trung Quốc				Chai/ 500g	1
1160	NH <sub>4</sub> NO <sub>3</sub>		Trung Quốc				Chai/ 500g	1
1161	Tuýp PCR 0.2ml, nắp bằng	MB-P02-A	Gunster				Gói/ 500c	1
1162	Đầu Típ trắng 10ul	20-0010	Biologix				Gói/ 1000c	1
1163	Lame kính trơn 76*26mm	1000000	Marienfeld				Hộp/ 50 cái	1

1164	Lamelle/ Phiên kính 24*24mm	101060	Marienfel d				Hộp/ 100 cái	1
1165	Glycerol, C3H8O3	1170620 20	GHTECH				Chai/ 500 ml	1
1166	Giấy lọc định tính chảy trung 60x60cm	1006- 600	Newstar				Tờ	1
1167	Đầu típ xanh 100- 1000ul	28053	Flmedical				Gói/ 500c	1
1168	Đĩa nuôi cấy 96 giếng, PS, đáy phẳng	30096	SPL				Thùng/ 50c	1
1169	Ống đong nhựa 500ml, vạch xanh	US/R- C43308- 0500B	ONELAB				Cái	1
1170	Ống đong nhựa 1Lít vạch khắc nổi	US/R- C43308- 1LE	ONELAB				Cái	1
1171	Đèn cồn 150ml	1381- 150	ONELAB				Cái	1
1172	Đầu típ vàng có khóa 0-200ul	28052	Flmedical				Gói/ 1000c	1
1173	Ca nhựa không quai 2.000ml	US- C15700- 2LB	ONELAB				Cái	1
1174	AlCl <sub>3</sub> .6H <sub>2</sub> O	1041580 18	Trung Quốc				Chai/ 500g	1
1175	Đầu típ xanh 1000ul	1001/E	Aptaca				Gói/ 1000c	1
1176	Sodium dihydrogen phosphate dihydrate, NaH <sub>2</sub> PO <sub>4</sub> .2 H <sub>2</sub> O		GHTECH				Chai/ 500 gam	1
1177	di-Sodium hydrogen phosphate Na <sub>2</sub> HPO <sub>4</sub>	101.504. 040	GHTECH				Chai/ 500 gam	1
1178	Potassium dihydrogen phosphate, KH <sub>2</sub> PO <sub>4</sub>	1018630 20	GHTECH				Chai/ 500 gam	1
1179	Dipotassium hydrogenph osphate K <sub>2</sub> HPO <sub>4</sub>	101.862. 010	GHTECH				Chai/ 500 gam	1

1180	Micropipette hấp tiệt trùng 1 kênh 100-1000ul	LHP2-V100	Phoenix Instrument				Cái	1
1181	Micropipette hấp tiệt trùng 1 kênh 500-5000ul	LHP2-V500	Phoenix Instrument				Cái	1
1182	Môi trường dinh dưỡng, Potato Dextrose Broth	GM403-500G	Himedia				Chai/ 500g	1
1183	Sodium hydrogen carbonate, NaHCO <sub>3</sub>	101398020	GHTECH				Chai/ 500 gam	1
1184	Ống Microtube (Eppendorf) PP 2ml nắp phẳng	23073	Flmedical				Gói/ 500c	1
1185	Ống nghiệm 25x200mm	BLS.WR.20	Biohall Germany/ ần				Cái	1
1186	Bình tia nhựa MH, LDPE 500ml	WGF236P	Alzon				Cái	1
1187	Chai thủy tinh Vial trắng 20ml, 27.5x57mm + Nắp vận kín	C0000057+C0000216	Alwsci				cái	1
1188	Chai thủy tinh Vial nâu 20ml, 27.5x57mm + Nắp vận kín	C0000058+C0000215	Alwsci				cái	1
1189	Cân kỹ thuật điện tử 2 số lẻ (1100g/0,01 gam)	XY10002C	ONELAB				Cái	1
1190	Dung dịch đệm, Loading Buffer 6X có SyBR Green	P-LBS6X-1mL	Phù Sa				Ống/ 1ml	1
1191	Petri thủy tinh 90/15mm		DINLAB Laborgeräte				Cái	1
1192	Chai trung tính trắng có nắp vận 100ML	BLS.1105.03	Biohall Germany				cái	1

1193	Chai trung tính trắng có nắp vận 250ML	BLS.110 5.04	Biohall Germany				cái	1
1194	Cellulase enzyme		Trung Quốc				Chai/ 5g	1
1195	Hemicellulase						chai 5g	1
1196	Pectinase						chai 5g	1
1197	Enzyme T4 DNA Ligase, 5u/ul	B1125	Biobasic				200U	1
1198	FastAP Thermosensitive Alkaline Phosphatase (1 U/ $\mu$ L)	EF0654	Thermo Fisher				300 units	1
1199	Máy lắc ống nghiệm Vortex Thông số kỹ thuật: Tốc độ : 0 - 2500 rpm Chuyển động lắc : tròn Biên độ : 4 mm Thay đổi liên tục tốc độ bằng núm vận chia vạch Chế độ lắc : liên tục và ấn giữ Chân đế silicon triệt tiêu sự rung động khi ở tốc độ cao	RS-VA10	Phoenix Instrument - Germany				cái	1
1200	Natri dichloroisocyanurat						Chai/500 gam	1
1201	Hemicellulase						chai 5g	1
1202	Pectinase						chai 5g	1
1203	Trichloroacetic acid (TCA)		Trung Quốc				Chai/ 500 gam	1
1204	KNO3		Trung Quốc				Chai/ 500g	1

1205	NH <sub>4</sub> NO <sub>3</sub>		Trung Quốc				Chai/ 500g	1
1206	Cellulase enzyme		Trung Quốc				Chai/ 5g	1
1207	Polygalacturonic acid (PGA) 85% (Cool Chemistry, Cas 25990-10-7))						5g	1
1208	Sodium Dodecyl Sulfate, C <sub>12</sub> H <sub>25</sub> NaO <sub>4</sub> S	S/5200/53	Thermo Fisher				Chai/ 500 gam	1
1209	Hợp chất DTT	DB0058	Biobasic				Chai/ 25g	1
1210	Glycine công nghiệp						kg	1
1211	Bộ khuôn điện di SDS-PAGE (Mini-PROTEAN® Tetra Cell Casting Stand with Clamp Kit for Single Core System #1658052)		Biorad				bộ	1
1212	Đầu típ xanh 100-1000ul	28053	Flmedical				Gói/ 500c	1
1213	Đầu típ vàng có khóa 0-200ul	28052	Flmedical				Gói/ 1000c	1
1214	Ống Microtube (Eppendorf) PP 1.5ml nắp phẳng	23053	Flmedical				Gói/ 500c	1
1215	Ethanol 96%, C <sub>2</sub> H <sub>5</sub> OH	64-17-5-96	Chemsol				Lít	1
1216	Micropipette hấp tiệt trùng 1 kênh 100-1000ul	LHP2-V100	Phoenix Instrument				Cái	1
1217	Micropipette hấp tiệt trùng 1 kênh 10-100ul	LHP2-V10	Phoenix Instrument				Cái	1
1218	Sodim bicarbonate	SB0482	Biobasic				Chai/ 500g	1

1219	Na2HPO4	S0404	Biobasic				Chai/ 500g	1
1220	Polygalacturonic acid (PGA) 85% (Cool Chemistry, Cas 25990-10-7))						5g	1
1221	Bộ khuôn điện di SDS-PAGE (Mini-PROTEAN® Tetra Cell Casting Stand with Clamp Kit for Single Core System #1658052)		Biorad				bộ	1
1222	Chất thử HyperLadder 100bp	BIO-33029	BIOLINE				200lanes	1
1223	BioTaq DNA polymerase	BIO-21060	BIOLINE				2500 Units	1
1224	Tween 20, C58H114O26	8221841000	Merck				Chai/ 1L	1
1225	Guanidine HCl (Biobasic)	GB0242	Biobasic				Chai/ 500g	1
1226	Môi trường dinh dưỡng, Agarose	SA002-500	Genedirex				Chai/ 500 gam	1
1227	Đầu pipet vàng có khóa 0-200ul	28052	Flmedical				Gói/ 1000c	1
1228	Đầu Pipet trắng 10ul	20-0010	Biologix				Gói/ 1000c	1
1229	Tuýp PCR 0.2ml, nắp bằng	MB-P02-A	Gunster				Gói/ 500c	1
1230	Ethanol 96%, C2H5OH	64-17-5-96	Chemsol				Lít	1
1231	Găng tay không bột size M	Latex-không bột Size M	Vglove				Hộp/ 100 cái	1
1232	Bst polymerase (8U/ul)	M0537L	NEB				8000 units	1
1233	MgCl2 Solution, 50mM	BIO-37026	Bioline				Hộp	1

1234	<u>Magnesium Sulfate (MgSO4) Solution 100mM</u>	M0537L	NEB				1.5 ml	1
1235	dNTP (10mM)	BIO-39053	Bioline				100 micromol	1
1236	<u>Magnesium Sulfate (MgSO4) Solution 100mM</u>	M0537L	NEB				1.5 ml	1
1237	Khăn giấy vuông	805805	Pulppy				Gói	1
1238	Bông gòn thấm	Bông KG	Bảo Thạch				Kg	1
1239	Nước cất 2 lần	DW-2	Chemsol				Lít	1
1240	Ethanol 70%, C2H5OH	64-17-5-70	Chemsol				Lít	1
1241	Sodium chloride, NaCl	101307040	GHTECH				Chai/ 500 gam	1
1242	Calcium chloride anhydrous, CaCl2	103377010	GHTECH				Chai/ 500 gam	1
1243	Potassium chloride, KCl	101.704.030	GHTECH				Chai/ 500g	1
1244	Sodium hydrogen carbonate, NaHCO3	101398020	GHTECH				Chai/ 500 gam	1
1245	Bình tia nhựa MH, LDPE 500ml	WGF236P	Alzon				Cái	1
1246	Đầu tip micropipette 5000 microL	5001/ON	APTACA				Gói/ 250 cái	1
1247	Ethanol 70%, C2H5OH	64-17-5-70	Chemsol				Lít	1
1248	Nhíp thẳng 16 cm, có mẫu	ST-16	ONELAB				Cái	1
1249	Ống nghiệm thủy tinh Ø25*200mm	BLS.WR.20	Biohall Germany/ấn				Cái	1
1250	Khăn giấy vuông	805805	Pulppy				Gói	1

1251	Nước rửa chén	DL750	Sunlight				Chai/ 750 gam	1
1252	Giấy A4 80gsm	A4- 80gsm	Double A				Gam	1
1253	Bao rác đại 780 x 900 mm	DD780	Đại Hoàng Nguyễn				Kg	1
1254	Trisbase	TB0196	Biobasic				Chai/ 500g	1
1255	DEPC Water	DD-052	ABT				Chai/ 100ml	1
1256	Guanidine thiocyanate	GB0244	Bio basic				Hũ 250g	1
1257	Ethidium bromide solution	E1510- 10ML	Sigma				Chai/ 10ml	1
1258	Ống ly tâm, Falcon 15ml	50015	SPL				Thùng/ 500 cái	1
1259	Ống hút mẫu, pipette 5 mL	91005	SPL				Hộp/ 100c	1
1260	Ống hút nhựa trắng 1ml, tiệt trùng	91001	SPL				Hộp/ 100c	1
1261	MEM, autoclavable , no glutamine, powder	1170007 7	Thermo Fisher				10 Lít	1
1262	Ống Microtube ( Eppendorf) PP 1.5ml nắp phẳng	23053	Flmedical				Gói/ 500 cái	1
1263	M-Protein (Casein)	GRM086 -500G	Himedia				Chai/ 500g	1
1264	Cuvet nhựa PS tốp đáy 2ml/FLmedi cal/ Code 24205/Hộp 100c	24205	Flmedical				Hộp/ 100c	1
1265	Lipopolysac charides from Escherichia coli O111:B4, code L2630- 25MG	L2630- 25MG	Sigma				Chai/ 25mg	1
1266	Dimethylsul foxide	D/4121/ PB15	Fisher				Chai/ 1L	1

1267	Methanol		Trung Quốc				Chai/ 500ml	1
1268	Dụng cụ hút mẫu (transferpette S) 20 - 200 µl (Brand)	705878	Brand				Cái	1
1269	Agar powder, Bacteriological grade	GRM026-500G	Himedia				Chai/ 500g	1
1270	Đĩa petri nhựa PS - F90x16.2mm - vô trùng	29162	Flmedical				Thùng/ 480c	1
1271	Chai trung tính trắng có nắp vặn 500ML	BLS.110 5.05	Biohall Germany				cái	1
1272	Nắp bình schott GL45		Biohall germany/án				Cái	1
1273	Ống Microtube (Eppendorf) PP 1.5ml nắp phẳng	23053	Flmedical				Gói/ 500 cái	1
1274	Đầu tips xanh 100-1000ul	28053	Flmedical				Gói/ 500c	1
1275	Đầu tips vàng có khóa 0-200ul	28052	Flmedical				Gói/ 1000c	1
1276	Cồn 96, C <sub>2</sub> H <sub>5</sub> OH	64-17-5-96	Chemsol				Lít	1
1277	Găng tay không bột size M	Latex-không bột Size M	Vglove				Hộp/ 100 cái	1
1278	Môi trường dinh dưỡng, Soyabean Casein Digest Medium (Tryptone Soya Broth)	M011-500G	Himedia				Chai/ 500g	1
1279	Methanol		Trung Quốc				Chai/ 500ml	1
1280	Bút marker màu xanh	PM-04	Thiên Long				Cái	1
1281	Cây lau nhà	HO-03	Phúc Thịnh				Cái	1
1282	Chai nuôi cấy nắp lọc 25cm <sup>2</sup>	70025	SPL				Thùng/ 200 cái	1

1283	Đầu tip 10 uL	20-0010	Biologix				Gói/ 1000 cái	1
1284	Đầu tip 1000 uL	20-1000	Biologix				Bịch/ 1000 cái	1
1285	Đầu tip 200 uL	20-0200	Biologix				Gói/ 1000 cái	1
1286	Dây thun	DT50	Lợi lợi				Kg	1
1287	Dụng cụ phân phối Lông, Micropipette 100-1000ul	20011216	IKA				cái	1
1288	Dụng cụ phân phối Lông, Micropipette 10-100ul	20011214	IKA				cái	1
1289	Micropipette hấp tiệt trùng 1 kênh 0.5 - 10ul	20011211	IKA				cái	1
1290	Dung dịch đệm, PBS (10X), pH 7.4	70011044	Thermo Fisher				Chai/ 500 ml	1
1291	Dung dịch nhuộm 6X GelRed™ Loading Buffer with TriColor	DD-012	ABT				Ống/1ml	1
1292	Ethanol 70%, C <sub>2</sub> H <sub>5</sub> OH	64-17-5-70	Chemsol				Lít	1
1293	Ethanol absolute, C <sub>2</sub> H <sub>6</sub> O	117113023	GHTECH				Chai/ 500 ml	1
1294	Găng tay không bột size M	Latex-không bột Size M	Vglove				Hộp/ 100 cái	1
1295	Găng tay không bột size S	Latex-không bột size S	Vglove				Hộp/ 100 cái	1
1296	Giấy A4	A4-70gsm	Double A				Rem	1
1297	Giấy nhôm 45,7 cm x 7,62 m	37.5 SQFT	Diamond				cuộn	1

1298	Hộp đựng eppendorf 2ml trữ lạnh	90-9009	Biologix				Cái	1
1299	Khăn giấy vuông	805805	Pulppy				Gói	1
1300	Màng Parafilm 10 cm x 38 m	PM996	Amcor				Cuộn	1
1301	Môi trường dinh dưỡng, DEPC Water	DD-052	ABT				Chai/ 100 ml	1
1302	Môi trường dinh dưỡng, DMEM high glucose	1196509 2	Gibco				Chai/ 500 ml	1
1303	Nước cất 2 lần	DW-2	Chemsol				Lít	1
1304	Nước lau sàn hương hoa Lavender	Lavender 3,6 Kg	Sunlight				Gói/ 3,6 kg	1
1305	Nước rửa chén hương chanh	Hương Chanh 3,6 lít	Sunlight				Can/ 3,6 kg	1
1306	Nước rửa tay	HS-1KG	Lifebuoy				Túi/ 1 kg	1
1307	Nước tẩy	BJ-1KG	Javel				Chai/ 1 kg	1
1308	Ống Cryotube 1,8ml	43012	SPL				Gói/ 50 cái	1
1309	Ống ly tâm 15ml	21408	Flmedical				Gói/ 50 cái	1
1310	Ống ly tâm 50ml	21401	Flmedical				Gói/ 100 cái	1
1311	Ống ly tâm, eppendoff 0,2ml	60-0082	Biologix				Gói/ 1000 cái	1
1312	Ống ly tâm, eppendoff 2ml	80-0020	Biologix				Gói/ 500 cái	1
1313	Ống nghiệm eppendorf 1,5 ml	CT0001	Mida				Gói/ 1000 cái	1
1314	Ống nhỏ giọt nhựa, Pipette pasteur 3 mL	US-C438100 40PH	ONELAB				Hộp/ 500 cái	1
1315	Thang đọc PCR, HyperLadder 100bp	BIO-33056	BIOLINE				100 test	1
1316	Băng keo	K-	Thiên				cuộn	1

	dán	100Yard	Long					
1317	Bao hấp kích thước 30x40cm	B3040	Sai Gon coop				kg	1
1318	Bao hấp kích thước 50x70cm	B3050	Sai Gon coop				kg	1
1319	Bao rác trung 550 x 650mm	TT550	Đại Hoàng Nguyễn				Kg	1
1320	Bình xịt tia 500 ml	WGF236 P	AZLON				Cái	1
1321	Bơm tiêm 10 ml	BT10- KT-VH	Vinahank ook				Hộp/ 100 cái	1
1322	NdeI (10 U/μL)	ER0581	Thermo Scientific				500 units	1
1323	Găng tay có bột size S	Latex-có bột size S	Vglove				Hộp/ 100 cái	1
1324	Găng tay có bột size M	Latex-có bột size M	Vglove				Hộp/ 100 cái	1
1325	Bút marker màu xanh	PM-04	Thiên Long				Cái	1
1326	Bông gòn không thấm	BÔNG MỠ	Bảo Thạch				Kg	1
1327	Đầu Típ trắng 10ul	20-0010	Biologix				Gói/ 1000c	1
1328	Đầu típ vàng có khóa 0-200ul	28052	Flmedical				Gói/ 1000c	1
1329	Tuýp PCR 0.2ml, nắp bằng	60-0082	Biologix				Gói/ 1000c	1
1330	Đĩa petri nhựa PS - F90x16.2m m- vô trùng	29162	Flmedical				Thùng/ 480c	1
1331	Tuýp PCR 0.2ml, nắp bằng	60-0082	Biologix				Gói/ 1000c	1
1332	Micropipett e hấp tiết trùng 1 kênh 100-1000ul	LHP2- V100	Phoenix Instrumen t				Cái	1
1333	Micropipett e hấp tiết trùng 1 kênh 10-100ul	LHP2- V10	Phoenix Instrumen t				Cái	1
1334	Micropipett e hấp tiết trùng 1 kênh 0.5-10ul	LHP2- V05	Phoenix Instrumen t				Cái	1

1335	Giá đỡ ống nghiệm inox 50VT	ST500-50	ONELAB				Cái	1
1336	Ống ly tâm, Falcon 15ml	50015	SPL				Thùng/ 500 cái	1
1337	Mini-PROTEAN® Short Plates	1653308	Bio-rad				Hộp 5 cái	1
1338	Đầu tip 1000-1250ul, có lọc, tiệt trùng, chống bám dính	BT1250	Neptune				Hộp/ 96c	1
1339	Đầu tip 200ul, có lọc, tiệt trùng, chống bám dính	BT200	Neptune				Hộp/ 96c	1
1340	Đầu tip dài 10ul, có lọc, tiệt trùng, chống bám dính	BT10XLS3	Neptune				Hộp/ 96c	1
1341	Que trải vi sinh thủy tinh (que tam giác)		ONELAB				cái	1
1342	Ethidium bromide	E1510-10ML	Sigma-aldrich				Chai/ 10ml	1
1343	BD gaspak ez campy container system sachets (20 gói/pack)	260680	BD				Hộp	1
1344	Mini-PROTEAN® Short Plates	1653308	Bio-rad				Hộp 5 cái	1
1345	Dimethylsulfoxide	D/4121/PB15	Fisher				Chai/ 1L	1
1346	2,2-Diphenyl-1-picrylhydrazyl (DPPH)	D4313-1G	TCI				Chai/ 1g	1
1347	Gram Stains - Kit	K001-1KT	Himedia				Bộ	1
1348	Potassium Sodium Tartrate	K Na tartrate 4H2O	Trung Quốc				Chai/ 500g	1
1349	Acid Acetic-CH3COOH		Trung Quốc				Chai/ 500ml	1

1350	$\alpha$ -Glucosidase from Saccharomyces cerevisiae	G5003-100UN	Sigma				100UN	1
1351	Bông gòn không thấm	BÔNG MỠ	Bảo Thạch				Kg	1
1352	Giấy lọc định tính chảy trung 60x60cm	1006-600	Newstar				Tờ	1
1353	Ống Microtube (Eppendorf) PP 2ml nắp phẳng	23073	Flmedical				Gói/ 500c	1
1354	Petri thùy tinh 90/15mm		DINLAB Laborgeräte				Cái	1
1355	Bộ giá đỡ bình lỏng	Kit holder funnel	ONELAB				Bộ	1
1356	Micropipet hấp tiết trùng 1 kênh 500-5000ul	LHP2-V500	Phoenix Instrument				Cái	1
1357	Ống ly tâm nhựa PP đáy nhọn kẻ vạch 15ml	21408	Flmedical				Gói/ 50c	1
1358	Bột thạch, agar	Hải Long Agar-1Kg	Hải Long				Kg	1
1359	3,5-Dinitrosalicylic acid, Hi-AR™	GRM1582	Himedia				Chai/ 25 gam	1
1360	n-Hexane CH <sub>3</sub> (CH <sub>2</sub> ) <sub>4</sub> CH <sub>3</sub>	115.006.013	GHTECH				Chai/ 500 ml	1
1361	Ethyl acetate, CH <sub>3</sub> COOC <sub>2</sub> H <sub>5</sub>	CH <sub>3</sub> COOC <sub>2</sub> H <sub>5</sub> -500ML	Chemsol				Chai/ 500 ml	1
1362	Acarbose	459080010	Acros				Chai/ 1g	1
1363	Diclofenac Sodium	D2508	TCI				lọ/25g	1
1364	Diclofenac Sodium		Trung Quốc				Chai/ 500g	1
1365	Dicloromethane CH <sub>2</sub> Cl <sub>2</sub>		Chemsol				Chai/ 500 ml	1
1366	Chloroform, CHCl <sub>3</sub>	67-66-3	Chemsol				Chai/ 500 ml	1

1367	Methanol		Trung Quốc				Chai/ 500ml	1
1368	$\alpha$ -Amylase, from porcine pancreas	A3176-1MU	Sigma				Chai	1
1369	Đầu tip trắng 5000ul	20-5000ES	Biologix				Gói/ 100c	1
1370	Giá đỡ ống ly tâm falcon 50ml	90-5025	Biologix				Cái	1
1371	Phễu chiết quả lê khắc vạch 500ML- khóa PTFE	BLS.150 3.27	Biohall Germany				Cái	1
1372	Sodium Nitroprusside (SNP)	S0573	TCI				lọ/25g	1
1373	Sodium Nitroprusside (SNP)	GRM986	HiMedia				lọ/25g	1
1374	Sulfanilamide	S0123	TCI				lọ/25g	1
1375	Sulphanilamide, Hi-AR™	GRM1558	HiMedia				Chai/ 100g	1
1376	N-(1-Naphthyl)ethylenediamine dihydrochloride (NED)	RM1073-25G	HiMedia				Chai/ 25g	1
1377	Curcumin	C1386-5G	Sigma				Chai/ 5g	1
1378	Curcumin	RM1449-10G	HiMedia				Chai/ 10g	1
1379	pNPG (p-Nitrophenyl- $\alpha$ -D-glucopyranoside)	NB2361	Biobasic				Chai/ 1g	1
1380	Dulbecco's Modified Eagle's Medium - low glucose	D9443-500ML	Sigma				Chai/ 500ml	1
1381	Diclofenac Sodium	D2508	TCI				lọ/25g	1
1382	Sodium Nitroprusside (SNP)	S0573	TCI				lọ/25g	1

1383	Sodium Nitroprusside (SNP)	GRM986	HiMedia				lọ/25g	1
1384	Sulfanilamide	S0123	TCI				lọ/25g	1
1385	Diclofenac Sodium		Trung Quốc				Chai/500g	1
1386	Methanol		Trung Quốc				Chai/500ml	1
1387	Phenol			Trung Quốc			Chai/500g	1
1388	HNO <sub>3</sub>			Trung Quốc			Chai/500ml	1
1389	NH <sub>4</sub> Cl			Trung Quốc			Chai/500g	1
1390	AlCl <sub>3</sub> .6H <sub>2</sub> O			Trung Quốc			Chai/500g	1
1391	Cyclohexene (C <sub>6</sub> H <sub>10</sub> )			Trung Quốc			Chai/500ml	1
1392	Na <sub>2</sub> S.9H <sub>2</sub> O			Trung Quốc			Chai/500g	1
1393	Na <sub>3</sub> PO <sub>4</sub> 12H <sub>2</sub> O			Trung Quốc			Chai/500g	1

## PHỤ LỤC 2: MẪU BÁO GIÁ

STT	Danh mục hàng hóa	Ký mã hiệu	Nhãn hiệu	Năm sản xuất	Xuất xứ (quốc gia, vùng lãnh thổ)	Hãng sản xuất	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá	Thành tiền	Thời gian thực hiện gói thầu	Ghi chú
1.													
2.													

